

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**



**NGUYỄN THỊ THÚY AN**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN  
GIÁO DỤC HỌC CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM  
THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC**

*Chuyên ngành:* Giáo dục học

*Mã số:* 60.14.01.01

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Đức Minh**

**HÀ NỘI - 2016**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

**Tác giả**

*Nguyễn Thị Thúy An*

## LỜI CẢM ƠN

Bằng tấm lòng biết ơn sâu sắc, em xin chân thành cảm ơn Thầy giáo **PGS.TS. Nguyễn Đức Minh** đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo và giúp đỡ để em có thể hoàn thành công trình nghiên cứu này.

Em xin cảm ơn Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Trung tâm Đào tạo Bồi dưỡng đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Em xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành và sâu sắc tới các thầy cô giáo trong khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, các thầy cô giáo trường ĐHSP – ĐHTN đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành công trình nghiên cứu của mình.

Xin chân thành cảm ơn 150 bạn sinh viên của trường đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi hoàn thành công việc nghiên cứu của mình.

*Tác giả*

*Nguyễn Thị Thuý An*

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	3
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu .....	3
4. Giả thuyết khoa học .....	3
5. Nhiệm vụ nghiên cứu .....	4
6. Phạm vi nghiên cứu.....	4
7. Phương pháp nghiên cứu.....	4
8. Cấu trúc của luận văn.....	5
<b>Chương 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC HỌC CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC</b> .....	6
1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề .....	6
1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài.....	6
1.1.2. Những nghiên cứu ở trong nước .....	10
1.2. Các khái niệm cơ bản của đề tài.....	12
1.2.1. Đánh giá .....	12
1.2.2. Kết quả học tập.....	15
1.2.3. Đánh giá kết quả học tập.....	16
1.2.4. Năng lực .....	18
1.2.5. Đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực .....	22
1.3. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên.....	23
1.3.1. Ý nghĩa, vai trò và chức năng cơ bản của đánh giá kết quả học tập của sinh viên .....	23
1.3.2. Nguyên tắc đánh giá kết quả học tập của sinh viên.....	28
1.3.3. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên.....	30

1.3.4. Các hình thức đánh giá kết quả học tập của sinh viên .....	38
1.3.5. Quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên .....	39
1.4. Một số vấn đề về đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực .....	41
1.4.1. Môn giáo dục học và mục tiêu phát triển năng lực của sinh viên sư phạm... 41	
1.4.1.1. Những năng lực chung cần hình thành và phát triển cho sinh viên đại học sư phạm thông qua môn Giáo dục học .....	42
1.4.1.2. Những năng lực dạy học – giáo dục cần hình thành và phát triển cho sinh viên đại học sư phạm thông qua môn Giáo dục học. ....	44
1.4.2. Đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực .....	49
1.4.2.1. Mục tiêu của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực .....	49
1.4.2.2. Nội dung của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực .....	50
1.4.2.3. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực.....	50
1.4.2.4. Công cụ đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực.....	51
1.4.3.Các yếu tố ảnh hưởng đến đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực.....	58
1.4.3.1. Năng lực đánh giá của giảng viên giảng dạy môn Giáo dục học.....	58
1.4.3.2. Tính tích cực của sinh viên .....	60
1.4.3.3. Các cấp quản lý giáo dục .....	61
1.4.3.4. Điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện giảng dạy.....	61
<b>Kết luận chương 1 .....</b>	<b>62</b>

<b>Chương 2 THỰC TRẠNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN.....</b>	<b>64</b>
2.1. Một số vấn đề chung về nghiên cứu thực trạng .....	64
2.1.1. Mục đích của khảo sát.....	64
2.1.4. Công cụ khảo sát .....	64
2.2. Thực trạng đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên .....	65
2.2.1. Thực trạng nhận thức của Giảng viên và Sinh viên về đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực.....	65
2.2.1.2. Nhận thức của giảng viên và sinh viên về mục đích của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học.....	66
2.2.1.3. Nhận thức của giảng viên về khái niệm đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực .....	69
2.2.2. Thực trạng thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên theo tiếp cận năng lực .....	71
2.2.2.1. Thực trạng về mức độ đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học hiện nay .....	71
2.2.2.2. Nguyên nhân của việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học chưa chính xác.....	73
2.2.2.3. Thực trạng thực hiện mục tiêu đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực .....	74
2.2.2.4. Thực trạng thực hiện nội dung đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực .....	76
2.2.2.5. Thực trạng sử dụng công cụ đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực .....	82

2.2.2.6. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực.....	83
2.2.2.7. Những khó khăn trong quá trình đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực.....	87
2.3. Nhận xét chung về thực trạng .....	88
<b>Kết luận chương 2 .....</b>	<b>90</b>
<b>Chương 3 BIỆN PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC HỌC CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC VÀ KHẢO NGHIỆM.....</b>	<b>91</b>
3.1. Nguyên tắc để xây dựng biện pháp .....	91
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo mục tiêu dạy học môn học .....	91
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn .....	91
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện.....	91
3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính phù hợp với chương trình đào tạo.....	92
3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi và tính hiệu quả.....	92
3.2. Một số biện pháp đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực.....	93
3.2.1. Xây dựng và công khai các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học .....	93
3.2.1.1. Mục tiêu của biện pháp .....	93
3.2.1.2. Nội dung và cách thức tiến hành.....	93
3.2.1.3. Điều kiện để thực hiện .....	102
3.2.2. Sử dụng phối hợp các phương pháp, hình thức đánh giá năng lực vào đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học .....	103
3.2.2.1. Mục tiêu của biện pháp .....	103
3.2.2.2. Nội dung và cách thức tiến hành.....	103
3.2.2.3. Điều kiện để thực hiện .....	105

3.2.3. Xây dựng công cụ đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của Sinh viên Sư phạm theo tiếp cận năng lực .....	105
3.2.3.1. Mục tiêu của biện pháp .....	105
3.2.3.2. Nội dung và cách thức tiến hành.....	105
3.2.3.3. Điều kiện để thực hiện .....	108
3.2.4. Kết hợp đánh giá của giảng viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của sinh viên.....	109
3.2.4.1. Mục tiêu của biện pháp .....	109
3.2.4.2. Nội dung và cách thức tiến hành.....	109
3.2.4.3. Điều kiện để thực hiện .....	110
3.2.5. Mối quan hệ giữa các biện pháp .....	110
3.3. Khảo nghiệm sư phạm .....	111
3.3.1. Khái quát quá trình khảo nghiệm.....	111
3.3.1.1. Mục đích khảo nghiệm.....	111
3.3.1.2. Nội dung khảo nghiệm.....	111
3.3.1.3. Phương pháp khảo nghiệm.....	111
3.3.2. Kết quả khảo nghiệm. ....	111
<b>Kết luận chương 3</b> .....	114
<b>KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ</b> .....	115
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	118



## DANH MỤC CÁC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>Từ viết tắt</b>	<b>Nội dung</b>
1	ĐHSP	Đại học Sư phạm
2	ĐHTN	Đại học Thái Nguyên
3	GV	Giảng viên
4	SV	Sinh viên
5	YK	Ý kiến
6	ĐGKQHT	Đánh giá kết quả học tập
7	GDH	Giáo dục học
8	TCNL	Tiếp cận năng lực

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Nhận thức của Giảng viên về mục đích của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học.....	67
Bảng 2.2. Nhận thức của sinh viên về mục đích của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học.....	68
Bảng 2.4. Thực trạng về mức độ chính xác của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học hiện nay .....	71
Bảng 2.5. Nguyên nhân của việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học chưa chính xác.....	73
Bảng 2.6. Thực trạng thực hiện mục tiêu đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực .....	75
Bảng 2.7. Thực trạng mức độ đánh giá các năng lực của sinh viên trong đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học .....	77
Bảng 2.8 Ý kiến của giảng viên về thực trạng thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực .....	80
Bảng 2.9. Ý kiến của sinh viên về thực trạng thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực .....	81
Bảng 2.10. Ý kiến giảng viên về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học .....	84
Bảng 2.11. Ý kiến của sinh viên về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học.....	85
Bảng 2.12. Những khó khăn của giảng viên trong quá trình đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực.....	87
Bảng 3.1. Ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên về sự cần thiết và mức độ khả thi của các biện pháp được đề xuất.....	112

## **DANH MỤC BIỂU ĐỒ**

Biểu đồ 2.1. Nhận thức của Giảng viên và Sinh viên về ý nghĩa của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học.....	65
Biểu đồ 2.2. Thực trạng về mức độ chính xác của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học hiện nay .....	72
Biểu đồ 2.3. Điểm trung bình ý kiến của giảng viên và sinh viên về việc sử dụng công cụ đánh giá kết quả học tập của giảng viên.....	82
Biểu đồ 2.4. Điểm trung bình ý kiến của giảng viên và sinh viên về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học.....	86

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Trong xu thế toàn cầu hóa với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và nền kinh tế tri thức, để có thể nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thì đổi mới giáo dục trở thành vấn đề cấp thiết đặt ra hiện nay ở các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Theo Nghị quyết 29 TW8, đổi mới căn bản toàn diện giáo dục - đào tạo là “đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện đảm bảo thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở Giáo dục - Đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học, đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học”. Thực hiện đổi mới giáo dục trong đó có đổi mới giáo dục đại học hiện nay là vấn đề nổi lên hàng đầu nhằm từng bước củng cố và nâng cao chất lượng đào tạo. Việc đổi mới giáo dục đại học theo hướng hiện đại, phát huy tính tích cực của người học đòi hỏi phải đổi mới đồng bộ các yếu tố cơ bản của quá trình dạy học, bao gồm mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện và kiểm tra, đánh giá.

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập là khâu cuối cùng của quá trình dạy học nhưng đồng thời cũng là khởi đầu cho một chu trình đánh giá mới với một chất lượng cao hơn. Vì thế, có thể xem kiểm tra, đánh giá kết quả học tập là bánh lái điều khiển quá trình dạy học, đóng vai trò kiểm chứng kết quả đổi mới nội dung, phương pháp theo mục tiêu môn học đã đề ra trong những thời điểm nhất định; giúp cho việc định hướng, điều chỉnh kế hoạch dạy học tiếp theo tiến hành phù hợp và có hiệu quả hơn.

Xu hướng chung của thế giới hiện nay là chuyển từ dạy học tập trung vào mục tiêu, nội dung chương trình sang tập trung vào việc tổ chức quá trình dạy học để phát triển học tập, nhằm hình thành các năng lực khác nhau cho người học. Việc đào tạo theo tiếp cận năng lực chỉ có thể thực hiện tốt nếu có

sự thay đổi tương ứng về cách đánh giá kết quả học tập của người học. Cách đánh giá kết quả học tập sẽ quy định cách dạy và cách học tương ứng. Vì vậy khi chuyển việc đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực thì quá trình đánh giá cũng thay đổi, từ việc đánh giá kiến thức với những hình thức đánh giá truyền thống thông qua các dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan và các dạng câu hỏi tự luận chuyên sâu sang đánh giá phải thống nhất giữa tri thức và việc thực hiện những tri thức ấy. Cách đánh giá này không chỉ yêu cầu người học biết học thuộc, ghi nhớ mà còn phải biết vận dụng kiến thức vào giải quyết những nhiệm vụ trong thực tiễn cuộc sống. Như vậy, cách đánh giá theo tiếp cận năng lực chú trọng đầu ra của người học và mục tiêu đánh giá là xem người học làm được gì, có năng lực gì chứ không phải chỉ đánh giá xem người học biết những gì.

Trong nhà trường sư phạm, Giáo dục học là môn học đặc thù có vai trò quan trọng, cung cấp kiến thức và phát triển cho người học những năng lực chung và những năng lực thực hiện việc giáo dục, dạy học của người giáo viên tương lai. Thực tiễn việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên các trường Đại học Sư phạm hiện nay vẫn theo cách truyền thống, còn tập trung nhiều vào ghi nhớ, tái hiện kiến thức. Công cụ chủ yếu được dùng để đánh giá kết quả học tập là bài kiểm tra viết tự luận. Hình thức đánh giá này có những ưu điểm nhất định song việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên còn những tồn tại nhất định. Bài kiểm tra chưa đánh giá được cả quá trình học tập của sinh viên; làm hạn chế tính tích cực, sáng tạo của người học; người học chưa có cơ hội được thể hiện hết năng lực của mình, chưa nhận ra được những thiếu sót, tồn tại của mình trong quá trình học để điều chỉnh, sửa chữa kịp thời.

Từ thực tiễn giáo dục hiện nay cũng như thực tế dạy học môn Giáo dục học ở các trường Đại học Sư phạm, việc đổi mới đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên, trong đó hướng đổi mới cơ bản là thực hiện đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực là hết sức cần thiết và cấp bách. Việc tìm

hiểu, nghiên cứu và khảo sát thực trạng đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên các trường Đại học Sư phạm là cơ sở để đề xuất đưa ra một số biện pháp nhằm góp phần thay đổi diện mạo mới trong quá trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên nói chung, đồng thời phát huy tính tích cực của người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực.

Từ những lý do trên, nghiên cứu về ***“Đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên Đại học Sư phạm theo tiếp cận năng lực”*** có tính cấp thiết cao.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Đề xuất một số biện pháp đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực.

## **3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu**

### **3.1. Khách thể nghiên cứu**

Quá trình đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên Đại học Sư phạm

### **3.2. Đối tượng nghiên cứu**

Phương thức đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên Đại học Sư phạm

## **4. Giả thuyết khoa học**

Đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên đại học sư phạm hiện nay còn thiên về đánh giá tri thức lý thuyết, chưa thật sự chú trọng đến đánh giá sự vận dụng kiến thức, kỹ năng của môn học. Việc đánh giá các năng lực của sinh viên chưa được thực hiện toàn diện, đầy đủ. Nếu đề xuất được các biện pháp đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo hướng xây dựng và công khai các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá; sử dụng các phương pháp, kỹ thuật đánh giá năng lực; xây dựng công cụ đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực và kết hợp đánh giá của giảng viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của sinh viên thì sẽ đánh giá được mức độ mà

sinh viên đạt được các mục tiêu về năng lực đồng thời tác động tích cực đến việc học tập môn Giáo dục học của sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn học.

## **5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

5.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực.

5.2. Nghiên cứu thực trạng đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên theo tiếp cận năng lực.

5.3. Nghiên cứu đề xuất và khảo nghiệm một số biện pháp đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên trường Đại học Sư phạm theo tiếp cận năng lực.

## **6. Phạm vi nghiên cứu**

- Đề tài chỉ tập trung nghiên cứu thực trạng đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

- Phạm vi khảo sát trên 10 Giảng viên đang trực tiếp giảng dạy môn Giáo dục học và 150 sinh viên hệ đại học chính quy trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

## **7. Phương pháp nghiên cứu**

### **7.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý thuyết**

Tổng hợp tư liệu để hệ thống hóa, khái quát hóa những vấn đề lý luận có liên quan đến đề tài. Phân tích và tổng hợp để xây dựng khung lý thuyết của đề tài.

### **7.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

#### *7.2.1. Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi:*

Dùng phiếu hỏi để xin ý kiến của cán bộ giảng dạy môn Giáo dục học và sinh viên về nhận thức về đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực,

thực trạng dạy học môn Giáo dục học, việc triển khai thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực và các yếu tố ảnh hưởng đến đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực cũng như những khó khăn, vướng mắc còn tồn tại trong đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

#### *7.2.2 Phương pháp phỏng vấn sâu*

Lấy ý kiến của giảng viên và sinh viên về cách thức đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học, những khó khăn, vướng mắc,... trong quá trình thực hiện.

#### *7.2.3. Phương pháp chuyên gia:*

Lấy ý kiến các chuyên gia nhằm khảo nghiệm, kiểm chứng về sự cần thiết, tính khả thi của các biện pháp được đề xuất để đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực.

#### *7.2.4. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động*

Nghiên cứu bài tập nhóm, kết quả thảo luận, các bài kiểm tra giữa kì, cuối kì của sinh viên trong quá trình học tập môn giáo dục học nhằm phân tích, đánh giá việc thực hiện đánh giá kết quả học tập môn học và bước đầu đánh giá các năng lực mà người học đạt được.

### **7.3. Phương pháp xử lý dữ liệu**

Sử dụng phương pháp toán học để xử lý các số liệu thu được từ điều tra.

## **8. Cấu trúc của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn bao gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực

Chương 2: Thực trạng đánh giá kết quả học tập môn giáo dục học của sinh viên trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Chương 3: Biện pháp đánh giá kết quả học tập môn giáo dục học của sinh viên trường đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực và khảo nghiệm



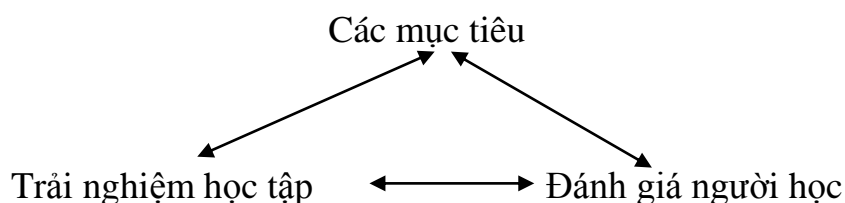
**Chương 1**  
**CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP**  
**MÔN GIÁO DỤC HỌC CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**  
**THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC**

**1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề**

Xuất phát từ tầm quan trọng và ý nghĩa của hoạt động đánh giá trong quá trình dạy học, trên thế giới cũng như ở Việt Nam có nhiều công trình nghiên cứu về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá là đề tài thu hút không ít các nhà giáo dục. Từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau, cho thấy vấn đề đánh giá kết quả học tập được đề cập tới nhiều góc độ từ nhận thức khái niệm, vị trí, vai trò đến đề xuất các phương pháp tiến hành.

**1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài**

Ralph Tyler – được coi là một trong những người đầu tiên đưa ra khái niệm đánh giá giáo dục. Ông đưa ra sơ đồ thể hiện ba yếu tố chính trong quá trình giáo dục là: mục tiêu, kinh nghiệm học tập và đánh giá người học.



Theo Tyler, đánh giá người học trong quá trình giáo dục là cần thiết vì nó liên quan đến việc kiểm tra mức độ tối đa có thể đạt được các mục tiêu chương trình. Chỉ có hoạt động đánh giá mới cung cấp thông tin để biết được trải nghiệm học tập là tốt hay không tốt, có những thông tin cần chỉnh sửa và có những thông tin cần loại bỏ. Tyler xem đánh giá như tâm điểm của quá trình giáo dục.

Khẳng định vai trò, ý nghĩa quan trọng của kiểm tra đối với việc đánh giá năng lực nhận thức của học sinh, nhà giáo dục Comenxki (Séc) và IB

Bazelov (Đức) đã coi việc kiểm tra, đánh giá tri thức của học sinh như một yếu tố góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục. Đặc biệt để đánh giá kết quả học tập của học sinh, IB Bazelov đề xuất một hệ thống đánh giá tri thức trong trường học và chia hệ đánh giá làm 12 bậc vận dụng vào thực tiễn dạy học. Ông cho rằng có 3 bậc phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh phổ thông: Tốt – trung bình – kém. Hệ đánh giá này được áp dụng ở một số nơi trong đó có Nga.

Những năm 50 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, xuất phát từ nhiệm vụ nâng cao chất lượng dạy học trên cơ sở phát huy tính tích cực, độc lập của học sinh, vấn đề kiểm tra đánh giá được nghiên cứu chủ yếu dưới góc độ tri thức nhằm hoàn thiện quá trình giáo dục. Tiêu biểu là các nhà giáo dục người Nga như Palonxki với công trình “Những vấn đề dạy học của việc đánh giá tri thức”, X.V Uxova với “Con đường hoàn thiện việc kiểm tra, đánh giá tri thức, kĩ năng”, F.I Peroxki với công trình “Cơ sở và thực tiễn của kiểm tra tri thức”,... tiếp tục nghiên cứu và khẳng định vai trò của kiểm tra đánh giá đối với việc củng cố, hoàn thiện tri thức của học sinh đã nêu rõ: “Kiểm tra là một phương tiện quan trọng không chỉ để ngăn ngừa việc lãng quên mà còn để nắm bắt được tri thức một cách vững chắc hơn”.

Một số các nhà khoa học giáo dục khác lại đi sâu nghiên cứu những khía cạnh cụ thể của việc kiểm tra đánh giá, chẳng hạn như: Năm 1971, B.S Bloom cùng George F Madaus và J. Thomas Hastings cho ra đời cuốn sách “Evaluation to improve Learning” (Đánh giá để thúc đẩy học tập). Cuốn sách này dành cho giáo viên, viết về kỹ thuật đánh giá kết quả học tập của học sinh. Nếu được áp dụng đúng cách, việc đánh giá học sinh sẽ giúp giáo viên hỗ trợ học sinh cải thiện khả năng học tập. Thông qua việc liên kết các kỹ thuật đánh giá tốt nhất, cuốn sách nhằm hỗ trợ các giáo viên sử dụng đánh giá như một công cụ để cải tiến cả quy trình dạy và học [62].

Nghiên cứu về đánh giá theo tiếp cận năng lực trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp có thể kể tới những nghiên cứu tiêu biểu sau:

Shirley Fletcher (1995) với “Kỹ thuật đánh giá theo năng lực” đã xác định một số nguyên tắc cơ bản, gợi ý về các phương pháp cũng như lợi ích của kỹ thuật đánh giá theo năng lực; đưa ra một số hướng dẫn cho những người làm công tác đào tạo hướng tới việc đánh giá dựa trên công việc [72].

Phil Race, Sally Brown và Brenda Smith (2006) đưa ra những chỉ dẫn, và chủ yếu, giới thiệu những hình thức đánh giá, cách đưa thông tin phản hồi và giám sát chất lượng đánh giá kết quả học tập của sinh viên đại học và cao đẳng [69].

Một số tài liệu của Bộ Giáo dục Úc trình bày những kinh nghiệm điển hình của nước này về đánh giá theo năng lực, về thiết kế công cụ đánh giá áp dụng cho mô hình gói đào tạo và các cơ sở đào tạo đã được kiểm định công nhận. Mặc dù mục đích của các tài liệu này chỉ nhằm cung cấp thông tin về các chính sách và quy trình đánh giá cho các nhà thực hành và các bên liên quan trong giáo dục và đào tạo nghề ở bang Tây Úc nhưng đã giới thiệu sử dụng công cụ đánh giá năng lực rất hữu ích [63,64].

Martin Johnson (2008) giới thiệu và phân tích quan điểm của một số chuyên gia về xếp hạng trong đánh giá theo năng lực. Nghiên cứu chỉ ra rằng, việc đánh giá xếp hạng phải chăng chỉ là đề xuất thay đổi hệ thống *nhị nguyên* (có năng lực hoặc **không có** năng lực) và có thể làm ảnh hưởng tới tính toàn vẹn của kết luận đánh giá về năng lực. Đồng thời cách phân hạng thành tích học tập cũng dễ gây nên những tác động tiêu cực đối với nhóm có kết quả thấp [67].

Về kinh nghiệm thực tiễn, các nước phát triển như Anh, Úc, Niu Zi Lân, Mỹ,... đều đã triển khai thành công đào tạo theo năng lực (competency based training - CBT) và đánh giá theo năng lực (competency based assessment – CBA) trong hệ thống đào tạo nghề và phát triển kỹ năng. Nhiều năm gần đây, một số quốc gia Đông Nam Á như Malaysia, Phi-líp-pin, Thái Lan và khu vực

khác như Ấn Độ, Nam Phi, ... cũng đã tiếp cận và áp dụng đào tạo và đánh giá theo năng lực. Các Liên đoàn sử dụng lao động ASEAN lĩnh vực dịch vụ xây dựng, y khoa, nha khoa, du lịch và lữ hành đều định hướng phát triển chương trình đào tạo và đánh giá, công nhận văn bằng/trình độ cho người lao động theo tiêu chuẩn năng lực chung trong khu vực.

Tổ chức Lao động Quốc tế đã xuất bản Mô hình Tiêu chuẩn Năng lực Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương cho nhiều nghề. Trong các bộ tiêu chuẩn này đều có hướng dẫn về các phương pháp đánh giá nên được sử dụng, các chứng cứ kiến thức và kỹ năng cần thu thập cho việc đánh giá mỗi đơn vị năng lực. Các nước Tiểu vùng Sông Mê Công đã sử dụng các bộ tiêu chuẩn này của ILO để thử nghiệm đánh giá công nhận lẫn nhau về trình độ và kỹ năng nghề trong khu vực cho một số lĩnh vực nghề như công nghệ ô tô, hàn, phục vụ buồng khách sạn [68].

Có thể thấy, các công trình nghiên cứu gần đây về đánh giá trong giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp đề cập nhiều đến xu hướng phát triển của đánh giá hiện đại, đi sâu vào phân tích tường minh những vấn đề lý luận của đánh giá theo tiếp cận năng lực như: đánh giá không truyền thống (alternative assessment) tập trung vào những lý luận và phương pháp đánh giá mới so với đánh giá bài kiểm tra viết truyền thống được thực hiện bởi người học; đánh giá định tính (qualitative assessment) bao gồm các lý luận và phương pháp đánh giá bằng nhận xét mang tính cá nhân cao kết hợp với nhận định của người đánh giá; đánh giá thực hành (performance - based assessment) đánh giá bằng việc yêu cầu người học phải suy nghĩ và “làm” một nhiệm vụ học tập thực sự chứ không chỉ liệt kê và ghi nhớ kiến thức. Tuy nhiên, việc vận dụng đánh giá theo tiếp cận năng lực nói chung hay đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực ở một lĩnh vực hay một môn học cụ thể nào còn chưa được đề cập.

### 1.1.2. Những nghiên cứu ở trong nước

Ở Việt Nam, vấn đề đánh giá và đổi mới đánh giá cũng sớm được nghiên cứu trên cơ sở kế thừa những thành tựu nghiên cứu về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh trên thế giới qua một số bài báo, tài liệu dịch đề cập đến vấn đề đánh giá giáo dục.

Những người nghiên cứu công phu về đánh giá phải kể đến là Hoàng Đức Nhuận, Lê Đức Phúc, hai ông đã thực hiện công trình nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Nhà nước và cho ra đời cuốn sách “Cơ sở lý luận của việc đánh giá chất lượng học tập của học sinh phổ thông” (3/1995). Tài liệu này làm nền tảng cho việc tiếp cận các khái niệm, thuật ngữ về đánh giá giáo dục cũng như những yêu cầu về nội dung và kỹ thuật đánh giá. Tuy nhiên, cuốn sách chưa đi sâu về phương pháp, kỹ thuật đánh giá kết quả học tập của học sinh.[39]

Một số tác giả đã đưa ra những quan điểm nghiên cứu về kiểm tra đánh giá theo những góc độ khác nhau, nghiên cứu cơ sở lý luận chung về đánh giá, phân tích các vấn đề của quá trình đánh giá, tiêu chí đánh giá, mức độ đánh giá, tính khoa học, tính khách quan, tính toàn diện,... trong đánh giá như: Đề cập đến thuật ngữ, khái niệm với các nguyên tắc đánh giá, kỹ thuật đánh giá trong cuốn “Đánh giá trong giáo dục”[15] dùng cho các trường Đại học sư phạm và Cao đẳng sư phạm của Trần Bá Hoàn; cuốn “Kiểm tra – đánh giá trong dạy – học đại học” của Đặng Bá Lãm [29]; hay các nghiên cứu của các tác giả: Lê Khánh Bằng [6], Hà Thế Ngữ [37], Đặng Vũ Hoạt [17], Hà Thị Đức [11],... với các công trình nghiên cứu như “Một số vấn đề về kiểm tra đánh giá tri thức của học sinh”, “Cơ sở lý luận của việc đánh giá chất lượng học tập của học sinh trung học phổ thông”... Trong đó nổi bật là công trình “Một số vấn đề kiểm tra đánh giá tri thức của học sinh” của tác giả Đặng Vũ Hoạt. Với tư cách là người nghiên cứu sâu về lý luận dạy học, trong những bài viết của mình, tác giả đã trình bày những vấn đề về vị trí, chức

năng và các quan điểm kiểm tra đánh giá tri thức của học sinh dưới góc độ lý luận dạy học hiện nay. Theo tác giả “khi kiểm tra đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo chúng ta cần kiểm tra thường xuyên, có hệ thống, có kế hoạch, kết hợp nhiều dạng, nhiều phương pháp kiểm tra... Đồng thời cần bồi dưỡng cho học sinh ý thức tự đánh giá một cách đúng đắn và khiêm tốn”. Kiểm tra, đánh giá đạt hiệu quả tốt cần đảm bảo tính toàn diện, đảm bảo tính phát triển, tính khách quan, chính xác, công bằng, tránh hình thức, thiên vị hay thành kiến, không quá dễ dãi những không quá khắt khe. Điều đó chẳng những giúp cho việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh mang lại kết quả cao mà còn góp phần hình thành và phát triển toàn diện nhân cách học sinh.

Các nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật, công cụ kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh cụ thể như cuốn “Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập” năm 1995, tái bản năm 2005 của tác giả Dương Thiệu Tống đã mô tả hệ thống khái niệm về đo lường thành quả học tập, các nguyên lý đo lường, các nguyên tắc viết câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức thi và chấm thi,...[49]; hay các tài liệu “Lý thuyết và thực hành về đo lường và đánh giá trong giáo dục” [45], “Đo lường trong giáo dục, lý thuyết và ứng dụng” [46] của tác giả Lâm Quang Thiệp,...

Cuốn sách “Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục do tác giả Nguyễn Công Khanh chủ biên [21] là cuốn giáo trình về đánh giá dành cho sinh viên đào tạo ngành sư phạm. Bên cạnh những loại hình đánh giá quen thuộc, cuốn sách hướng đến các loại hình đánh giá hiện đại. Tác giả cũng đề cập đến kiểm tra, đánh giá năng lực, lý do phải đánh giá năng lực và đưa ra hệ thống những năng lực cơ bản cần hình thành, phát triển ở học sinh Việt Nam hiện nay.

Các luận án của các tác giả Nguyễn Thị Hồng Vân [57] và Phan Thị Hồng Xuân [60] tập trung đi vào một số khía cạnh của đánh giá theo tiếp cận năng lực là xây dựng hệ thống đề kiểm tra nhằm đánh giá năng lực Ngữ văn

và Tiếng Việt của học sinh Trung học cơ sở. Một số luận án nghiên cứu về việc hình thành, phát triển các năng lực nghề của sinh viên đại học sư phạm kỹ thuật và sinh viên đại học sư phạm như luận án của các tác giả Vũ Xuân Hùng [19], Cao Danh Chính [8], Nguyễn Thị Bích Liên [31]. Tuy nhiên các luận án này nghiên cứu về phát triển các năng lực nghề của sinh viên thông qua các hoạt động thực tập sư phạm, hoạt động dạy học và hoạt động xêmina, chứ chưa đề cập đến hoạt động đánh giá.

Bên cạnh những nghiên cứu về đánh giá kết quả học tập, một số tác giả đã đi sâu nghiên cứu về đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học ở một số nội dung như: “Xây dựng, sử dụng câu trắc nghiệm khách quan và câu tự luận ngắn trong đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học” của tác giả Trần Thị Tuyết Oanh [40]; nghiên cứu về vấn đề đổi mới nội dung, hình thức kiểm tra đánh giá môn Giáo dục học trong đào tạo tín chỉ ở các trường Đại học sư phạm bằng hình thức đánh giá thường xuyên của tác giả Nguyễn Thị Hà Lan [28] và Nguyễn Nam Phương [44], đề tài “Biện pháp khách quan hóa việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn giáo dục học của sinh viên trường đại học sư phạm” [22] của Mai Quốc Khánh... Tuy các công trình nghiên cứu này đã đề cập đến vấn đề đổi mới đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học trong giai đoạn hiện nay nhưng chưa có công trình nào đi vào nghiên cứu đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực.

## **1.2.Các khái niệm cơ bản của đề tài**

### **1.2.1. Đánh giá**

Khái niệm đánh giá được định nghĩa ở nhiều góc độ khác nhau:

Theo tác giả Nguyễn Bá Kim: “Đánh giá là quá trình hình thành những nhận định, phán đoán về kết quả công việc, dựa vào sự phân tích những thông tin thu được, đối chiếu với những mục tiêu, tiêu chuẩn đã đề ra, nhằm đề xuất

những quyết định thích hợp để cải thiện thực trạng, điều chỉnh nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc” [27, tr.303].

Jean – Marie Deketele (dẫn theo X.Roegiers [58, tr.144], định nghĩa: “Đánh giá có nghĩa là: (1). Thu thập một tập hợp thông tin đủ thích hợp, có giá trị và đáng tin cậy; (2). Và xem xét mức độ phù hợp giữa tập hợp thông tin này và một tập hợp tiêu chí phù hợp với các mục tiêu định ra ban đầu hay điều chỉnh trong quá trình thu thập thông tin; (3). Nhằm ra một quyết định”.

Theo định nghĩa của C.E Beeby Đánh giá là sự thu thập và lý giải một cách có hệ thống những bằng chứng dẫn tới sự phán xét về giá trị theo quan điểm hành động”. Hay “Đánh giá là việc đưa ra phán quyết về giá trị của một sự vật, nó bao hàm việc thu thập thông tin sử dụng trong việc định giá trị của một chương trình, một sản phẩm, một tiến hành, một mục tiêu hay tiềm năng ứng dụng của cách thức đưa ra nhằm đạt tới mục đích xác định”. Những định nghĩa này phản ánh việc đánh giá ở cấp độ chung nhất và nhấn mạnh vào khía cạnh giá trị.

Tác giả Trần Bá Hoàn đưa ra định nghĩa “Đánh giá là quá trình hình thành những nhận định, phán đoán về kết quả của công việc, dựa vào sự phân tích những thông tin thu được, đối chiếu với những mục tiêu, tiêu chuẩn đã đề ra, nhằm đề xuất những quyết định thích hợp để cải thiện thực trạng, điều chỉnh nâng cao chất lượng và hiệu quả của công việc” [15].

Như vậy, các tác giả quan niệm về đánh giá giáo dục chưa thật thống nhất. Mỗi tác giả tùy thuộc vào dấu hiệu về cấp độ, đối tượng hay mục đích của đánh giá để định nghĩa. Nhưng nhìn chung các tác giả đều nhấn mạnh đánh giá giáo dục chủ yếu là xác định mức độ thực hiện các mục tiêu trong quá trình dạy học. Tuy nhiên, theo chúng tôi, đánh giá giáo dục ngoài đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu giảng dạy, mục tiêu chương trình giáo dục còn bao hàm cả đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu quản lý của các cấp



quản lý giáo dục, đánh giá cả khối lượng và chất lượng làm công tác giáo dục của các nhà giáo dục.

Đánh giá là một quá trình bao gồm việc chuẩn bị cho đánh giá, thu thập, phân tích, xử lý các thông tin thu được, chuyển giao kết quả đến những người liên quan để có được những quyết định thích hợp. Sản phẩm của đánh giá là các thông tin và bằng chứng thu được trong quá trình đánh giá, các nhận định rút ra trên cơ sở các thông tin và bằng chứng thu được, các kết luận. Đánh giá có các chức năng cơ bản: - Xác nhận mức độ đạt được; - Điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp; - Chẩn đoán.

Trong giáo dục đánh giá được tiến hành ở nhiều cấp độ khác nhau, với những mục đích khác nhau và trên những đối tượng khác nhau. Ở cấp độ vĩ mô là đánh giá hệ thống giáo dục của một quốc gia. Ở cấp độ này có thể đánh giá mức độ đầu tư cho giáo dục và hiệu quả của nó. Hoặc đánh giá kết quả của một cuộc cải cách về mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục/ đào tạo,... Ở cấp độ trung gian là đánh giá một cơ sở giáo dục. Cấp độ này có thể đánh giá công tác cải tiến quản lý giáo dục hoặc tình hình cơ sở vật chất phục vụ cho quá trình giáo dục ở một sở giáo dục, một phòng giáo dục, một trường học, ... Ở cấp độ vi mô là đánh giá giáo viên, đánh giá học sinh, đánh giá chương trình đào tạo của một ngành, ...

Tựu chung lại, có thể hiểu đánh giá trong giáo dục là sự thu thập thông tin một cách hệ thống về thực trạng của đối tượng được đánh giá, từ đó đưa ra những nhận định xác thực dựa trên cơ sở các thông tin thu được, làm cơ sở cho việc đề xuất những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Đánh giá trong giáo dục bao gồm việc trả lời các câu hỏi như: mục đích của đánh giá là gì?; những gì cần được đánh giá?; ai đánh giá?; đánh giá được tiến hành như thế nào?; đánh giá bằng những tiêu chuẩn nào?

### 1.2.2. Kết quả học tập

Học tập về bản chất là hoạt động nhận thức của người học được thực hiện dưới sự tổ chức điều khiển của nhà sư phạm. Mục đích của hoạt động học tập là tiếp thu nền văn hóa của nhân loại và chuyển hóa chúng thành năng lực thể chất, năng lực tinh thần của mỗi cá nhân. Đối tượng của hoạt động học là hệ thống tri thức, kĩ năng, kĩ xảo tương ứng được thực hiện ở nội dung môn học, bài học bằng hệ thống khái niệm khoa học và khái niệm môn học. Do vậy, kết quả học tập thể hiện chất lượng của quá trình dạy học. Kết quả học tập đích thực chỉ xuất hiện khi có những biến đổi tích cực trong nhận thức và hành vi của người học.

Tác giả Hoàng Đức Nhuận và Lê Đức Phúc đã đưa ra cách hiểu về kết quả học tập như sau: “Kết quả học tập là một khái niệm thường được hiểu theo hai quan niệm khác nhau trong thực tế cũng như trong khoa học: 1/ Đó là mức độ thành tích mà một chủ thể học tập đã đạt, được xem xét trong mối quan hệ với công sức, thời gian đã bỏ ra, với mục tiêu xác định. 2/ Đó là mức độ thành tích đã đạt của một học sinh so với các bạn học khác [39].

Theo tác giả Nguyễn Đức Chính “kết quả học tập là mức độ đạt được kiến thức, kĩ năng hay nhận thức của người học trong một lĩnh vực nào đó (môn học)” [9].

Theo tác giả Trần Kiều “dù hiểu theo nghĩa nào kết quả học tập cũng đều thể hiện ở mức độ đạt được các mục tiêu của dạy học, trong đó bao gồm 3 mục tiêu lớn là: Nhận thức, hành động, xúc cảm. Với từng môn học thì các mục tiêu trên được cụ thể hóa thành các mục tiêu về kiến thức, kĩ năng và thái độ” [25].

Kết quả học tập cho biết mức độ thành tích mà một chủ thể học tập đã đạt được xem xét trong mối quan hệ với công sức, thời gian đã bỏ ra, với mục tiêu xác định (đây là kết quả học tập theo tiêu chí); đồng thời, kết quả học tập

còn là mức độ thành tích của một người học so với các bạn học khác (đây là kết quả học tập theo chuẩn) [29].

Từ nhiều định nghĩa khác nhau về kết quả học tập, chúng tôi cho rằng kết quả học tập được xem xét theo nghĩa rộng (gắn với quá trình học tập và phát triển chung của cá nhân trong cuộc sống) và theo nghĩa hẹp (gắn với quá trình học tập và phát triển của người học trong quá trình giáo dục được tổ chức bởi nhà trường). Cụ thể như sau [38]:

- Theo nghĩa rộng, kết quả học tập là tổng thể các biểu hiện phản ánh sự thay đổi trên phương diện nhận thức, năng lực hành động, thái độ biểu cảm xã hội, cũng như hành vi mà cá nhân có được thông qua hoạt động học tập tự giác, tích cực và chủ động, diễn ra một cách bình thường trong cuộc sống, trong các hoạt động và các mối quan hệ xã hội của mỗi người.

- Theo nghĩa hẹp (và cũng là khái niệm được sử dụng trong đề tài này), kết quả học tập là thành quả thực tế của cá nhân người học phản ánh mức độ đáp ứng yêu cầu học tập theo định hướng của mục tiêu, của nội dung học tập trong môn học cũng như trong chương trình giáo dục quy định, chúng được đánh giá trên cơ sở của hoạt động đo lường và kiểm tra theo các tiêu chí khác nhau.

### **1.2.3. Đánh giá kết quả học tập**

Theo tác giả Ralph Tyler, nhà giáo dục và tâm lý học nổi tiếng của Mỹ: “Quá trình đánh giá kết quả học tập chủ yếu là quá trình xác định mức độ thực hiện các mục tiêu trong quá trình dạy học” [66].

Theo tác giả Dương Thiệu Tống: “Đánh giá kết quả học tập là quá trình thu thập, phân tích và giải thích thông tin một cách có hệ thống nhằm xác định mức độ đạt đến các mục tiêu giảng huấn về phía học sinh. ĐG có thể thực hiện bằng phương pháp định lượng (đo lường) hay định tính (phỏng vấn, quan sát)” [50].

Theo Tổ chức đảm bảo chất lượng Giáo dục Đại học của Anh (QAA): đánh giá kết quả học tập là việc thiết lập một quá trình đo kết quả học tập của

SV về các mặt kiến thức đạt được. Nó có một số mục đích. Đánh giá cung cấp phương pháp, phương tiện để xếp hạng sinh viên. Đánh giá giúp đưa ra quyết định về việc SV đã sẵn sàng học tiếp hay không, họ có xứng đáng nhận học bổng hay phần thưởng không, hoặc chứng minh năng lực hành nghề của người học. Đánh giá kết quả học tập còn cung cấp cho sinh viên *sự phản hồi về việc học của họ và giúp họ nâng cao thành tích của mình. Nó cũng giúp đánh giá hữu hiệu việc dạy của giáo viên* [70].

Theo Walvoord và Anderson: Đánh giá kết quả học tập là hệ thống tổng hợp, phân tích thông tin để hoàn thiện việc học tập của sinh viên [61].

Theo tác giả Hoàng Đức Nhuận và Lê Đức Phúc: “Đánh giá kết quả học tập là quá trình thu thập và xử lý thông tin về trình độ, khả năng thực hiện mục tiêu học tập của học sinh, về tác động và nguyên nhân của tình hình đó nhằm tạo cơ sở cho những quyết định sự phạm của giáo viên và nhà trường, cho bản thân học sinh để họ học tập ngày một tiến bộ hơn” [39].

Theo Trần Kiều “Có thể coi đánh giá kết quả học tập của học sinh là xác định mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học đối chiếu với mục tiêu chương trình môn học” [25].

Theo hướng nghiên cứu của đề tài, chúng tôi xác định khái niệm đánh giá kết quả học tập như sau: Đánh giá kết quả học tập là xác định mức độ nắm được kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo của người học so với mục tiêu, yêu cầu của chương trình đề ra. Kết quả của việc đánh giá được thể hiện chủ yếu bằng điểm số theo thang điểm quy định. Việc đánh giá kết quả học tập có tác dụng khẳng định và công nhận những thành quả đã đạt được và định hướng mục tiêu cần phấn đấu trong tương lai.

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là một quá trình được tiến hành có hệ thống nhằm xác định mức độ đạt được của người học về mục tiêu đào tạo, tạo điều kiện thúc đẩy quá trình học tập; quá trình này diễn ra có lúc song

hành, có lúc đan xen và lồng ghép với quá trình dạy - học bằng những hình thức tổ chức khác nhau. Nó có thể bao gồm những sự mô tả, liệt kê về mặt định tính hay định lượng những hành vi (kiến thức, kỹ năng, thái độ) của người học ở thời điểm hiện tại đang xét đối chiếu với những tiêu chí của mục đích dự kiến trong mong muốn, nhằm có quyết định thích hợp để nâng cao chất lượng và hiệu quả của việc dạy và học, nhằm chứng nhận kết quả học tập của người học theo mục tiêu đề ra. Đánh giá kết quả học tập của SV phải gắn liền với kiểm tra, dựa vào số liệu của kiểm tra để tránh những đánh giá mang tính ngẫu nhiên dễ dẫn đến những hậu quả không tốt về mặt tâm lý, giáo dục. Trong giáo dục đại học, đánh giá kết quả học tập có vai trò quan trọng là: định hướng, xác nhận, tạo động lực, phản hồi - điều chỉnh, hình thành nhu cầu và kỹ năng tự đánh giá.

Đánh giá kết quả học tập bao gồm: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ và đánh giá tổng kết.

#### **1.2.4. Năng lực**

Đối với mỗi ngành khoa học, tùy vào đối tượng nghiên cứu của từng lĩnh vực mà khái niệm năng lực được định nghĩa khác nhau:

- Dưới góc độ Tâm lý học: Năng lực là tổ hợp các thuộc tính độc đáo của cá nhân phù hợp với những yêu cầu đặc trưng của một hoạt động nhất định, nhằm đảm bảo có kết quả tốt trong lĩnh vực hoạt động ấy [56]. Các nhà nghiên cứu tâm lý học khẳng định: năng lực của con người luôn gắn liền với hoạt động của chính con người, nội dung, tính chất của hoạt động được quy định bởi nội dung, tính chất của đối tượng mà hoạt động hướng dẫn. Vì vậy, khi nói đến năng lực không phải là một thuộc tính tâm lý duy nhất nào đó (ví dụ: khả năng tri giác, khả năng ghi nhớ,...) mà là sự tổng hợp các thuộc tính tâm lý của cá nhân đáp ứng được yêu cầu của hoạt động và đảm bảo cho hoạt động đó đạt kết quả mong muốn.

- Theo từ điển GDH [12]: năng lực, khả năng, được hình thành hoặc phát triển cho phép một con người đạt thành công trong một hoạt động thể lực, trí lực hoặc nghề nghiệp. Năng lực được thể hiện vào khả năng thi hành một hoạt động, thực hiện một nhiệm vụ.

Với các nhà nghiên cứu khoa học giáo dục, thuật ngữ “năng lực” được ý niệm rất sớm từ những năm 1970 và có rất nhiều định nghĩa được đưa ra xuất phát từ nhiều hướng tiếp cận trong những bối cảnh khác nhau:

McClelland (1973) mô tả “năng lực như là một đặc tính cơ bản để thực hiện công việc”. Boyatzis (1982) mở rộng thêm định nghĩa của McClelland và quan niệm rằng “năng lực như là các đặc tính của một cá nhân có liên quan đến việc thực hiện công việc đạt hiệu quả cao”. Spencer and Spencer (1993) dựa trên định nghĩa về năng lực của Boyatzis và mô tả “năng lực như là đặc tính cơ bản của một cá nhân (kiến thức, kỹ năng, thái độ, động cơ, nét tiêu biểu và ý niệm về bản thân) có liên quan đến các tiêu chí đánh giá hiệu suất công việc”. Tương tự, Dubois (2004) định nghĩa “năng lực là các đặc tính mà cá nhân có được và sử dụng chúng trong những ngữ cảnh thích hợp và nhất quán để đạt được kết quả mong muốn”. Những đặc tính này bao gồm kiến thức, kỹ năng, động cơ, nét tiêu biểu, cách suy nghĩ, cảm nghĩ, hành động... [dẫn theo 34].

Các định nghĩa kể trên mặc dù có sự khác nhau nhưng hầu hết đều có chung một số quan điểm: Năng lực bao gồm một loạt các kiến thức, kỹ năng, thái độ hay các đặc tính cá nhân khác cần thiết để thực hiện công việc thành công. Bên cạnh đó, những yếu tố này phải quan sát hay đo lường được để có sự phân biệt giữa người có năng lực và người không có năng lực.

*Như vậy, năng lực mang dấu ấn cá nhân, thể hiện tính chủ quan trong hành động và có thể có được nhờ sự bền bỉ, kiên trì học tập, hoạt động, rèn luyện và trải nghiệm. Về bản chất, năng lực là tổ hợp của kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, thái độ và một số yếu tố tâm lý khác phù hợp với yêu cầu của hoạt*

*động nhất định, đảm bảo cho hoạt động đó có kết quả. Khi năng lực phát triển thành tài năng thực sự thì các yếu tố này hoà quyện, đan xen vào nhau.*

Năng lực được xem như là những phẩm chất tiềm tàng của một cá nhân và đòi hỏi của công việc để thực hiện công việc thành công. Năng lực được hiểu là một tập hợp các kiến thức, kỹ năng và thái độ hay các phẩm chất cá nhân khác (động cơ, nét tiêu biểu, ý niệm về bản thân, mong muốn thực hiện...) mà tập hợp này là thiết yếu và quan trọng của việc hình thành những sản phẩm đầu ra.

Một trong những vấn đề quan trọng mà các lý thuyết phát triển năng lực chú ý quan tâm là vấn đề xác định năng lực. Mô hình năng lực được xác định dựa trên những cơ sở sau:

- Dựa trên các phẩm chất nhân cách và hành vi của cá nhân cần hình thành, tức là trả lời câu hỏi “Con người cần phải làm như thế nào để thực hiện được các vai trò của mình?”

- Dựa trên các kiến thức hiểu biết và kỹ năng của con người cần phải có để thực hiện tốt vai trò của mình.

- Dựa trên các kết quả và tiêu chuẩn đầu ra, tức là trả lời câu hỏi “Con người cần phải đạt được những gì ở nơi làm việc?”

Từ những cơ sở trên, các tác giả thường phân chia năng lực thành hai nhóm, đó là những năng lực chung và năng lực cụ thể, chuyên biệt.

Năng lực chung là năng lực cơ bản, thiết yếu để con người có thể sống và làm việc bình thường trong xã hội. Năng lực này được hình thành và phát triển do nhiều môn học, liên quan đến nhiều môn học. Năng lực này có nhiều tên gọi khác nhau: năng lực xuyên chương trình, năng lực chính, năng lực nền tảng, năng lực chính yếu,...

Theo quan điểm của Hội đồng Châu Âu, mỗi năng lực chung có vai trò sau: [65]

- Góp phần tạo nên kết quả có giá trị cho xã hội và cộng đồng.
- Giúp cho cá nhân đáp ứng được những yêu cầu của một bối cảnh phát triển rộng lớn và phức tạp.

- Những năng lực chung là cần thiết và quan trọng với tất cả mọi người.

Để nhận biết năng lực chung, EU đưa ra ba tiêu chí: Thứ nhất, là khả năng hữu ích của năng lực ấy đối với tất cả các thành viên cộng đồng. Chúng phải liên quan đến tất cả mọi người, không phân biệt giới tính, giai cấp, dân tộc, văn hóa, ngôn ngữ và hoàn cảnh gia đình.

Thứ hai, các năng lực đó phải phù hợp với các giá trị đạo đức, kinh tế, văn hóa và các chuẩn mực xã hội.

Thứ ba, nhân tố quyết định là bối cảnh mà ở đó các năng lực cơ bản sẽ được thể hiện.

Năng lực cụ thể, chuyên biệt là những năng lực riêng được hình thành và phát triển trong một lĩnh vực hay một môn học nào đó. Ví dụ: năng lực su phạm, năng lực quản lý kinh doanh, năng lực chuẩn đoán bệnh,...

Năng lực của mỗi người một phần dựa trên tư chất nhưng chủ yếu được hình thành, phát triển và thể hiện trong quá trình hoạt động tích cực của chủ thể dưới tác động của rèn luyện, dạy học và giáo dục,... Đánh giá năng lực phải căn cứ vào các mức độ phát triển năng lực như sau [48]:

Mức độ 1: Nhận biết, ghi nhớ, hiểu những tri thức đã học.

Mức độ 2: Vận dụng tri thức đã học để giải quyết tình huống/bài tập đơn giản hoặc tương tự.

Mức độ 3: Vận dụng tri thức/mẫu đã học để giải quyết tình huống phức tạp hoặc tình huống mới.

Mức độ 4: Đánh giá/phê phán/sáng tạo trong quá trình giải quyết các tình huống thực tiễn.



### 1.2.5. Đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực

Đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực bắt đầu xuất hiện tại Hoa Kỳ trong những năm 1970 gắn với phong trào giáo dục chủ trương mô tả cụ thể các mục tiêu giáo dục để có thể đo lường được những kiến thức, kỹ năng và thái độ mà học sinh cần phải đạt được sau khi kết thúc khóa học.

“Tiếp cận năng lực trong giáo dục tập trung vào **kết quả** học tập, nhắm tới những gì người học dự kiến phải **làm** được hơn là nhắm tới những gì người học cần phải học được” [71]

Tiếp cận năng lực cũng có thể được hiểu là một chiến lược giảng dạy, trong đó quá trình học tập dựa trên sự thực hiện (performance-based learning) các nhiệm vụ cụ thể “dẫn họ đến việc làm chủ được những kỹ năng cơ bản và những kỹ năng sống cần thiết của cá nhân và hòa nhập tốt vào hoạt động lao động ngoài xã hội”.

Như vậy, tiếp cận năng lực là một quan điểm về dạy học, giáo dục trong đó nhấn mạnh đến hình thành các năng lực cho người học. Những năng lực này có thể liên quan đến bất kỳ lĩnh vực nào của cuộc sống hằng ngày, tuy nhiên nó thường liên quan đến các lĩnh vực của công việc và các kỹ năng giúp con người tồn tại trong một môi trường nhiều biến động của xã hội.

#### *Đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo tiếp cận năng lực*

Trên cơ sở của dạy học và giáo dục theo tiếp cận năng lực, đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực cũng nhanh chóng phát triển khắp các nước trên thế giới. Đây là một quan điểm đánh giá mới gắn kết chặt chẽ với dạy học. Đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực dựa trên nền tảng của triết lý về đánh giá là: Đánh giá vì hoạt động học tập (Assessment for learning), Đánh giá như hoạt động học tập (Assessment as learning). Khác với đánh giá truyền thống là một hoạt động độc lập với quá trình dạy học, quan điểm đánh giá này tích hợp với quá trình dạy học, xem đánh giá là một bộ phận của quá trình dạy học.

*Đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực là quá trình tập hợp và phân tích thông tin nhằm đưa ra những nhận định về việc vận dụng tích hợp tri thức, kỹ năng, thái độ của người học để giải quyết các nhiệm vụ dạy học phức hợp, từ đó phát triển các năng lực cần thiết của người học trong học tập. Hay nói cách khác, đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực là chú trọng đến việc phát triển những năng lực thực hiện của người học, tạo điều kiện cho người học thâm nhập vào thực tiễn, gắn học đi đôi với hành.*

### **1.3. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

#### **1.3.1. Ý nghĩa, vai trò và chức năng cơ bản của đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

##### *a. Ý nghĩa của đánh giá kết quả học tập của sinh viên*

Đánh giá là một bộ phận hợp thành quan trọng không thể thiếu được của quá trình dạy học. Công việc này có ý nghĩa rất lớn đối với sinh viên, cán bộ giảng dạy và các cấp quản lý giáo dục. Cụ thể:

##### *\* Đối với sinh viên:*

Việc kiểm tra và đánh giá có hệ thống và thường xuyên cung cấp kịp thời những thông tin “liên hệ ngược trong” về kết quả học tập của mình. Trên cơ sở giúp sinh viên tự phát hiện, tự đánh giá, tự điều chỉnh và hoàn thiện hoạt động học của bản thân.

- Về mặt giáo dục: Đánh giá kết quả học tập giúp cho sinh viên thấy mình tiếp thu kiến thức ở mức độ nào, còn những lỗ hổng nào cần phải bổ sung cho hoàn thiện trước khi bước vào phần kiến thức mới của chương trình học tập.

- Về mặt phát triển năng lực bản thân: Thông qua việc đánh giá kết quả học tập, sinh viên có điều kiện để tiến hành các hoạt động trí tuệ như: ghi nhớ, tái hiện, chính xác hóa, khái quát hóa, hệ thống hóa kiến thức. Trên cơ sở đó củng cố, rèn luyện, hoàn thiện những kỹ năng, kỹ xảo và phát triển năng lực chú ý, khả năng ghi nhớ, vận dụng đặc biệt là năng lực tư duy, sáng tạo của sinh viên.

- Về mặt giáo dục: việc đánh giá kết quả học tập nếu được thực hiện nghiêm túc sẽ có tác dụng giáo dục đáng kể:

+ Hình thành nhu cầu và thói quen tự kiểm tra, tự đánh giá, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong học tập và ý chí vươn lên đạt kết quả học tập cao hơn, đề phòng và khắc phục những tư tưởng “trung bình chủ nghĩa” tư tưởng đối phó với kiểm tra, nâng cao ý thức tự giác khi làm bài, không có thái độ và hành vi xấu khi làm bài.

+ Củng cố được tính kiên định, lòng tự tin và sức lực vào khả năng của mình, đề phòng và khắc phục được tính ỷ lại, tính tự kiêu, tự mãn, chủ quan, phát huy được tính độc lập sáng tạo, tránh được chủ nghĩa hình thức, máy móc trong kiểm tra.

+ Nâng cao được ý thức tập thể, gây được dư luận lành mạnh, đấu tranh với những biểu hiện sai trái trong kiểm tra, tăng cường được mối quan hệ thầy trò.

*\* Đối với giảng viên:*

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên cung cấp cho giảng viên những thông tin “liên hệ ngược ngoài” giúp họ điều chỉnh hoạt động dạy.

Trong quá trình dạy học đánh giá không chỉ là hoạt động chấp nối thêm vào sau bài giảng mà nó có quan hệ hợp thành với việc ra quyết định của giảng viên. Đánh giá đúng đắn, chính xác sẽ cung cấp cho giảng viên thêm thông tin để ra quyết định hiệu quả hơn. Quyết định đó có ý nghĩa quan trọng trong quá trình dạy học, giúp cho giảng viên có thể đi đến những quyết định phù hợp, nâng cao hiệu quả giảng dạy. Thông qua đánh giá, giảng viên thu được những thông tin ngược từ người học, phát hiện thực trạng kết quả học tập của người học cũng như những nguyên nhân cơ bản dẫn đến thực trạng kết quả đó. Đây là cơ sở thực tế để giảng viên điều chỉnh, hoàn thiện hoạt động của sinh viên và hướng dẫn sinh viên tự điều chỉnh, tự hoàn thiện hoạt động học của bản thân mình. Những thông tin ngược ngoài cũng giúp cho giảng viên tự điều chỉnh và tự hoàn thiện hoạt động giảng dạy.

Đối với giảng viên, đánh giá cung cấp những thông tin có liên quan đến người học, giúp họ có những điều chỉnh hoạt động của mình cho tốt hơn. Đó là những thông tin thiếu sót ở từng người học nhằm giúp đỡ họ khắc phục những thiếu sót đó cũng như làm sáng tỏ mức độ đạt được mục tiêu giáo dục thông qua những thông tin về trình độ của sinh viên. Đánh giá giúp giảng viên xem xét những mục tiêu đã đặt ra cho sinh viên đã phù hợp chưa, xem xét phương pháp giáo dục, giảng dạy có cần cải tiến không và cải tiến như thế nào, chọn lọc những kỹ năng giáo dục, giảng dạy cho phù hợp từ đó giúp giảng viên điều chỉnh hoạt động giảng dạy và giáo dục. Đánh giá giúp mỗi giảng viên tự nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm của mình để không ngừng nâng cao hoàn thiện mình.

*\* Đối với cán bộ quản lý giáo dục*

Công tác đánh giá kết quả học tập của sinh viên cung cấp cho cán bộ quản lý giáo dục các cấp những thông tin cơ bản về thực trạng dạy và học trong nhà trường. Qua đó có những biện pháp chỉ đạo kịp thời nhằm đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu giáo dục.

*b. Vai trò của đánh giá kết quả học tập của sinh viên*

*\* Vai trò định hướng:*

Thông qua đánh giá trước khi giảng dạy sẽ giúp cho giảng viên đưa ra mục tiêu, xác định nội dung, lựa chọn phương pháp và tài liệu giảng dạy thích hợp với người học. Qua kết quả đánh giá thăm dò, trên cơ sở những thông tin thu thập bước đầu về trình độ người học, giúp giảng viên có thể hướng dẫn sinh viên học tập một cách phù hợp với năng khiếu, sở trường cũng như sự khác biệt về khả năng của các nhóm sinh viên khác nhau. Đồng thời, thông tin về đánh giá chẩn đoán còn có thể dự báo được kết quả dự kiến mà người học có thể đạt được trong quá trình học tập.

*\* Vai trò xác nhận:*

Đánh giá xác định mức độ sinh viên đạt được mục tiêu học tập đến mức độ nào, kết quả đánh giá cung cấp thông tin cho người học biết được họ đã đạt hay chưa đạt yêu cầu của khóa học/môn học. Trong bối cảnh đào tạo theo tín chỉ, đánh giá còn có chức năng ghi nhận sự tích lũy tín chỉ của sinh viên trong quá trình học tập. Vai trò này của đánh giá có tác dụng trên nhiều phương diện, trong đó thể hiện được khía cạnh về chất lượng giáo dục – đào tạo.

Ngoài ra, với vai trò xác nhận của đánh giá, sinh viên được đánh giá, phân loại, xếp hạng về trình độ đạt được theo tiêu chí định sẵn (criterion – referenced) hoặc theo tương quan với sinh viên khác cùng nhóm (norm – referenced). Kết quả đánh giá này dẫn đến các quyết định có liên quan đến người học như buộc sinh viên thôi học, được học tiếp hay khen thưởng, kỷ luật học vụ,...

*\* Vai trò tạo động lực:*

Qua hoạt động đánh giá thúc đẩy sự quan tâm của các bên có liên quan đến việc giảng dạy và công tác quản lý chương trình học về việc làm thế nào để thống nhất nội dung giảng dạy, các tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá, gắn kết các nội dung môn học với nhau, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Đánh giá tốt giúp sinh viên học tập hiệu quả hơn, qua việc mô tả cụ thể về yêu cầu đánh giá kết quả học tập sẽ giúp sinh viên biết nên tập trung đầu tư đúng mức về các nguồn lực cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ học tập tốt nhất; với việc ghi nhận thành quả học tập qua điểm số sẽ tạo động lực tốt cho sinh viên trong quá trình học tập đồng thời cũng giúp họ nhận ra điểm mạnh và điểm yếu của bản thân.

*\* Vai trò phản hồi - điều chỉnh*

Đánh giá kết quả học tập môn học của sinh viên cung cấp những thông tin phản hồi hữu ích, qua kết quả đánh giá, giảng viên và bộ phận quản lý chương

trình học biết được mức độ hiệu quả thực tế của giảng dạy cũng như những gì cần thay đổi và thay đổi như thế nào. Nói cách khác, thông tin về kết quả đánh giá làm cơ sở để ra quyết định phù hợp có liên quan đến việc điều chỉnh, cải tiến hoạt động giảng dạy, học tập cũng như quản lý chất lượng đào tạo.

*\* Vai trò hình thành nhu cầu và kỹ năng tự đánh giá*

Qua đánh giá, giảng viên có những thông tin cần thiết để tự đánh giá trình độ chuyên môn và năng lực của bản thân, xem xét tính phù hợp và mức độ hiệu quả của hoạt động giảng dạy, từ đó thúc đẩy nhu cầu tự bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong giảng dạy...

Đối với sinh viên, thông tin về đánh giá kết quả học tập môn học giúp người học tự đánh giá được quá trình cũng như kết quả học tập của bản thân. Đây là vai trò có ý nghĩa đặc biệt của việc đánh giá kết quả học tập đối với sinh viên. Học tập ở đại học là hoạt động nhận thức, chiếm lĩnh tri thức khoa học chuyên ngành có tính chất nghiên cứu, nhấn mạnh vai trò tích cực tự học, tự nghiên cứu của người học. Do đó, họ cần được rèn luyện kỹ năng tự đánh giá ngay trong quá trình học tập - đào tạo ở đại học. Bởi chỉ khi có được kỹ năng tự đánh giá họ mới biết được khả năng và hạn chế của mình, biết tự học và tự đào tạo trong cũng như sau khi tốt nghiệp để đáp ứng công việc thực tế.

*c. Chức năng của đánh giá kết quả học tập của sinh viên*

Nhìn chung, việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên có 3 chức năng cơ bản sau đây:

- Chức năng phát hiện, điều chỉnh hoạt động dạy học: Phát hiện năng lực, trình độ, chỗ đúng, chỗ sai, mức độ rộng hẹp, nông sâu trong hiểu biết của sinh viên so với mục tiêu học tập để tìm nguyên nhân, cách khắc phục, hoàn thiện quá trình dạy học.

- Chức năng củng cố phát triển trí tuệ: Đánh giá góp phần củng cố tri thức, kỹ năng, kỹ xảo đã học, khuyến khích sự phát triển tư duy sáng tạo, khả năng phát hiện, giải quyết vấn đề của người học.

- Chức năng giáo dục phẩm chất nhân cách trong dạy học: Việc đánh giá kết quả học tập giúp sinh viên có tinh thần trách nhiệm, ý thức vượt khó, có nhu cầu, động cơ học tập đúng, có thói quen tự giác học tập, có ý thức tự đánh giá, hoàn thiện hiểu biết, phát triển năng lực bản thân.

### **1.3.2. Nguyên tắc đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

#### *a. Đảm bảo tính khách quan*

Đánh giá khách quan là sự phản ánh chính xác kết quả học tập như nó tồn tại trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu đã đề ra.

Đánh giá khách quan, chính xác tạo ra yếu tố tâm lý tích cực cho người được đánh giá, giúp cho họ có được động lực, hứng thú để vươn lên trong quá trình học tập.

Tính khách quan của kiểm tra đánh giá kết quả học tập là sự phản ánh trung thực kết quả đạt được về trình độ nhận thức, kỹ năng của học sinh so với yêu cầu của chương trình học. Tính khách quan của đánh giá kết quả học tập đòi hỏi việc xây dựng hay đánh giá phải cụ thể, rõ ràng, đảm bảo phản ánh được chính xác kết quả học tập của người học. Việc đo đạc kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học phải cho những kết quả đánh giá không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của đánh giá.

Để đảm bảo tính khách quan, cần giáo dục và hình thành cho người học kỹ năng đánh giá và tự đánh giá một cách đúng đắn, để ngăn ngừa thái độ đối phó với việc đánh giá. Mặt khác, cần kết hợp kiểm tra định tính và định lượng, kết hợp nhiều kỹ thuật đánh giá khác nhau bảo đảm môi trường, cơ sở vật chất không ảnh hưởng đến việc thực hiện các bài tập đánh giá của người học. Bên cạnh đó người dạy cần lựa chọn phương pháp, hình thức đánh giá, quá trình tổ chức đánh giá,... đáp ứng yêu cầu lí luận dạy học.

#### *b. Đảm bảo tính toàn diện*

Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện là hệ thống các nguyên tắc được thực hiện trong quá trình đánh giá thành quả học tập của người học, nhằm đảm bảo

kết quả người học đạt được qua kiểm tra phản ánh được tất cả các mặt đức - trí - thể - mỹ - lao động của người học.

Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện đòi hỏi phải đánh giá đầy đủ các mặt, khía cạnh theo yêu cầu, mục đích đặt ra. Đánh giá đầy đủ, khách quan, chính xác, tránh phiến diện. Đánh giá toàn diện cần được xem xét đầy đủ về số lượng và chất lượng, cần tính đến các mặt như khối lượng tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, năng lực vận dụng, khả năng sáng tạo, tinh thần thái độ và sự nỗ lực của người học.

Để đảm bảo tính toàn diện trong đánh giá kết quả học tập của người học cần căn cứ vào mục tiêu dạy học, trên cơ sở đó xác định nội dung đánh giá bao quát, công cụ đánh giá đa dạng, các bài tập hoặc hoạt động đánh giá không chỉ về kiến thức, kỹ năng môn học mà còn đánh giá phẩm chất trí tuệ, tình cảm, hệ thống năng lực của bản thân.

#### *c. Đảm bảo tính thường xuyên, có hệ thống*

Đánh giá kết quả học tập của người học cần được thực hiện một cách thường xuyên có hệ thống, có kế hoạch. Đánh giá trước, trong và sau khi học, số lần kiểm tra phải đảm bảo đủ để có thể đánh giá chính xác. Đánh giá thường xuyên và hệ thống sẽ cung cấp những thông tin kịp thời cho giáo viên và người học điều chỉnh liên tục hoạt động của mình, nhằm duy trì tính tích cực trong học tập.

Để đảm bảo tính thường xuyên, việc đánh giá kết quả học tập của người học đòi hỏi phải được tiến hành ở từng tiết học, từng chương, từng học kỳ tạo cho người học có ý thức trách nhiệm trong học tập. Bên cạnh đó, người học cũng cần tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. Đánh giá liên tục, đều đặn sẽ tạo cơ sở để đánh giá toàn diện.

#### *d. Đảm bảo tính phát triển*

Xét về bản chất nhân bản của giáo dục, có thể nói dạy học là phát triển. Nói cách khác giáo dục là quá trình giúp những cá nhân trong xã hội phát triển



những tiềm năng của mình để trở thành những người hữu dụng. Thông qua đánh giá phải tạo động lực thúc đẩy các mặt tốt và hạn chế các mặt tiêu cực.

Kết quả học tập của mỗi người học trong quá trình học tập thể hiện trình độ nhận thức riêng. Tuy nhiên trong suốt quá trình học tập, những kết quả đánh giá bộ phận chỉ phản ánh một thời điểm của hoạt động nhận thức, thông qua đó người học tiếp tục phấn đấu nỗ lực vươn lên để đạt được mục tiêu học tập. Chính vì vậy đánh giá phải linh hoạt, mềm dẻo ở từng thời điểm học tập, đảm bảo chất lượng và hiệu quả chung của cả quá trình. Đánh giá phải được tiến hành công khai, kết quả phải được thông báo kịp thời để người học phấn đấu vươn lên.

Để đảm bảo tính phát triển trong quá trình đánh giá, cần có công cụ đánh giá tạo điều kiện cho người học khai thác vận dụng kiến thức, kỹ năng phù hợp. Đánh giá hướng đến việc duy trì sự phấn đấu và tiến bộ của người học cũng như góp phần phát triển động cơ học tập đúng đắn của người học.

#### *e. Đảm bảo tính công khai*

Đánh giá kết quả học tập phải được tiến hành công khai, kết quả phải được công bố kịp thời để người học tự kiểm tra, tự đánh giá, tự điều chỉnh hoạt động học. Để hoàn thiện việc đánh giá cần phát huy vai trò chủ thể của người học, qua đó người học biết tự kiểm tra, tự đánh giá để điều chỉnh cách học, hoạt động học một cách kịp thời và hiệu quả nhằm nâng cao kết quả học tập, phát triển nhân cách của mình.

### **1.3.3. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

Dựa trên thực tế dạy học hiện nay, trong phạm vi đề tài này, chúng tôi nghiên cứu một số phương pháp đánh giá cơ bản thường được đề cập cụ thể như sau:

#### *a. Phương pháp kiểm tra viết dạng tự luận*

Kiểm tra viết là hình thức kiểm tra phổ biến, được sử dụng sau khi học xong một phần của chương, một chương hay nhiều chương hoặc sau khi kết

thức môn học. Nội dung kiểm tra bao quát những vấn đề từ lớn đến nhỏ, học sinh diễn đạt câu trả lời bằng ngôn ngữ viết.

Phương pháp kiểm tra viết bài tự luận là phương pháp sử dụng hình thức bài viết tự luận để thu thập thông tin phản hồi nhằm đánh giá kết quả học tập của học sinh, chúng đòi hỏi sử dụng nhận xét, phán xét và diễn giải của người chấm trong việc cho điểm, gồm các loại câu hỏi kiểm tra trả lời mở rộng hay có cấu trúc.

Loại bài tự luận có ưu điểm sau:

- Khả năng lập luận, sắp đặt hay phác họa;
- Khả năng thẩm định, bình luận;
- Khả năng chọn lựa các kiến thức, ý tưởng quan trọng và tìm mối quan hệ giữa các kiến thức ý tưởng ấy;
- Khả năng thể hiện hay diễn đạt các ý tưởng sáng tạo.

Loại câu hỏi luận có thể dùng kiểm tra đánh giá các mục tiêu liên quan đến thái độ, sự hiểu biết, những ý niệm, sở thích, và tài diễn đạt tư tưởng.

Phương pháp kiểm tra viết bằng tự luận có các hạn chế sau:

- Không có khả năng đo lường tri thức về sự kiện hoặc kỹ năng hành động một cách hữu hiệu.
- Các câu trả lời thường dài, tốn thời gian trình bày, diễn đạt bằng văn viết. Học sinh dễ quay cóp và có thể khéo léo tránh đề cập những điểm không hiểu rõ.
- Việc chấm điểm thường mất nhiều thời gian. Kết quả phụ thuộc vào người chấm

*\* Yêu cầu đối với phương pháp kiểm tra viết dạng bài tự luận:*

- Câu hỏi kiểm tra cần được diễn đạt một cách rõ ràng, chú ý đến cấu trúc về ngữ pháp. Từ ngữ lựa chọn phải chính xác.
- Cần xác định được thời gian cần cho việc trả lời câu hỏi, đối với những câu trả lời giới hạn, có thể dễ ước lượng thời gian trả lời cho mỗi câu,

còn đối với những câu trả lời mở rộng, khó hơn trong việc ước lượng thời gian cần thiết, do đó câu hỏi cần đảm bảo cho học sinh viết chậm cũng có thể hoàn thành được bài viết.

- Một trong những cách có thể cải tiến câu tự luận để nâng cao độ tin cậy là tăng số câu hỏi trong bài kiểm tra, giảm độ dài ở phần trả lời của mỗi câu, những câu quá dài và tổng quát có thể phân ra làm nhiều câu hỏi ngắn, có giới hạn độ dài của mỗi câu.

- Khi tổ chức cho sinh viên làm bài cần phải có những biện pháp để tránh được các yếu tố gây nhiễu từ bên ngoài (tiếng ồn, ánh sáng và các yếu tố gây nhiễu khác).

- Cần xác định thang điểm một cách chuẩn xác và chi tiết, trong đó đưa ra những câu trả lời có thể chấp nhận được và trọng số cho từng câu trả lời. Cần phải có một bảng hướng dẫn nêu rõ những khái niệm, những ý tưởng, những lập luận, khối lượng dài ngắn và một số vấn đề khác tạo nên một bài trả lời chấp nhận được. Mặt khác, cần có dự kiến đưa ra một số vấn đề có thể xuất hiện trong bài làm, để có cách xử lý và cho điểm.

#### *b. Phương pháp trắc nghiệm khách quan*

Một bài trắc nghiệm khách quan thường bao gồm nhiều câu hỏi, mỗi câu thường được trả lời bằng một dấu hiệu đơn giản, hay một từ, một cụm từ, do đó có nhiều câu hỏi trong một bài trắc nghiệm.

Trong lĩnh vực giáo dục có nhiều cách phân loại trắc nghiệm, mỗi cách phân loại đều dựa trên những cơ sở nhất định. Theo dạng thức của bài trắc nghiệm có trắc nghiệm khách quan và trắc nghiệm tự luận.

\* *Câu hỏi nhiều lựa chọn*: Là loại câu thông dụng nhất, loại câu này bao gồm hai phần là phần câu dẫn và phần lựa chọn. Phần câu dẫn là một câu hỏi hay một câu bỏ lửng (câu chưa hoàn tất) tạo cơ sở cho sự lựa chọn. Phần lựa chọn gồm nhiều phương án trả lời. Người trả lời sẽ chọn một phương án trả

lời duy nhất đúng hoặc đúng nhất, hoặc không có liên quan gì nhất trong số các phương án cho trước. Những phương án còn lại là phương án nhiễu.

\* *Loại câu đúng sai*: Câu trắc nghiệm loại này thường bao gồm một câu phát biểu để phán đoán và đi đến quyết định là đúng hay sai. Loại câu này là dễ soạn đối với giáo viên và được tiến hành nhanh chóng đối với học sinh.

\* *Loại câu hỏi trả lời ngắn*: Câu trả lời ngắn được trình bày dưới hình thức một câu hỏi và được trả lời bằng một từ hay một cụm từ.

\* *Loại câu điền vào ô trống*: loại câu này thường được trình bày dưới hình thức một câu phát biểu chưa đầy đủ, đòi hỏi trả lời bằng một cụm từ cho một câu hỏi trực tiếp hay một câu nhận định chưa đầy đủ.

\* *Loại câu hỏi ghép đôi*: Loại câu này thường bao gồm hai dãy thông tin gọi là các câu dẫn và đáp. Hai dãy thông tin này thường có số câu bằng nhau, một dãy là danh mục gồm các tên hay thuật ngữ và một dãy là danh mục các định nghĩa, đặc điểm,... Nhiệm vụ của người làm là ghép chúng lại một cách thích hợp.

Mỗi loại câu ở trên đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định, trong quá trình kiểm tra, đánh giá cần xem xét chúng trong hoàn cảnh cụ thể để lựa chọn và sử dụng cho phù hợp với các mục tiêu đo lường và đánh giá.

Sử dụng phương pháp trắc nghiệm khách quan trong đánh giá kết quả học tập có khả năng đo được các mức độ của nhận thức (biết, hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá). Một trong những ưu điểm nổi bật của phương pháp trắc nghiệm khách quan là điểm số có độ tin cậy cao. Bài trắc nghiệm bao quát được phạm vi kiến thức rộng nên đại diện được cho nội dung cần đánh giá.

Tuy nhiên phương pháp trắc nghiệm khách quan cũng có một vài hạn chế, dùng bài trắc nghiệm khách quan sẽ khó khăn trong việc đo lường khả năng diễn đạt, sắp xếp, trình bày và đưa ra ý tưởng mới.

Quá trình chuẩn bị câu hỏi trắc nghiệm là khó khăn và mất nhiều thời gian, đồng thời việc tiến hành xây dựng câu hỏi cần tuân theo những bước chặt chẽ hơn so với câu tự luận.

*\* Yêu cầu khi sử dụng phương pháp trắc nghiệm khách quan*

Lựa chọn phương pháp trắc nghiệm khách quan cần căn cứ vào mục đích đánh giá, đối tượng đánh giá và các điều kiện cụ thể, cũng như khả năng mà trắc nghiệm có thể đo lường và đánh giá được các mục tiêu đã xác định.

Có một hệ thống ngân hàng câu trắc nghiệm đảm bảo được yêu cầu về các chỉ số của câu trắc nghiệm. Không phải chỉ đối với trắc nghiệm tiêu chuẩn hoá được sử dụng trên phạm vi rộng, mà các trắc nghiệm do giáo viên soạn để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong một trường hay một lớp học cũng cần được xây dựng một cách cẩn thận. Hệ thống ngân hàng câu trắc nghiệm cần được quản lý một cách khoa học.

Các câu trắc nghiệm khi thiết kế vào bài trắc nghiệm phải đại diện được cho nội dung cần đánh giá, sắp xếp câu trắc nghiệm theo từng chủ đề và từ dễ cho đến khó. Quá trình tiến hành trắc nghiệm cần được tiến hành cẩn thận

Hướng dẫn chu đáo về cách thức làm bài trắc nghiệm trước khi tiến hành làm trắc nghiệm. Đối với các kỳ thi triển khai trên một diện rộng, việc chấm điểm bài trắc nghiệm được thực hiện bằng máy chấm theo một qui trình chặt chẽ.

*c. Phương pháp vấn đáp*

Vấn đáp là một phương pháp kiểm tra - đánh giá sử dụng các câu hỏi trực tiếp (hỏi- đáp) để thu nhận các thông tin phản hồi về các đặc khả năng, thái độ, nhân thức... của người trả lời.

*\* Ưu điểm :*

- Cho thông tin phản hồi trực tiếp và nhanh chóng. Loại hình câu hỏi đa dạng và có khả năng sử dụng linh hoạt trong các tình huống khác nhau.

- Vừa định tính vừa định lượng được cả kiến thức, kỹ năng và thái độ.
- Có độ chính xác tương đối cao, có giá trị giáo dục nhiều mặt, bổ sung kiến thức, ít tốn thời gian.
- Rèn luyện năng lực tư duy và khả năng phản ứng, lập luận diễn giải bằng lời tức thời của học sinh.

*\* Nhược điểm:*

- Thông tin trả lời mang nặng tính chất, suy nghĩ chủ quan của người trả lời.
- Dễ bị sai lệch bản chất.
- Chịu ảnh hưởng của môi trường, ngoại cảnh và thái độ của người hỏi và tâm thế của người trả lời. Không hỏi được nhiều người trong một lúc.
- Khó lưu giữ thông tin trả lời. Chỉ hỏi được từng khía cạnh của vấn đề.
- Tốn thời gian nếu số lượng học sinh đông.

*\* Yêu cầu khi sử dụng phương pháp vấn đáp*

Câu hỏi phải chính xác, rõ ràng, sát với trình độ của người học, diễn đạt câu đúng ngữ pháp, gọn gàng sáng sủa, câu hỏi phải có tác dụng kích thích tích cực, độc lập tư duy. Nên có từ 2 người trở lên tham gia để đảm bảo tính khách quan.

*d. Phương pháp quan sát*

Quan sát là một phương pháp kiểm tra - đánh giá sử dụng tri giác (trực tiếp hoặc gián tiếp) để thu nhận các thông tin phản hồi về các đặc điểm, tính chất, trạng thái. của các đối tượng cần đánh giá. Phương pháp này thường sử dụng để quan sát kỹ năng, sản phẩm, thái độ.

Ưu điểm của phương pháp này là:

- Cho thấy hình ảnh cụ thể của đối tượng cần đánh giá (hành vi, hoạt động, trạng thái,...).
- Có thông tin trực tiếp, trung thực và nhanh chóng.
- Có khả năng tìm hiểu được nhiều khía cạnh của đối tượng quan sát. Rất tốt cho kiểm tra thực hành.

Tuy nhiên quan sát có một số nhược điểm sau :

- Thông tin phản hồi mang nặng tính chất định tính, bề ngoài, hình thức khó thấy bản chất.

- Chịu ảnh hưởng của môi trường, ngoại cảnh và thái độ của người quan sát.

- Khó quan sát khi đối tượng đông và có nhiều hoạt động phức tạp.

- Tốn thời gian khi cần đánh giá quá trình.

*\* Yêu cầu khi sử dụng phương pháp này là:*

Để tiến hành quan sát, trước hết cần xác định được mục tiêu và hệ thống hành vi liên quan đến mục tiêu cũng như các mức độ của hành vi.

- Cần có kế hoạch trước cho việc quan sát, và phải chuẩn bị một danh mục cần quan sát cái gì, tức là phải định ra trước một loạt hành vi sẽ được quan sát, việc quyết định này giống như việc quyết định là nội dung gì sẽ được đưa vào bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Cần phải dựa trên các mục tiêu sẽ đánh giá.

- Khi quan sát chỉ nên tập trung vào một hoặc hai đặc điểm để cho các số liệu tin cậy hơn, bởi vì người quan sát khó tập trung vào nhiều đặc điểm cùng một lúc.

- Số lượng quan sát phải nhiều và thời gian quan sát diễn ra liên tục thì độ tin cậy của quan sát sẽ lớn hơn.

- Quan sát được tiến hành đồng thời với hoạt động và giảng dạy và giáo dục của giảng viên tức là khi giảng viên lên kế hoạch giảng dạy và giáo dục thì đồng thời cũng có kế hoạch quan sát để hai yếu tố này có liên quan với nhau.

- Quan sát cần mang tính lựa chọn, tức là nếu quan sát trong một tập thể mang tính bao quát, tuy nhiên cũng cần được tập trung tới một vài cá nhân đặc biệt, chẳng hạn như những học sinh chậm chạp hoặc tách biệt, khép kín, hoặc quá hiếu động, chúng cần có sự giúp đỡ đặc biệt.

- Nên ghi lại một cách cẩn thận và tóm tắt ngay sau khi nó xảy ra, tuy nhiên không nên đồng thời đưa ra những giải thích kết luận ngay về thái độ, điều này sẽ gây trở ngại đến tính khách quan trong quá trình thu thập thông tin quan sát.

- Có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật vào quá trình quan sát.

#### *e. Phương pháp thực hành*

Thực hành là phương pháp giáo viên tổ chức cho học sinh tiến hành các hoạt động thực tiễn, qua đó thu được những thông tin về kỹ năng thực hành của học sinh.

Trong thực tiễn nhiều yếu tố của bài kiểm tra không thể kiểm tra trên giấy bút được nhưng có thể đo lường bằng công cụ và kỹ thuật quan sát. Quan sát trực tiếp, có hệ thống là kỹ thuật quan trọng để thu thập số liệu đánh giá học sinh về khả năng tiếp nhận, xử lý, đánh giá thông tin, năng lực giải quyết những tình huống, nhiệm vụ trong sự phối hợp chặt chẽ với các thành viên khác. Việc đánh giá các năng lực này thông qua đánh giá cách thức tiến hành hoạt động và đánh giá sản phẩm.

Việc xây dựng các bài kiểm tra thực hành và quan sát việc thực hiện của người học sẽ cho biết những thao tác và sản phẩm mà người học thực hiện được, sẽ phân biệt được cái mà một người có thể làm với cái mà họ biết.

Các bài tập thực hành sẽ thể hiện những gì mà người học phải làm và làm được, các bài này có thể giao cho cá nhân hoặc nhóm. Căn cứ vào mức độ phức tạp của các nhiệm vụ thực hành mà có hai loại bài tập: bài tập có giới hạn và bài tập mở rộng. Thông qua các bài tập thực hành mà học sinh thực hiện, giáo viên sẽ đánh giá được khả năng của học sinh trong việc vận dụng lý thuyết vào những tình huống cụ thể của thực tiễn. Ưu điểm của phương pháp này là kiểm tra được kỹ năng thực hành của người học, giúp cho việc rèn luyện kỹ năng, khắc phục tình trạng xa rời thực tiễn. Tuy nhiên, phương pháp này cần nhiều thời gian và chuẩn bị công phu hơn những phương pháp khác.



### **1.3.4. Các hình thức đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

#### *a. Đánh giá thường xuyên*

Đánh giá thường xuyên được giáo viên tiến hành hàng ngày, nhằm kịp thời điều chỉnh hoạt động của cả giáo viên và học sinh, thúc đẩy người học cố gắng, tích cực học tập một cách hệ thống và liên tục, đồng thời tạo điều kiện để quá trình dạy học chuyển sang bước phát triển cao hơn.

Kiểm tra hàng ngày được thực hiện qua quan sát một cách có hệ thống hoạt động học tập của học sinh, qua việc lĩnh hội tri thức mới, ôn tập và củng cố tri thức cũ cũng như vận dụng tri thức vào thực tiễn. Thông qua phát vấn trong giảng dạy, giáo viên có thể theo dõi mức độ hiểu bài của sinh viên, thông qua quan sát, giáo viên có thể đánh giá được mức độ tiến bộ của người học khi họ trả lời câu hỏi, khi thảo luận nhóm, khi thực hiện các nhiệm vụ dạy học.

Đánh giá này được giáo viên tiến hành một cách linh hoạt, cung cấp thông tin phản hồi cho giáo viên và sinh viên thấy được hiệu quả của quá trình dạy học. Hình thức này thực hiện tốt chức năng hỗ trợ, điều chỉnh của đánh giá và hướng vào mục tiêu nâng cao chất lượng cũng như hiệu quả của quá trình dạy học.

#### *b. Đánh giá định kì*

Việc đánh giá định kì kết quả học tập của người học được tiến hành sau từng giai đoạn học tập, là dạng đánh giá thường được thực hiện sau khi học một phần, một chương hoặc giữa kì, cuối một học kì để xác định kết quả học tập của người học. Đánh giá định kì cho phép cả người dạy lẫn người học nhìn lại kết quả làm việc sau một giai đoạn, một thời gian nhất định, củng cố và mở rộng những nội dung đã học, từ đó định hướng cho quá trình dạy học tiếp theo.

Đánh giá định kì cung cấp thông tin cho các cấp quản lý chỉ đạo để quản lý quá trình học tập của sinh viên và giảng dạy của giáo viên.

Việc đánh giá định kì sử dụng các phương pháp như: kiểm tra vấn đáp, quan sát học sinh học tập hoặc hoạt động, bài tập thực hành (đối với môn đánh giá bằng nhận xét), kiểm tra viết tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan.

### *c. Đánh giá tổng kết*

Đánh giá tổng kết được thực hiện vào cuối mỗi năm học, cuối khóa học nhằm đánh giá kết quả chung, củng cố và mở rộng những điều đã học từ đầu năm học hoặc đầu kì học, đồng thời tạo điều kiện để chuyển sang năm học hay môn học mới.

Đánh giá này xác định mức độ mà người học đạt được các mục tiêu học tập đã đề ra hay xếp loại theo mục đích nào đó. Các mẫu đánh giá phải căn cứ vào những gì mà học sinh đã học, nó có tính chất đặc trưng cho toàn bộ kiến thức mà học sinh tiếp thu được. Đây là đánh giá mang tính tổng hợp, có ý nghĩa quan trọng trong việc cung cấp thông tin công bằng về kết quả học tập của học sinh. Các kết quả đánh giá này rất quan trọng đối với học sinh vì nó tác động trực tiếp tới việc xếp loại, khen thưởng, công nhận đạt hay không đạt sau một quá trình học... Nếu đánh giá chính xác những thông tin này sẽ làm cơ sở cho những quyết định phù hợp với người học, người dạy, nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy.

### **1.3.5. Quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

Theo Đại Từ điển Tiếng Việt thì quy trình được hiểu là “Các bước phải tuân theo khi tiến hành công việc nào đó”.

Theo Từ điển Từ và Ngữ Hán Việt thì “quy là khuôn tròn, là phép tắc”, “trình là đường đi, cách thức, các bước”. Quy trình được hiểu là “những phép tắc để tiến hành các bước”.

Theo cuốn “Thuật ngữ hành chính” thì cách hiểu về quy trình như sau: “Quy trình chính là một loạt liên tục hoạt động để thực hiện một công việc nào đó.

Quy trình chung là trình tự các bước phải tuân theo thứ tự, lần lượt để tiến hành (thực hiện) một công việc nào đó, tuy nhiên trong mỗi bước của quy trình này lại có những hoạt động cụ thể.”

Cuốn Từ điển Bách khoa Việt Nam 3 đưa ra một cách hiểu về quy trình trong một hoạt động cụ thể như sau: “Quy trình quản lý quá trình hoạt động của các chủ thể quản lý tập hợp thành một cơ chế được quy định theo một trình tự logic nhất định, nhằm đạt được những mục tiêu quản lý đã được đề ra bằng cách thực hiện những chức năng quản lý nhất định, tuân thủ theo những nguyên tắc quản lý và vận dụng những phương pháp quản lý thích hợp”.

Như vậy, quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên là trình tự vận hành một cách hợp lý và triển khai có hệ thống các bước thực hiện hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc quá trình dạy học một môn học/chương trình học cụ thể.

Có nhiều cách phân loại quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên khác nhau, dựa trên lý luận về kiểm tra, đánh giá trong dạy – học đại học, quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên có thể bao gồm các bước sau:

- Bước 1: Phân tích mục tiêu, nội dung đánh giá;
- Bước 2: Chọn các hình thức đánh giá phù hợp;
- Bước 3: Thiết kế các công cụ đánh giá;
- Bước 4: Thử nghiệm các công cụ đánh giá;
- Bước 5: Tổ chức thực hiện đánh giá, thu thập các dữ liệu đánh giá;
- Bước 6: Phân tích thống kê số liệu đánh giá;
- Bước 7: Đánh giá lại các công cụ đánh giá thông qua kết quả;
- Bước 8: Chuẩn hóa kết quả đánh giá;
- Bước 9: Công bố kết quả đánh giá;
- Bước 10: Nhận xét, đánh giá, cải tiến.

Các bước của quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên có thể tích hợp lại hoặc thêm để phù hợp với các hình thức đánh giá khác nhau.

#### **1.4. Một số vấn đề về đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực**

##### **1.4.1. Môn giáo dục học và mục tiêu phát triển năng lực của sinh viên sư phạm**

Giáo dục học là một trong những môn cơ sở của tất cả các khối ngành sư phạm, có quan hệ chặt chẽ với các bộ môn như Tâm lý học, Phương pháp giảng dạy bộ môn, các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Nó được coi là môn nghiệp vụ quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên sư phạm. Môn học với hệ thống lí luận cơ bản, đầy đủ, nhằm trang bị cho sinh viên - những thầy cô giáo tương lai hệ thống những tri thức, hiểu biết về nghề nghiệp, giúp sinh viên nắm vững các nguyên lí cơ bản của Giáo dục học Mác xít, đường lối quan điểm giáo dục của Đảng và Nhà nước đồng thời nắm vững hệ thống lí luận giáo dục và dạy học ở phổ thông. Bên cạnh đó, giáo dục học còn giúp người học hình thành hệ thống kĩ năng sư phạm và hệ thống thái độ tích cực để tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục và dạy học trong nhà trường phổ thông.

Hiện nay, môn Giáo dục học được giảng dạy ở các trường Đại học Sư phạm thường được cấu trúc gồm 3 nội dung cơ bản:

(1) Những vấn đề chung của Giáo dục học: Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về khái niệm giáo dục với tư cách là đối tượng nghiên cứu của khoa học giáo dục; chức năng xã hội của giáo dục, ảnh hưởng của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách của từng cá nhân; xu thế phát triển của giáo dục trên thế giới; mục đích và nhiệm vụ giáo dục; nhân cách người giáo viên, các con đường giáo dục. Qua đó, sinh viên sẽ nhận thức được vai trò, trách nhiệm của người giáo viên, vai trò của giáo dục đối với sự phát triển của xã hội, hình thành ý thức, tình cảm nghề nghiệp,...

(2) Lý luận dạy học: Trang bị cho sinh viên những tri thức về bản chất, quy luật, động lực của quá trình dạy học; nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; kiểm tra đánh giá kết quả dạy học,... hình thành ở sinh viên năng lực thiết kế hoạt động dạy học, năng lực tổ chức triển khai hoạt động dạy học và năng lực kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy học và phát triển chuyên môn. Qua đó, sinh viên có thể vận dụng linh hoạt vào giảng dạy môn học theo chuyên ngành được đào tạo.

(3) Lý luận giáo dục: Trang bị cho sinh viên những tri thức về bản chất, đặc điểm, quy luật,... của quá trình giáo dục; nguyên tắc, phương pháp giáo dục; chức năng, nhiệm vụ và nội dung công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp,... hình thành ở sinh viên năng lực thiết kế các kế hoạch giáo dục học sinh, năng lực tổ chức triển khai kế hoạch giáo dục, năng lực đánh giá kết quả giáo dục và sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh quá trình giáo dục và phát triển năng lực giáo dục học sinh của giáo viên.

Căn cứ vào chức năng và nội dung của môn Giáo dục học đã trình bày ở trên cho thấy, Giáo dục học có nội dung bao quát các tri thức của hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực sư phạm, trong đó tập trung vào năng lực dạy học và năng lực giáo dục. Vì thế những năng lực cần hình thành cho sinh viên đại học sư phạm thông qua môn Giáo dục học gồm những năng lực chung mà sinh viên ngành sư phạm cũng như các ngành khác cần có và các năng lực riêng của môn học là năng lực dạy học - giáo dục mà những năng lực này gắn liền với năng lực nghề nghiệp của người giáo viên

*1.4.1.1. Những năng lực chung cần hình thành và phát triển cho sinh viên đại học sư phạm thông qua môn Giáo dục học*

Hệ thống các năng lực chung rất phong phú và đa dạng. Các năng lực này được hình thành và phát triển thông qua nhiều môn học và liên quan đến

nhều môn học khác nhau. Ở môn Giáo dục học, các năng lực cần hình thành và phát triển cho sinh viên đó là các năng lực liên quan đến quá trình nhận thức, học tập, giao tiếp, ngôn ngữ và xử lý thông tin. Đây cũng là những năng lực chung được các nhà khoa học giáo dục ở nhiều nước lựa chọn để hình thành và phát triển cho người học [47]. Cụ thể đó là các năng lực tư duy bậc cao như năng lực tư duy phân tích, năng lực tư duy tổng hợp, năng lực tư duy phê phán, năng lực tư duy chứng minh một cách logic; năng lực giao tiếp bằng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết; năng lực thu thập và xử lý thông tin; năng lực làm việc nhóm; năng lực tự học. Những năng lực này được thể hiện trong môn Giáo dục học như sau:

- Năng lực tư duy phân tích là năng lực phân chia thông tin/sự vật hiện tượng/khái niệm liên quan đến dạy học – giáo dục thành những bộ phận cấu thành và chỉ ra mối quan hệ giữa các bộ phận với cái tổng thể và giữa các bộ phận với nhau để hiểu sâu hơn về từng bộ phận của thông tin/ sự vật hiện tượng/ khái niệm để từ đó rút ra kết luận.

- Năng lực tư duy tổng hợp là năng lực phát hiện ra mối quan hệ giữa các bộ phận riêng lẻ, tách rời về dạy học – giáo dục và hợp nhất/thống nhất các bộ phận rời rạc của sự vật hiện tượng/đối tượng lại với nhau thành một chỉnh thể (mô hình/cấu trúc) mới.

- Năng lực tư duy phê phán mà sinh viên cần được hình thành trong quá trình học tập môn Giáo dục học là năng lực thể hiện ở sự phân tích và đánh giá một vấn đề - hiện tượng dạy học - giáo dục nào đó theo quan điểm/ý kiến khác nhau và đưa ra những lập luận làm sáng tỏ cho các quan điểm/ý kiến đó nhằm làm rõ bản chất vấn đề, hiện tượng dạy học – giáo dục và đưa ra quan điểm riêng/ý kiến riêng của cá nhân về vấn đề đó.

- Năng lực chứng minh một cách logic là năng lực sử dụng các chứng cứ, lập luận chặt chẽ để làm sáng tỏ cho một nhận định về dạy học – giáo dục cụ thể.

- Năng lực giao tiếp bằng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết là năng lực biểu đạt rõ ràng và mạch lạc ý nghĩ, tình cảm của mình bằng lời nói cũng như chữ viết. Đối với sinh viên sư phạm thì năng lực này hết sức cần thiết và quan trọng, vì ngôn ngữ là phương tiện dùng để giảng bài, tổ chức, điều khiển quá trình học tập của người học.

- Năng lực thu thập và xử lý thông tin là năng lực tập hợp, khai thác các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động dạy học - giáo dục, qua các thông tin thu được, chọn lọc những thông tin giá trị phục vụ việc giải quyết các nhiệm vụ học tập môn học.

- Năng lực hợp tác, làm việc nhóm là khả năng hợp tác, chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên trong nhóm để giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ học tập đồng thời học hỏi kinh nghiệm giữa các cá nhân.

- Năng lực tự học là sinh viên tự đề ra các mục tiêu học tập và tự lựa chọn cách thức, phương tiện học tập, tự tổ chức hoạt động học cũng như tự đánh giá kết quả của việc thực hiện các nhiệm vụ học tập đã đề ra. Việc hình thành và phát triển năng lực tự học cho sinh viên là vô cùng cần thiết, bởi lẽ nó thúc đẩy tính tích cực, tự giác, chủ động trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập của sinh viên.

*1.4.1.2. Những năng lực dạy học – giáo dục cần hình thành và phát triển cho sinh viên đại học sư phạm thông qua môn Giáo dục học.*

Năng lực dạy học – giáo dục là hệ thống những năng lực phức hợp gồm nhiều năng lực khác nhau. Dựa trên đặc thù của môn Giáo dục học trong các trường Đại học sư phạm, các năng lực dạy học – giáo dục cần hình thành và phát triển cho sinh viên gồm 3 nhóm như sau:

*\* Nhóm năng lực nghiên cứu văn bản dạy học - giáo dục và đối tượng dạy học - giáo dục.* Bao gồm những năng lực cụ thể, đó là:

- Năng lực phân tích nội dung, kế hoạch, chương trình, tài liệu dạy học – giáo dục. Nội dung kế hoạch, chương trình, tài liệu dạy học – giáo dục gồm

nhiều loại: kế hoạch, chương trình dạy học – giáo dục, chỉ thị, nhiệm vụ năm học, sách giáo khoa, giáo án, sách tham khảo, sách hướng dẫn giáo viên,... liên quan đến việc dạy học môn học mà người giáo viên thường xuyên phải cập nhật, nghiên cứu và sử dụng trong quá trình dạy học.

Trên cơ sở những kiến thức về môn học, kế hoạch, chương trình, tài liệu dạy học – giáo dục được học ở bộ môn Giáo dục học, sinh viên có khả năng thu thập đầy đủ các kế hoạch, chương trình, tài liệu dạy học – giáo dục ở nhà trường phổ thông do nhà nước ban hành được thể hiện ở bản phân phối chương trình các môn học. Từ đó, sinh viên nghiên cứu và phân tích làm rõ đối tượng cần giảng dạy, phân phối chương trình và thời gian biểu của các hoạt động dạy học – giáo dục một cách hợp lí, khoa học; phân tích mục tiêu, nội dung, cấu trúc chương trình của một môn học, một hoạt động giáo dục ở một khối lớp cụ thể, cũng như phân tích được vai trò, vị trí của môn học – hoạt động giáo dục đó. Năng lực này sẽ giúp sinh viên hình dung được một cách rõ ràng về môn học, hoạt động giáo dục học sẽ thực hiện trong tương lai.

- Năng lực tìm hiểu đối tượng dạy học – giáo dục. Để có thể tiến hành hoạt động dạy học và giáo dục đạt hiệu quả, đảm bảo sự phân hóa trong dạy học – giáo dục, đòi hỏi người giáo viên phải có năng lực tìm hiểu đối tượng dạy học – giáo dục. Cụ thể là tìm hiểu khả năng, trình độ học tập, các đặc điểm tâm sinh lý, hoàn cảnh gia đình, quan hệ xã hội,... của người học.

Sinh viên sư phạm trước khi học môn Giáo dục học đã được trang bị các kiến thức, kĩ năng về môn Tâm lý học. Do đó ở năng lực này, sinh viên có thể xác định được mức độ phát triển về tâm lý, thể chất cũng như trình độ kiến thức, kĩ năng của người học ở một lứa tuổi cụ thể và đặc điểm chung của tập thể học sinh để từ đó lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học – giáo dục cho phù hợp với đặc điểm lứa tuổi.



*\* Nhóm năng lực thực hiện hoạt động dạy học – giáo dục, nhóm này bao gồm:*

- Năng lực xác định mục tiêu dạy học – giáo dục. Mục tiêu dạy học – giáo dục là yêu cầu về những gì người học phải hiểu rõ và làm được sau bài học hoặc sau khi kết thúc hoạt động giáo dục. Có ba loại mục tiêu cơ bản là mục tiêu về kiến thức, mục tiêu về kỹ năng và mục tiêu về thái độ. Năng lực này thể hiện ở việc sinh viên phải xác định đầy đủ, chính xác những kiến thức, kỹ năng và thái độ cơ bản mà người học phải đạt được sau một quá trình dạy học và giáo dục cụ thể. Xác định chính xác các mục tiêu dạy học – giáo dục giúp sinh viên triển khai các hoạt động đó một cách hiệu quả.

- Năng lực lựa chọn, xây dựng nội dung dạy học – giáo dục. Thông qua việc học tập môn Giáo dục học, sinh viên bước đầu biết lựa chọn, xây dựng những nội dung dạy học – giáo dục phù hợp với mục tiêu đặt ra dù chưa được học phương pháp giảng dạy bộ môn và các kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành. Những nội dung được lựa chọn, xây dựng cần đảm bảo đúng trọng tâm, có tính khoa học, chính xác, thực tiễn, có tính hệ thống, đảm bảo phù hợp với chương trình và lứa tuổi của người học. Đồng thời nội dung dạy học cần thể hiện tính giáo dục, kết hợp dạy tri thức với giáo dục các phẩm chất đạo đức tốt đẹp cho người học. Thực hiện đúng các nguyên tắc dạy học – giáo dục.

- Năng lực thiết kế các hoạt động dạy học – giáo dục. Năng lực này thể hiện ở chỗ sinh viên đóng vai trò như một giáo viên, biết phân tích nội dung bài học và hoạt động giáo dục, xác định được nội dung trọng tâm, cơ bản và chuyển hóa thành các hoạt động mà người học phải thực hiện để lĩnh hội các nội dung đó. Các hoạt động này tập trung hướng vào những mục tiêu dạy học – giáo dục cơ bản, cốt lõi. Sản phẩm của hoạt động này được thể hiện thành giáo án dạy học và giáo án tổ chức hoạt động giáo dục cụ thể.

- Năng lực vận dụng phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học – giáo dục. Năng lực này đòi hỏi sinh viên phải biết lựa chọn và sử dụng các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học – giáo dục phù hợp với mục tiêu, nội dung của bài học, phù hợp với trình độ chung của người học. Việc sử dụng các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học – giáo dục phải quán triệt đầy đủ các nguyên tắc dạy học – giáo dục và thể hiện đúng đặc trưng của các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức đó. Đồng thời, sinh viên phải biết kết hợp một cách tối ưu, hiệu quả các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học – giáo dục để phát huy tính tích cực học tập của người học, tạo hiệu quả cho dạy học.

- Năng lực xử lý tình huống trong dạy học – giáo dục. Trong quá trình dạy học – giáo dục có rất nhiều tình huống sư phạm nảy sinh, nếu giáo viên không nhận ra và có cách xử lý khéo léo, không phù hợp với đặc điểm tâm lý của người học sẽ làm ảnh hưởng đến bầu không khí lớp học, từ đó ảnh hưởng đến kết quả dạy học – giáo dục. Trong môn Giáo dục học, sinh viên được làm quen với các tình huống sư phạm và tập xử lý các tình huống sư phạm giả định. Các tình huống sư phạm này nảy sinh trong quá trình dạy học – giáo dục rất phong phú, đa dạng. Vì vậy, năng lực này đòi hỏi sinh viên phải biết giải quyết các tình huống đề ra một cách bình tĩnh, chủ động, tự tin, khéo léo và hợp lý, tôn trọng nhân cách người học, đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu của dạy học – giáo dục.

- Năng lực tổ chức môi trường dạy học. Năng lực này thể hiện sinh viên bước đầu biết tạo ra môi trường học tập dân chủ, thân thiện, hợp tác tích cực và lành mạnh để đạt hiệu quả cao trong dạy học – giáo dục. Họ phải thiết lập và duy trì được sự tương tác với người học, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa giáo viên – người học thông qua việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực cũng như sự giao tiếp trong quá trình giảng dạy. Đồng thời, sinh viên

phải thể hiện được khả năng quản lý tốt lớp học, xây dựng bầu không khí học tập, cởi mở, lôi cuốn người học, khuyến khích người học để giúp người học phát huy tính tích cực, chủ động trong học tập.

- Năng lực giáo dục qua dạy học các môn học. Một trong những con đường cơ bản để giáo dục học sinh chính là thông qua quá trình dạy học các môn học, vì bản thân các môn học đã có giá trị giáo dục rất lớn. Năng lực này đòi hỏi trong quá trình dạy học, tùy vào nội dung từng bài, đặc trưng của từng bộ môn mà sinh viên phải biết khai thác, lồng ghép các nội dung giáo dục tương ứng vào bài dạy. Việc này đòi hỏi sinh viên phải nghiên cứu nội dung môn học, bài học để lựa chọn những nội dung giáo dục phù hợp, đảm bảo bài dạy có tính giáo dục cao.

*\* Nhóm năng lực đánh giá kết quả học tập, kết quả giáo dục của người học.* Nhóm năng lực này bao gồm:

- Năng lực phân tích các phương pháp, công cụ được sử dụng để kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học – giáo dục. Thông qua những kiến thức, kỹ năng được học về đánh giá kết quả học tập, trước một bài kiểm tra kết quả học tập, kết quả giáo dục cụ thể, sinh viên cần có năng lực phân tích để xác định được mục tiêu đánh giá của bài kiểm tra đó, những phương pháp, công cụ kiểm tra nào được sử dụng và chúng có phù hợp với mục tiêu đánh giá không, việc chấm điểm được thực hiện như thế nào và có đảm bảo các nguyên tắc đánh giá không.

- Năng lực nhận xét, đánh giá kết quả dạy học – giáo dục của người học trong quá trình dạy học – giáo dục. Sinh viên biết vận dụng các phương pháp và công cụ kiểm tra để thu thập thông tin về kết quả dạy học – giáo dục ở người học và biết nhận xét, phản hồi thông tin cho người học một cách nhanh chóng làm cho việc học tập tích cực và hiệu quả hơn.

Toàn bộ hệ thống những năng lực chung và những năng lực chuyên biệt được hình thành cho sinh viên thông qua môn Giáo dục học chính là những kết quả đầu ra mà quá trình đào tạo sinh viên trong các trường Đại học Sư phạm hướng tới. Các năng lực dạy học – giáo dục cần hình thành cho sinh viên ở môn Giáo dục học có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau, được phân chia có tính tương đối, khó tách bạch rõ ràng do các hoạt động dạy học – hoạt động giáo dục đan xen nhau chứ không tách rời.

#### **1.4.2. Đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực**

*1.4.2.1. Mục tiêu của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực*

Đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực nhấn mạnh tới cả hai chức năng của đánh giá là chức năng xác nhận để biết kết quả dạy học đạt đến mức độ nào để từ đó suy nghĩ đến việc áp dụng hoặc điều chỉnh các hoạt động dạy học và chức năng cải tiến, điều chỉnh quá trình dạy học.

Đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực không nhằm mục đích phân hóa sinh viên, tức là không phân biệt trình độ khác nhau của các sinh viên hay so sánh trình độ của sinh viên này với sinh viên khác, cũng không nhằm mục đích xếp hạng hay tuyển chọn sinh viên mà căn cứ vào kết quả đánh giá, sinh viên biết được mức độ đạt được của mình so với mục tiêu, nhiệm vụ môn học. Trên cơ sở đó, sinh viên điều chỉnh cách học của mình để nâng cao kết quả học tập, hình thành các năng lực đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực chú trọng đến các kết quả đầu ra. Những kết quả đó không chỉ dừng lại ở mức độ sinh viên lĩnh hội được những tri thức, kỹ năng, thái độ gì mà hướng đến đánh giá xem sinh viên sử dụng những tri thức, kỹ năng, thái độ đó như thế nào để giải quyết các nhiệm vụ dạy học – giáo dục đặt ra. Mục tiêu của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học

theo tiếp cận năng lực là thu thập thông tin và tìm ra các minh chứng trực tiếp về các năng lực tư duy, các năng lực dạy học – giáo dục và các năng lực học tập của sinh viên sau quá trình học tập môn Giáo dục học, đáp ứng chuẩn năng lực đầu ra của ngành sư phạm.

*1.4.2.2. Nội dung của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực*

Nội dung của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực là đánh giá việc vận dụng các kiến thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên vào việc giải quyết các nhiệm vụ học tập để đạt được mục tiêu năng lực của môn học. Việc đánh giá này không chỉ căn cứ vào các loại năng lực mà người học đạt được, mặt khác còn yêu cầu các năng lực ở mức độ biểu hiện cao biểu hiện mức độ tư duy phân tích, đánh giá sáng tạo.

Đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực không đánh giá các tri thức, kỹ năng tách rời, riêng rẽ của từng bài học mà đánh giá sự tích hợp tri thức, kỹ năng của nhiều bài học và liên môn học để giải quyết các nhiệm vụ dạy học hoặc giáo dục bằng nhiều hoạt động khác nhau. Không chỉ đánh giá các kiến thức trong nhà trường mà các kiến thức phải liên hệ với thực tế, gắn với bối cảnh hoạt động và khả năng vận dụng sáng tạo các kiến thức và kỹ năng để giải quyết các vấn đề, tình huống trong thực tiễn. Đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực đòi hỏi sinh viên phải phân tích, tổng hợp có phê phán những kiến thức học được và vận dụng chúng vào giải quyết các nhiệm vụ chứ không đơn giản là tái hiện một tri thức hay kỹ năng nào. Nội dung đánh giá phải được gắn với ngữ cảnh giả định hoặc thực tế để sinh viên thể hiện năng lực của mình một cách tốt nhất.

*1.4.2.3. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực*

Đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực phải sử dụng đa dạng các phương pháp, hình thức để đánh giá năng lực

của sinh viên bởi lẽ khi thực hiện một nhiệm vụ học tập cụ thể, sinh viên phải sử dụng nhiều năng lực khác nhau để giải quyết nhiệm vụ đó. Tất cả các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập đều có khả năng đánh giá năng lực nào đó của sinh viên trong quá trình học tập. Tuy nhiên không phải các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập có giá trị ngang nhau trong đánh giá năng lực mà tùy vào đặc trưng của mỗi phương pháp, hình thức đánh giá đó có thể đánh giá được một loại năng lực nào đó ở một mức độ nhất định.

Đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực đề cao những phương pháp có khả năng giúp sinh viên thể hiện năng lực trực tiếp của bản thân trong giải quyết các nhiệm vụ học tập, có thể quan sát được trực tiếp kết quả như phương pháp thực hành, đóng vai, làm việc nhóm, thuyết trình, bài thu hoạch,... hơn là những phương pháp chỉ yêu cầu sinh viên làm bài trên giấy và dừng lại ở đánh giá lĩnh vực nhận thức của sinh viên.

Đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực chú trọng đến việc đánh giá thường xuyên, kết hợp với đánh giá định kì và đánh giá tổng kết, gắn liền với quá trình học tập của sinh viên, coi đánh giá như một hoạt động học tập. Do đó, việc đánh giá cần phối hợp với dạy học, thông qua dạy học để đánh giá, sử dụng các phương pháp, hình thức dạy học để đánh giá như thảo luận nhóm, xêmina, dạy học dự án,...

Đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực cũng được coi như một hoạt động học tập nên tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng cũng là phương pháp chủ đạo trong đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Đây là những phương pháp đánh giá liên quan đến quá trình học tập của sinh viên, trong đó sinh viên không chỉ tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau mà còn có thể được tham gia vào quá trình xác định các tiêu chí đánh giá.

*1.4.2.4. Công cụ đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực*

Để đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực, cần sử dụng những công cụ chủ yếu sau đây:

\* *Công cụ thu thập thông tin về năng lực của sinh viên*: là các bài tập thực hành, nhiệm vụ, bài kiểm tra, bài thi mà giảng viên đề ra để sinh viên vận dụng các tri thức, kĩ năng đã học vào giải quyết, qua đó thể hiện năng lực bản thân. Các dạng bài tập thực hành được sử dụng để đánh giá có những đặc trưng sau:

- Về nội dung: bài tập phải phản ánh được các mục tiêu năng lực cần đánh giá; yêu cầu sinh viên phải tạo ra được sản phẩm, hoặc thực hiện một quá trình hoạt động hay kết hợp vừa thực hiện hoạt động vừa tạo ra sản phẩm. Bài tập phải có tính thực tiễn, có liên quan đến công việc thực hiện hoạt động dạy học – giáo dục của người giáo viên. Bên cạnh đó, bài tập có thể đa dạng lời giải để khuyến khích sự cá nhân hóa việc làm bài của sinh viên.

- Về hình thức: Căn cứ vào nội dung bài tập nhằm đánh giá sản phẩm hay quá trình hoạt động của sinh viên mà hình thức thể hiện bài tập rất phong phú và đa dạng. Các bài tập yêu cầu tạo ra sản phẩm: bài viết tự luận, báo cáo, tiểu luận, bài thu hoạch, giáo án,...; các bài tập yêu cầu thể hiện quá trình thực hiện: giảng bài, đóng vai giải quyết tình huống, thuyết trình,...; các bài tập vừa đánh giá kết hợp thực hiện hoạt động vừa tạo ra sản phẩm: thảo luận nhóm, xêmina, soạn và giảng bài,...

- Cách sử dụng: các dạng bài tập được sử dụng dùng để đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực của người học trong môn Giáo dục học vừa được sử dụng như một công cụ kiểm tra – đánh giá, vừa như một công cụ dạy học. Các bài tập này được sử dụng trong nhiều thời điểm khác nhau trong quá trình dạy học, có thể giao nhiệm vụ về nhà, trong các giờ kiểm tra hoặc được thực hiện ngay trên lớp học gắn với các phương pháp và hình thức dạy học khác nhau.

Như vậy, có thể nói các dạng bài tập thực hành được sử dụng trong đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực là một công cụ rất có giá trị. Bởi nó phản ánh đầy đủ mục tiêu, nội dung và phương pháp đánh giá theo tiếp cận năng lực.

\* Công cụ đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực.

a, Phiếu quan sát:

Đánh giá qua quan sát là thông qua quan sát mà đánh giá các thao tác, động cơ, các hành vi, kỹ năng thực hành và kỹ năng nhận thức của sinh viên. Chẳng hạn như cách giải quyết vấn đề trong tình huống cụ thể.

Đánh giá qua quan sát giúp cho giáo viên hiểu được thực trạng việc giảng dạy và học tập của học sinh, thu thập được các thông tin liên quan trực tiếp đến hiệu quả dạy học (nhu cầu, hứng thú của học sinh, hiệu quả việc sử dụng các phương pháp, hình thức dạy học,...) và năng lực giảng dạy của giáo viên.

Công cụ được dùng để đánh giá trong quan sát là bảng kiểm quan sát (Phiếu quan sát) – đó là những tài liệu dùng để ghi chép lại các yếu tố liên quan đến quá trình học tập của học sinh như thao tác, động cơ, các hành vi, kỹ năng thực hành, kỹ năng nhận thức của học sinh. Ví dụ: Bảng kiểm quan sát dùng cho giáo viên

Tiêu chí đánh giá	Họ tên	Họ tên	Họ tên
<b>1, Học tập hợp tác:</b> - Tham gia phân công nhiệm vụ - Chấp nhận nhiệm vụ được phân công - Chú tâm thực hiện nhiệm vụ - Khuyến khích các thành viên khác trong nhóm - Chấp nhận các quyết định của nhóm			
<b>2, Học tập hiệu quả:</b> - Đưa ra nhận xét liên quan đến nhiệm vụ - Đặt câu hỏi để hiểu rõ bản thân và người khác - Lắng nghe ý kiến người khác - Đưa ra ý kiến mang tính xây dựng, nêu ý kiến			



Yêu cầu: Giáo viên cần hoàn thành bảng kiểm quan sát trong thời gian các nhóm lập kế hoạch trình bày bằng miệng. Mỗi nhóm dùng một bảng kiểm riêng.

Giáo viên có thể đánh dấu vào mỗi hành vi quan sát được. Ví dụ: Bảng kiểm quan sát hành vi dưới đây

Tên sinh viên:	
Thời gian quan sát:	
Nội dung quan sát:	
<b>Hành vi</b>	<b>Quan sát thấy</b>
Chú tâm	
Ganh đua	
Hợp tác	
Phụ thuộc	
Cản trở	
Giúp đỡ người khác	
Bất chước	
Độc lập	
Sôi nổi	
Đứng ngoài cuộc	
Tham gia	
Yêu cầu giúp đỡ	
Bất hợp tác	
Không tham gia	
Hành động bất cần	
Biết khai thác tài liệu	

*b, Hồ sơ học tập:*

Hồ sơ học tập là tập hợp các bài tập, bài kiểm tra, bài thực hành, sản phẩm công việc bằng video, hình ảnh,... của người học đã hoàn thành một các tốt nhất.

Hồ sơ học tập có thể được dùng để xác định, điều chỉnh quá trình học tập của sinh viên, đánh giá hoạt động và mức độ thực hiện nhiệm vụ học tập của họ. Hồ sơ học tập giúp sinh viên chủ động theo dõi, tự đánh giá để thấy được khả năng và những tiến bộ rõ rệt của mình, từ đó có sự điều chỉnh phương pháp học, xác định động cơ và mục tiêu học tập nhằm nâng cao kết quả học tập của cá nhân. Nó không chỉ giúp sinh viên tập trung vào hoạt động học tập mà còn tạo hứng thú cho những hoạt động đánh giá đặc biệt là tự đánh giá của bản thân.

Tùy thuộc vào mục tiêu dạy học mà giáo viên có thể yêu cầu sinh viên tự xây dựng các loại hồ sơ học tập khác nhau nhằm mục đích để sinh viên tự xây dựng kế hoạch học tập, xác định động cơ nhiệm vụ học tập, mục tiêu học tập cần hướng tới đồng thời sinh viên tự kiểm soát, tự đánh giá quá trình học tập của mình về sự tiến bộ hay giảm sút về kiến thức, kỹ năng và thái độ học tập. Trên cơ sở các kết quả đạt được, học sinh tự điều chỉnh động cơ, phương pháp học tập và những mục tiêu cần hướng tới trong những giai đoạn tiếp theo.

Hồ sơ học tập có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nó thể hiện sự thay đổi căn bản giữa dạy học tích cực và dạy học thụ động. Trong dạy học thụ động, người học trông chờ vào sự đánh giá của giáo viên. Hồ sơ học tập như tấm gương phản chiếu về quá trình học tập để người học tự nhìn vào, tự nhìn nhận, tự đánh giá và tự điều chỉnh việc học tập của mình một cách chủ động.

Công cụ đánh giá: Hồ sơ học tập của (nhật kí học tập) – là tài liệu minh chứng cho sự tiến bộ của người học, trong đó người học tự đánh giá về bản thân mình, nêu những điểm mạnh, yếu, sở thích của bản thân, tự ghi lại kết quả học tập trong quá trình học tập, tự đánh giá đối chiếu với mục tiêu học tập đã đề ra để nhận ra sự tiến bộ hoặc chưa tiến bộ, tìm nguyên nhân và cách khắc phục hiệu quả,... Để minh chứng cho sự tiến bộ hay chưa tiến bộ, người học phải tự lưu giữ những sản phẩm học tập cùng những lời nhận xét từ giáo

viên và bạn bè. Đây là một bảng chứng về những điều người học đã tiếp thu được trong suốt quá trình học tập.

Ví dụ về mẫu hồ sơ học tập:

Họ và tên:.....

Tên nhiệm vụ	Trang	Ưu điểm của nhiệm vụ	Nhược điểm của nhiệm vụ	Ghi chú cá nhân
Nhiệm vụ 1				Qua nhiệm vụ này tôi học được những điều sau:...
Nhiệm vụ 2...				Qua nhiệm vụ này tôi học được những điều sau:...

Ý kiến của giáo viên:.....

*c, Phiếu tự đánh giá:*

Tự đánh giá trong học tập là hình thức đánh giá mà học sinh tự liên hệ phần nhiệm vụ đã thực hiện với các mục tiêu của quá trình học. Học sinh sẽ học cách đánh giá sự nỗ lực và tiến bộ của cá nhân, nhìn lại quá trình và phát hiện những điều cần thay đổi để hoàn thiện bản thân. Những thay đổi có thể là một cách nhìn tổng quát về nội dung, yêu cầu giải thích thêm, thực hiện các kỹ năng mới để đạt mức độ thuần thục.

Tự đánh giá không chỉ đơn thuần là tự cho mình điểm số mà là sự đánh giá những nỗ lực, quá trình và kết quả. Học sinh cần tham gia vào quá trình quyết định những tiêu chí có lợi cho việc học. Thông qua những tiêu chí đánh giá, học sinh sẽ xem xét những phần nhiệm vụ đã hoàn thành và mức độ hoàn thành nhiệm vụ đã đáp ứng yêu cầu hay chưa. Từ đó, học sinh có ý thức hơn về quá trình học tập của bản thân. Kết quả là kiến thức sẽ được tổ chức một cách có hệ thống và dễ tiếp nhận hơn.

Công cụ đánh giá: Phiếu đánh giá – là tài liệu ghi lại những nhiệm vụ, mục tiêu của quá trình học tập. Trên cơ sở đó, học sinh tự liên hệ với những nhiệm vụ đã thực hiện với các mục tiêu mà chương trình học đã đề ra.

*d, Phiếu đánh giá đồng đẳng:*

Đánh giá đồng đẳng là một quá trình trong đó các nhóm học sinh cùng độ tuổi hoặc cùng lớp sẽ đánh giá công việc lẫn nhau. Một học sinh sẽ theo dõi bạn học của mình trong suốt quá trình học và đối chiếu với kết quả cuối cùng của giáo viên để thấy được mức độ thực hiện của bạn cũng như có thêm những kiến thức về công việc của bản thân. Phương pháp đánh giá này có thể được dùng như một biện pháp đánh giá kết quả, nhưng chủ yếu được dùng để hỗ trợ học sinh trong quá trình học.

Học sinh sẽ đánh giá lẫn nhau dựa theo các tiêu chí được định sẵn. Các tiêu chí này cần được diễn giải bằng những thuật ngữ quen thuộc và cụ thể. Tuy nhiên, chúng ta không nên coi đánh giá đồng đẳng như một giải pháp tiện lợi giúp giáo viên tiết kiệm thời gian; đặc biệt, không nên để học sinh quyết định tất cả việc đánh giá. Giáo viên cần hướng dẫn học sinh thực hiện một cách cụ thể, tỉ mỉ để việc đánh giá đạt hiệu quả cao, có tính khách quan.

Đánh giá đồng đẳng cho phép học sinh tham gia nhiều hơn vào quá trình học tập và đánh giá. Nó không chỉ cung cấp những thông tin về kết quả học tập của học sinh sau khi được đánh giá, mà còn phản ánh được năng lực của người đánh giá về sự trung thực và sáng tạo, sự linh hoạt và đồng cảm,... tạo thêm động lực cho học sinh trong quá trình học tập, khích lệ lòng ham học và nhu cầu khẳng định của học sinh.

Công cụ: Phiếu đánh giá đồng đẳng. Ví dụ: Phiếu đánh giá của sinh viên (dùng trong đánh giá đồng đẳng)

Họ và tên:.....

Tên thành viên trong nhóm	Nhiệt tình và sự tham gia	Hỗ trợ ý tưởng mới	Hỗ trợ chức năng	Tổ chức và hướng dẫn cả nhóm	Hoàn thành nhiệm vụ hiệu quả

Lưu ý: Sinh viên đánh giá bằng cách cho điểm, sử dụng theo thang điểm dưới đây:

3= tốt hơn các bạn khác

2= tốt bằng các bạn khác

1= không tốt bằng các bạn khác

0= không giúp ích được gì

-1= cản trở hoạt động của cả nhóm

### **1.4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực**

Đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực chịu sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố chủ quan và khách quan sau:

#### *1.4.3.1. Năng lực đánh giá của giảng viên giảng dạy môn Giáo dục học*

Đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực đòi hỏi giảng viên phải có năng lực đánh giá. Năng lực đánh giá của giảng viên được thể hiện ở việc giảng viên phải có kiến thức, có hiểu biết về đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực như xác định được mục tiêu đánh giá, lập kế hoạch đánh giá chi tiết từ đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ, đánh giá tổng kết, thiết kế được công cụ đánh giá khoa học,

xử lý các kết quả đánh giá,... Để đảm bảo được kết quả đánh giá thì yêu cầu đối với giảng viên là:

- Nhận thức được tầm quan trọng của đào tạo theo tiếp cận năng lực và vai trò của dạy học và đánh giá kết quả học tập đối với sự hình thành và phát triển các năng lực nghề cho sinh viên để từ đó có định hướng và thực hiện hoạt động này có hiệu quả trong giảng dạy môn học.

- Có trình độ chuyên môn vững vàng, nghiệp vụ sư phạm giỏi và luôn có ý thức tự học hỏi, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật những kiến thức mới liên quan đến dạy học bộ môn để đáp ứng những thay đổi của chương trình, nội dung dạy học và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo. Có hiểu biết sâu rộng về nhiều lĩnh vực khác như tâm lí học, triết học, xã hội học,... Đặc biệt, giảng viên cần hiểu rõ các triết lí đánh giá đang được sử dụng hiện nay để áp dụng vào hoạt động đánh giá kết quả học tập, cụ thể:

- + Căn cứ vào chuẩn đầu ra của các ngành học để phân tích mục tiêu, chương trình môn học để các định những mục tiêu năng lực cần hình thành cho phù hợp với chuyên ngành của người học.

- + Xây dựng các công cụ đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực, đảm bảo phù hợp với trình độ, khả năng của sinh viên cũng như đặc trưng của môn học. Các tiêu chí đánh giá phải được xây dựng rõ ràng, cụ thể và công khai với sinh viên để họ hiểu rõ cách làm và cách đánh giá.

- + Sử dụng đa dạng, kết hợp sử dụng các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực, phối hợp giữa đánh giá với dạy học.

- + Tạo điều kiện cho sinh viên tham gia vào quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá cùng với giảng viên. Hướng dẫn sinh viên thường xuyên tiến hành tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng, giúp sinh viên hiểu rõ năng lực bản thân để cải tiến hoạt động học tập của họ.

+ Việc chấm bài, trả bài và chữa bài kiểm tra cho sinh viên phải được tiến hành cẩn thận, giúp sinh viên nhận ra được những thiếu sót trong quá trình làm bài, tìm nguyên nhân và cách khắc phục. Từ đó, họ biết cách sửa chữa, bổ sung kiến thức, kĩ năng cần thiết để nâng cao mức độ thực hiện các năng lực nghề của cá nhân.

#### *1.4.3.2. Tính tích cực của sinh viên*

Đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực chịu ảnh hưởng của yếu tố tính tích cực của sinh viên. Sinh viên vừa là khách thể chịu sự đánh giá của giảng viên nhưng đồng thời cũng là chủ thể của hoạt động tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng. Nếu đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo cách truyền thống, sinh viên còn nặng tư tưởng gian lận, thiếu trung thực, học tủ, học lệch,... trong thi cử thì đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực đòi hỏi sinh viên phải phát huy tính tích cực, tự giác và tinh thần trách nhiệm cao trong học tập. Vì vậy, muốn đánh giá đạt được mục tiêu cuối cùng là điều chỉnh, tạo động lực cho hoạt động học tập thì yêu cầu đối với sinh viên là:

- Nhận thức rõ vai trò của đánh giá kết quả học tập đối với việc học tập để thực hiện một cách tự giác và có trách nhiệm đối với hoạt động này.

- Hoàn thành đầy đủ các bài tập, nhiệm vụ học tập được giao với chất lượng tốt và đúng thời hạn.

- Tích cực tham gia vào việc xây dựng các tiêu chí đánh giá khi giảng viên yêu cầu.

- Tham gia đầy đủ và có trách nhiệm trong quá trình đánh giá, tự đánh giá cũng như đánh giá bạn học. Đánh giá khách quan theo những tiêu chí đã đề ra, không thiên vị hoặc đánh giá thiếu chính xác.

- Trang bị cho bản thân những kĩ năng đánh giá và tự đánh giá để thực hiện hoạt động này có hiệu quả. Trong quá trình đánh giá cần chỉ ra được

những ưu, nhược điểm của bản thân và đề xuất hướng sửa chữa, khắc phục những nhược điểm đó.

#### *1.4.3.3. Các cấp quản lý giáo dục*

Trong việc thực hiện hoạt động đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực, các cấp quản lý giáo dục có vai trò quan trọng trong việc xây dựng cơ chế của việc kiểm tra, tổ chức chỉ đạo và kiểm tra giám sát. Vì vậy, yêu cầu đối với các cấp quản lý là:

- Cần xây dựng được chuẩn năng lực đầu ra của sinh viên ngành sư phạm theo tiếp cận năng lực. Hiện nay, trong các nhà trường đã xây dựng chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng mà chưa có chuẩn đầu ra về năng lực.

- Chương trình môn học Giáo dục học cần xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực, tăng thời lượng thực hành môn học. Bởi hiện nay, chương trình môn học vẫn được xây dựng theo hướng tiếp cận nội dung, nặng về lý thuyết, thời lượng thực hành còn ít nên chưa phát huy được hiệu quả của đánh giá kết quả học tập môn học theo tiếp cận năng lực.

- Các trường cần xây dựng cơ sở pháp lý (quy chế, chính sách) phù hợp để giảng viên thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực.

- Tổ chức lớp học không quá đông (không quá 50 sinh viên) để đảm bảo việc đánh giá được thực hiện đến từng cá nhân, đảm bảo chất lượng đánh giá.

#### *1.4.3.4. Điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện giảng dạy*

Bất kỳ một hoạt động dạy học – giáo dục nào cũng chịu sự ảnh hưởng của các điều kiện về cơ sở vật chất trong nhà trường trong đó bao gồm cả hoạt động đánh giá kết quả học tập. Các điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện giảng dạy bao gồm hệ thống lớp học, các công trình phụ trợ phục vụ các hoạt động thực tiễn, không gian nhà trường và các phương tiện khác (các điều kiện âm thanh, ánh sáng, các trang thiết bị dạy học môn học, hệ thống công nghệ thông tin, thư viện,...).



## **Kết luận chương 1**

Đánh giá kết quả học tập đang là vấn đề được nhiều nhà giáo dục quan tâm nghiên cứu trên nhiều khía cạnh và mức độ khác nhau. Đây là một bộ phận không thể tách rời của quá trình dạy học, đảm bảo cho hoạt động dạy học thực hiện đúng yêu cầu và mục tiêu đề ra.

Đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực chú trọng đến việc phát triển năng lực thực hiện của người học, tạo điều kiện cho người học thâm nhập vào thực tiễn, gắn học đi đôi với hành.

Trong nhà trường sư phạm, việc hình thành cho sinh viên các năng lực nghề nghiệp theo chuẩn đầu ra được thực hiện ở tất cả các môn học và các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, trong đó có môn Giáo dục học. Với các đặc trưng của mình, sau khi học xong môn Giáo dục học, sinh viên sẽ hình thành được những năng lực chung cần thiết và những năng lực chuyên biệt để thực hiện việc dạy học – giáo dục trong tương lai.

Mục đích của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực là đánh giá hệ thống năng lực dạy học – giáo dục của sinh viên. Việc kiểm tra, đánh giá không chỉ tập trung vào khả năng tái hiện kiến thức đã học và chú trọng đến khả năng vận dụng sáng tạo tri thức vào những tình huống trong thực tiễn khác nhau.

Nội dung đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực đòi hỏi sinh viên thực hiện vận dụng những kiến thức, kỹ năng, thái độ đã học để giải quyết các bài tập, nhiệm vụ đề ra để thể hiện năng lực bản thân.

Các phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá được sử dụng phối hợp đa dạng trong đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực.

Các công cụ có giá trị để đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực là các dạng bài tập thực hành, phiếu quan sát, hồ sơ học tập, phiếu tự đánh giá và phiếu đánh giá đồng đẳng của sinh viên.

Đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như năng lực đánh giá của giảng viên, tính tích cực của sinh viên, các cấp quản lý giáo dục, các điều kiện cơ sở vật chất,...

Việc nghiên cứu đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực sẽ góp phần đổi mới cách thức đánh giá kết quả học tập môn học giúp nâng cao chất lượng của công tác đánh giá cũng như chất lượng dạy học môn học.

**Chương 2**  
**THỰC TRẠNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP**  
**MÔN GIÁO DỤC HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  
**SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**2.1. Một số vấn đề chung về nghiên cứu thực trạng**

**2.1.1. Mục đích của khảo sát**

Khảo sát nhằm thu thập số liệu để đánh giá thực trạng đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực một cách khách quan, cụ thể. Qua đó tạo cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực.

**2.1.2. Nội dung khảo sát**

- Thực trạng nhận thức về đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên theo tiếp cận năng lực.

- Thực trạng thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên theo tiếp cận năng lực.

**2.1.3. Đối tượng, địa bàn khảo sát**

Khảo sát thực trạng trên 176 sinh viên đang học năm thứ hai và 10 giảng viên giảng dạy bộ môn Giáo dục học tại trường Đại học Sư Phạm – Đại học Thái Nguyên.

**2.1.4. Công cụ khảo sát**

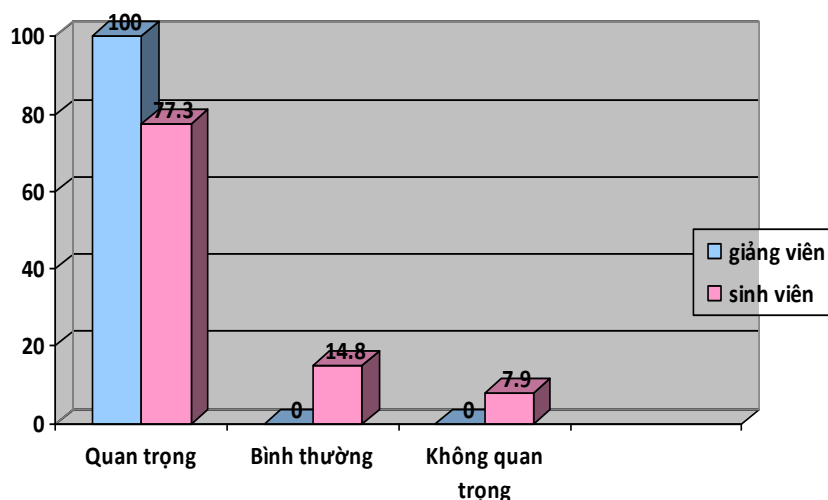
Chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi, với 2 loại phiếu dành cho giảng viên và phiếu dành cho sinh viên (phụ lục 1 và 2), phương pháp phỏng vấn, phương pháp quan sát. Kết quả điều tra được xử lý và thống kê bằng phương pháp thống kê toán học.

## 2.2. Thực trạng đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

### 2.2.1. Thực trạng nhận thức của Giảng viên và Sinh viên về đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực.

#### 2.2.1.1. Nhận thức của giảng viên và sinh viên về ý nghĩa của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học

Để tìm hiểu nhận thức của giảng viên và sinh viên về ý nghĩa của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học chúng tôi sử dụng câu hỏi: “Theo bạn, đánh giá kết quả học tập có ý nghĩa như thế nào trong quá trình dạy học môn Giáo dục học?” (Câu hỏi 1-Phụ lục 1 và 2) với 3 mức độ trả lời là: Quan trọng, Bình thường, Không quan trọng. Kết quả thu được như sau:



**Biểu đồ 2.1. Nhận thức của Giảng viên và Sinh viên về ý nghĩa của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học**

Qua số liệu trên ta thấy các giảng viên giảng dạy môn Giáo dục học đều nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên với 100% ý kiến cho rằng việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học có ý nghĩa quan trọng, không có ý kiến nào cho rằng việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học là bình thường hay

không quan trọng. Điều này cho thấy, tất cả các giảng viên giảng dạy bộ môn Giáo dục học trường Đại học sư phạm – Đại học Thái Nguyên đều có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong quá trình dạy học. Đây là tiền đề, là điều kiện của việc nâng cao chất lượng dạy và học.

Về phía sinh viên, hầu hết sinh viên nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học trong quá trình dạy học với 77,3% ý kiến cho rằng việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học là quan trọng, 14,8% ý kiến cho rằng việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học là bình thường và 7,9% cho rằng việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học là không quan trọng.

Như vậy, có thể nhận thấy rằng cả giảng viên và sinh viên trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên đều có nhận thức tương đối đúng đắn về ý nghĩa của việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học.

#### *2.2.1.2. Nhận thức của giảng viên và sinh viên về mục đích của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học*

Chúng tôi tiến hành khảo sát nhận thức của giảng viên và sinh viên về mục đích của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học bằng câu hỏi 2 (Phụ lục 1 và 2) với 3 mức độ lựa chọn: 3–rất quan trọng, 2–quan trọng, 1–không quan trọng, sau khi xử lý số liệu chúng tôi thu được kết quả như sau:

\* Ý kiến của giảng viên

**Bảng 2.1. Nhận thức của Giảng viên về mục đích của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học**

Mục đích	Mức độ			$\bar{X}$	Xếp thứ bậc
	RQT	QT	KQT		
Đánh giá xếp hạng giữa các sinh viên	0	1	9	1.1	5
Xác định trình độ sinh viên đạt được so với mục tiêu chương trình giáo dục	10	0	0	3.0	1
Đánh giá khả năng học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn	10	0	0	3.0	1
Hình thành năng lực cho người học	10	0	0	3.0	1
Vì sự tiến bộ của người học so với chính họ	10	0	0	3.0	1

Kết quả bảng 2.1 cho thấy, điểm trung bình ý kiến của giảng viên về mục đích của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên tập trung nhiều nhất ở mức độ rất quan trọng. Theo đó, mục đích của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên là xác định trình độ của sinh viên đạt được so với mục tiêu chương trình giáo dục, đánh giá khả năng học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn, hình thành năng lực cho người học và vì sự tiến bộ của người học so với chính họ (với điểm trung bình là 3,0 – thứ bậc 1). Riêng mục đích đánh giá, xếp hạng giữa các sinh viên được đánh giá là không quan trọng (với điểm trung bình là 1,1 – thứ bậc 5).

\* Ý kiến của sinh viên:

**Bảng 2.2. Nhận thức của sinh viên về mục đích của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học**

Mục đích	Mức độ			$\bar{X}$	Xếp thứ bậc
	RQT	QT	KQT		
Đánh giá xếp hạng giữa các sinh viên	48	94	34	2.08	5
Xác định trình độ sinh viên đạt được so với mục tiêu chương trình giáo dục	50	102	24	2.15	4
Đánh giá khả năng học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn	70	74	32	2.22	2
Hình thành năng lực cho người học	72	76	28	2.25	1
Vì sự tiến bộ của người học so với chính họ	66	78	32	2.19	3

Điểm trung bình ý kiến của sinh viên tập trung nhiều nhất ở mức độ quan trọng. Sinh viên cho rằng mục đích quan trọng nhất của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học là “Hình thành năng lực cho người học”. Mục đích sinh viên cho là quan trọng thứ hai là “Đánh giá khả năng học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn”. Tiếp theo là mục đích “Vì sự tiến bộ của người học so với chính họ” xếp ở vị trí thứ ba. Mục đích “Xác định trình độ sinh viên đạt được so với mục tiêu chương trình giáo dục” xếp ở vị trí thứ năm. Và xếp cuối cùng là mục đích “Đánh giá xếp hạng giữa các sinh viên”.

Qua kết quả nhận được ở bảng 2.1 và 2.2, ta nhận thấy: cả giảng viên và sinh viên trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên đều có nhận thức tốt về tầm quan trọng của các mục đích đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học. Tuy giảng viên và sinh viên đề cao những mục đích khác nhau,

nhưng nhìn chung cả giảng viên và sinh viên đều nhận thấy rằng đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học nhằm mục đích hình thành năng lực cho người học, đánh giá khả năng học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn và vì sự tiến bộ của người học so với chính họ. Về mặt lý luận cũng như thực tiễn, kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học hay bộ môn khác cũng đều hướng đến việc nâng cao chất lượng dạy và học của môn học đó, giúp người học tiến bộ, đáp ứng mục đích dạy học và giáo dục. Thông qua kiểm tra đánh giá, sinh viên điều chỉnh hoạt động học tập của bản thân để đạt được kết quả cao. Đồng thời, giảng viên căn cứ vào kết quả ấy để điều chỉnh phương pháp dạy của mình cho phù hợp với nhu cầu nhận thức của sinh viên. Mục đích đánh giá xếp hạng giữa các sinh viên không được giảng viên và sinh viên đánh giá cao bởi lẽ, cả giảng viên và sinh viên đều nhận thấy được ý nghĩa của kiểm tra đánh giá là hình thành năng lực cho người học hơn xếp hạng sinh viên. Việc xếp hạng sinh viên trong thực tiễn cho thấy nó không phù hợp ở độ tuổi này và ít khuyến khích hứng thú học tập của sinh viên.

#### *2.2.1.3. Nhận thức của giảng viên về khái niệm đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực*

Để thực hiện đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực thì giảng viên phải hiểu đúng khái niệm này. Chúng tôi đã đưa ra câu hỏi số 4 (Phụ lục 2) để khảo sát nhận thức của giảng viên về khái niệm đánh giá kết quả học tập. Kết quả thu được trong bảng 2.3:



**Bảng 2.3. Nhận thức của Giảng viên về khái niệm đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực**

<b>TT</b>	<b>Khái niệm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>%</b>
1	Đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực là quá trình tập hợp và phân tích thông tin nhằm đưa ra những nhận định về việc vận dụng tri thức, kỹ năng, thái độ của người học để giải quyết các nhiệm vụ dạy học đề ra	1	10
2	Đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực thực chất là quá trình đánh giá các năng lực học tập của người học đạt được sau quá trình dạy học	0	0
3	Đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực là quá trình tập hợp và phân tích thông tin nhằm đưa ra những nhận định về việc vận dụng tích hợp tri thức, kỹ năng, thái độ của người học để giải quyết các nhiệm vụ dạy học phức hợp trong một bối cảnh thực tế hoặc giả định để đáp ứng mục tiêu năng lực đặt ra	9	90
4	Đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực là đưa ra những nhận định về việc nắm vững tri thức, kỹ năng, thái độ của người học để giải quyết các nhiệm vụ dạy học đề ra	0	0

Kết quả thu được cho thấy, đa số giảng viên lựa chọn cách hiểu thứ 3 (chiếm 90%), đây là cách hiểu đúng và đầy đủ nhất về đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực. Đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực có đặc trưng là đánh giá việc vận dụng tri thức, kỹ năng, thái độ của người học trong việc giải quyết nhiệm vụ dạy học cụ thể nhưng những nhiệm vụ đó phải có tính phức hợp, tức là nhiệm vụ đòi hỏi phải vận dụng tổng hợp những tri thức, kỹ năng, thái độ khác nhau để giải quyết. Những nhiệm vụ ấy thường

gắn với bối cảnh hoặc tình huống cụ thể để người học tính đến những đặc điểm riêng khi giải quyết nhiệm vụ. Chỉ có 1 giảng viên lựa chọn cách hiểu thứ nhất (chiếm 10%).

Như vậy, hầu hết giảng viên trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên đã có nhận thức đúng về đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực.

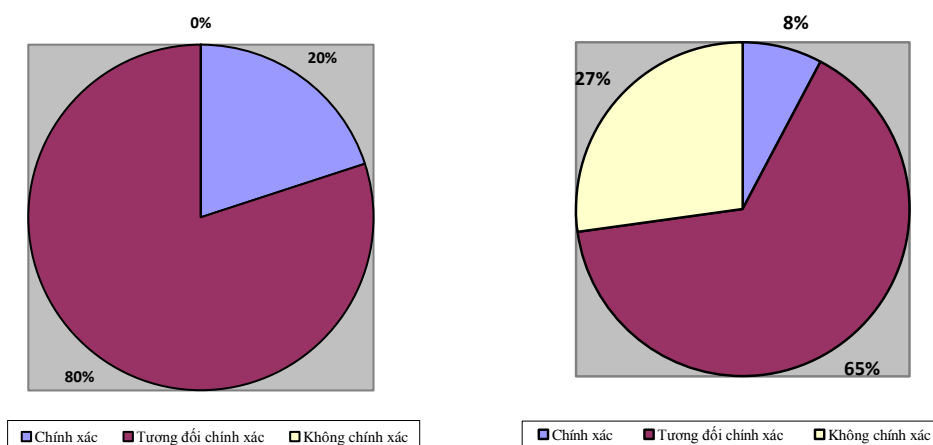
## **2.2.2. Thực trạng thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên theo tiếp cận năng lực**

### *2.2.2.1. Thực trạng về mức độ đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học hiện nay*

Để tìm hiểu thực trạng mức độ đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học hiện nay, chúng tôi sử dụng câu hỏi “Việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học như hiện nay phản ánh trình độ học tập của bạn như thế nào?” (Câu hỏi 3–Phụ lục 1) và “Theo thầy cô, việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học như hiện nay có phản ánh chính xác kết quả học tập của sinh viên không?” (Câu hỏi 3–Phụ lục 2), tiến hành khảo sát thu được kết quả như sau:

***Bảng 2.4. Thực trạng về mức độ chính xác của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học hiện nay***

Mức độ	Giảng viên		Sinh viên	
	Số lượng	%	Số lượng	%
Chính xác	2	20	14	7.9
Tương đối chính xác	8	80	114	64.8
Không chính xác	0	0	48	27.3



### Giảng viên

### Sinh viên

## ***Biểu đồ 2.2. Thực trạng về mức độ chính xác của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học hiện nay***

Qua bảng 2.4 và biểu đồ 2.2 có thể thấy rằng:

- Ý kiến của giảng viên: Đa số giảng viên cho rằng việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên hiện nay là tương đối chính xác (chiếm 80%) và chính xác (chiếm 20%). Không có ý kiến nào chọn đánh giá không chính xác.

- Ý kiến của sinh viên: Đa số sinh viên cũng cho rằng việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học hiện nay là tương đối chính xác chiếm 65%, không chính xác chiếm 27% và chính xác chiếm 8%.

Như vậy, có thể thấy rằng, ngay cả bản thân giảng viên – những người trực tiếp tham gia đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên cũng không chắc chắn về sự chính xác trong đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Bởi trong thực tiễn, việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên chủ yếu vẫn dựa vào các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần chứa đựng nhiều may rủi, chưa đánh giá được năng lực của sinh viên. Do vậy, kết quả đánh giá chỉ mang tính tương đối. Có 27% ý kiến sinh viên cho rằng việc đánh giá kết quả học tập hiện nay không chính xác, đây là sự phản ánh đối với giảng viên khi đánh giá kết quả học tập của sinh viên cần đảm bảo khách quan, chính

xác, công bằng và toàn diện hơn. Qua tìm hiểu thực tiễn, chúng tôi thấy còn nhiều sinh viên gian lận trong quá trình kiểm tra đánh giá, còn hiện tượng sử dụng tài liệu, học tủ, học lệch. Đây có lẽ là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học hiện nay chưa chính xác.

Nhìn chung, phần lớn giảng viên và sinh viên được hỏi đều thừa nhận việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học hiện nay chỉ ở mức độ tương đối chính xác. Điều này do các yếu tố chủ quan và khách quan mang lại. Do đó, để đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực cần có phương pháp, hình thức và các công cụ kiểm tra đánh giá năng lực của người học, giúp họ có thể điều chỉnh hoạt động học tập, đáp ứng các mục tiêu đã đề ra.

#### 2.2.2.2. Nguyên nhân của việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học chưa chính xác

Để tìm hiểu rõ hơn nguyên nhân của việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học chưa chính xác, chúng tôi sử dụng câu hỏi 4 (Phụ lục 1) để khảo sát ý kiến sinh viên với 3 mức độ 1,2,3. Kết quả thu được trong bảng sau:

**Bảng 2.5. Nguyên nhân của việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học chưa chính xác**

Nguyên nhân	Mức độ			$\bar{X}$	Thứ bậc
	3	2	1		
Yếu tố chủ quan của sinh viên (gian lận, thiếu trung thực, học tủ, học lệch,...)	28	110	38	1.94	4
Yếu tố chủ quan của người đánh giá (tâm trạng, cảm xúc, quan điểm cá nhân,...)	52	84	40	2.07	3
Chưa có bộ công cụ đánh giá rõ ràng	60	96	20	2.23	2
Hình thức, phương pháp, kỹ thuật đánh giá chưa toàn diện	98	56	22	2.43	1

Qua số liệu nghiên cứu cho thấy: Nguyên nhân của việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học chưa chính xác được xếp theo thứ tự lần lượt là: Hình thức, phương pháp, kĩ thuật đánh giá chưa toàn diện với điểm trung bình là 2,43 (thứ bậc 1), Chưa có bộ công cụ đánh giá rõ ràng với điểm trung bình là 2,23 (thứ bậc 2), Yếu tố chủ quan của người đánh giá (tâm trạng, cảm xúc, quan điểm cá nhân,...) với điểm trung bình là 2,07 (thứ bậc 3) và Yếu tố chủ quan của sinh viên (gian lận, thiếu trung thực, học tủ, học lệch,...) với điểm trung bình là 1,94 (thứ bậc 4).

Như vậy, số liệu trên đã cho thấy, nguyên nhân của việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên chưa chính xác là do hình thức, phương pháp, kĩ thuật đánh giá chưa toàn diện. Trong thực tế, giảng viên chủ yếu sử dụng các phương pháp đánh giá truyền thống, đơn lẻ như kiểm tra viết tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan. Do vậy, chưa khắc phục được tình trạng học tủ, học lệch, yếu tố may rủi trong đánh giá kết quả học tập. Chưa có bộ công cụ đánh giá rõ ràng cũng là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học thiếu chính xác. Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải áp dụng các phương pháp, hình thức đánh giá khác nhau, xây dựng bộ công cụ đánh giá cụ thể, hướng đến đánh giá năng lực của người học, chú trọng khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng, thái độ vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng dạy học, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

#### *2.2.2.3. Thực trạng thực hiện mục tiêu đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực*

Mục tiêu đánh giá có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình đánh giá. Vì vậy để tìm hiểu xem giảng viên giảng dạy môn Giáo dục học thường đánh giá những mục tiêu nào trong quá trình đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục

học chúng tôi đưa ra câu hỏi 7 (Phụ lục 1,2) với 3 mức độ 3-rất thường xuyên, 2-không thường xuyên, 1-không bao giờ. Kết quả thu được như sau:

**Bảng 2.6. Thực trạng thực hiện mục tiêu đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực**

Mục tiêu	Giảng viên				Sinh viên			
	3	2	1	$\bar{X}$	3	2	1	$\bar{X}$
Nhớ kiến thức, kỹ năng môn học	6	4	0	1.3	136	36	2	2.74
Hiểu kiến thức, kỹ năng môn học	10	0	0	3.0	107	51	18	2.51
Vận dụng kiến thức, kỹ năng trong những tình huống quen thuộc	9	1	0	2.9	32	98	46	1.92
Vận dụng kiến thức, kỹ năng trong những tình huống mới, ít quen thuộc	3	7	0	1.15	20	116	40	1.89

Kết quả thu được ở bảng 2.6 cho thấy:

\* Ý kiến của giảng viên: mục tiêu được giảng viên chú trọng hàng đầu trong đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học là Hiểu kiến thức, kỹ năng môn học (với điểm trung bình là 3,0). Tiếp đó là Vận dụng kiến thức, kỹ năng trong những tình huống quen thuộc (với điểm trung bình là 2,9); Nhớ kiến thức kiến thức, kỹ năng môn học (với điểm trung bình là 1,3). Xếp cuối cùng là mục tiêu Vận dụng kiến thức, kỹ năng trong những tình huống mới, ít quen thuộc (với điểm trung bình là 1,15).

\* Ý kiến của sinh viên: Khác với ý kiến của giảng viên, sinh viên lại cho rằng mục tiêu mà giảng viên đánh giá nhiều nhất là Nhớ kiến thức, kỹ năng môn học (với điểm trung bình là 2,74). Tiếp theo là Hiểu kiến thức, kỹ năng môn học (với điểm trung bình 2,51) và Vận dụng kiến thức, kỹ năng trong những tình huống quen thuộc (với điểm trung bình là 1,92). Tuy nhiên, ý kiến

của sinh viên cũng có sự tương đồng với ý kiến của giảng viên khi họ cũng xếp mục tiêu Vận dụng kiến thức, kĩ năng trong những tình huống mới, ít quen thuộc ở vị trí cuối cùng (với điểm trung bình là 1,89).

Như vậy, ta có thể thấy rằng, trong quá trình đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học, giảng viên ưu tiên đánh giá cho 3 mục tiêu đầu nhiều hơn, trong đó chú trọng hơn cả vào mục tiêu Hiểu kiến thức, kĩ năng môn học. Điều này cho thấy, trong quá trình đánh giá kết quả học tập giảng viên vẫn quan tâm nhiều đến đánh giá các tri thức lý thuyết của môn học. Giảng viên cũng đã thực hiện đánh giá các năng lực của sinh viên nhưng mới chỉ tập trung vào đánh giá các mục tiêu vận dụng ở mức độ thấp chứ chưa thực sự chú ý đến đánh giá các mục tiêu vận dụng ở mức độ cao. Việc đánh giá như vậy vẫn nghiêng về kiến thức nhiều hơn là đánh giá sự vận dụng kiến thức, kĩ năng trong giải quyết công việc. Để thực hiện tốt đánh giá kết quả học tập theo hướng tiếp cận năng lực có lẽ giảng viên cần phải tập trung nhiều hơn cho các mục tiêu vận dụng để sinh viên nắm vững kiến thức môn học.

#### *2.2.2.4. Thực trạng thực hiện nội dung đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực*

Để tìm hiểu thực trạng thực hiện nội dung đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực hiện nay, chúng tôi đưa ra câu hỏi về mức độ đánh giá các năng lực của sinh viên trong đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học (Câu hỏi 8 - Phụ lục 1,2) với ba mức độ 3-rất thường xuyên, 2-thường xuyên, 1-không bao giờ. Kết quả thu được như sau:

**Bảng 2.7. Thực trạng mức độ đánh giá các năng lực của sinh viên trong đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học**

Năng lực	Giảng viên				Sinh viên			
	3	2	1	$\bar{X}$	3	2	1	$\bar{X}$
Tư duy chứng minh	7	3	0	2.7	62	98	16	2.26
Giao tiếp bằng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết	9	1	0	2.9	104	57	15	2.51
Thu thập và xử lý thông tin	8	2	0	2.8	98	56	22	2.43
Hợp tác, làm việc nhóm	10	0	0	3.0	52	86	38	2.08
Tự học	10	0	0	3.0	118	40	18	2.57
Phân tích nội dung, kế hoạch, chương trình, tài liệu	6	4	0	2.6	44	106	26	2.10
Tìm hiểu đối tượng	7	3	0	2.7	20	116	40	1.89
Xác định mục tiêu	10	0	0	3.0	107	51	18	2.51
Lựa chọn, xây dựng nội dung	10	0	0	3.0	34	108	34	2.0
Thiết kế các hoạt động	9	1	0	2.9	80	76	20	2.34
Vận dụng phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức	9	1	0	2.9	46	110	20	2.15
Xử lý tình huống	10	0	0	3.0	76	72	28	2.27
Tổ chức môi trường dạy học	6	4	0	2.6	52	84	40	2.07
Giáo dục qua dạy học các môn học	7	3	0	2.7	32	98	46	1.92
Phân tích các phương pháp, công cụ được sử dụng để kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học – giáo dục	5	5	0	2.5	6	88	76	1.53
Nhận xét, đánh giá kết quả dạy học – giáo dục của người học trong quá trình dạy học – giáo dục	4	6	0	2.4	12	98	66	1.69



Nhìn vào bảng 2.7 có thể thấy: Cả giảng viên và sinh viên đã liệt kê được khá đa dạng các năng lực được đánh giá cho sinh viên qua môn Giáo dục học. Tuy nhiên, số lượng đánh giá các năng lực ở giảng viên và sinh viên có sự khác nhau. Theo ý kiến của giảng viên, các năng lực được tiến hành đánh giá nhiều nhất là Năng lực hợp tác, làm việc nhóm, Năng lực tự học, Năng lực xác định mục tiêu dạy học – giáo dục, Năng lực lựa chọn, xây dựng nội dung dạy học – giáo dục và Năng lực xử lý tình huống (thứ bậc 1). Tiếp đến là Năng lực giao tiếp bằng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, Năng lực thiết kế các hoạt động dạy học – giáo dục và Năng lực vận dụng phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học – giáo dục (thứ bậc 6). Năng lực thu thập và xử lý thông tin xếp thứ bậc 9. Sau đó là Năng lực tư duy, chứng minh, Năng lực tìm hiểu đối tượng dạy học – giáo dục và Năng lực giáo dục thông qua dạy học môn học (thứ bậc 10). Xếp thứ bậc 13 là Năng lực phân tích nội dung, kế hoạch, chương trình, tài liệu dạy học – giáo dục và Năng lực tổ chức môi trường dạy học. Năng lực phân tích các phương pháp, công cụ được sử dụng để kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học giáo dục (thứ bậc 15) và Năng lực nhận xét, đánh giá kết quả dạy học – giáo dục của người học trong quá trình dạy học – giáo dục (thứ bậc 16) là hai năng lực được giảng viên đánh giá ít nhất.

Theo ý kiến của sinh viên, các năng lực được giảng viên đánh giá nhiều nhất qua môn Giáo dục học là Năng lực tự học (thứ bậc 1), Năng lực giao tiếp bằng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết và Năng lực xác định mục tiêu dạy học – giáo dục (thứ bậc 2). Tiếp đến là Năng lực thu thập và xử lý thông tin (thứ bậc 4), Năng lực thiết kế các hoạt động dạy học – giáo dục (thứ bậc 5), Năng lực xử lý tình huống trong dạy học – giáo dục (thứ bậc 6), Năng lực tư duy, chứng minh (thứ bậc 7) và Năng lực vận dụng phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học – giáo dục (thứ bậc 8). Thứ bậc 9 là Năng lực phân

tích nội dung, kế hoạch, chương trình, tài liệu dạy học – giáo dục. Sau đó là Năng lực hợp tác, làm việc nhóm (thứ bậc 10), Năng lực tổ chức môi trường dạy học (thứ bậc 11) và Năng lực lựa chọn, xây dựng nội dung dạy học – giáo dục (thứ bậc 12). Các năng lực mà sinh viên cho rằng giảng viên ít đánh giá là Năng lực giáo dục thông qua dạy học môn học (thứ bậc 13), Năng lực tìm hiểu đối tượng dạy học – giáo dục (thứ bậc 14). Năng lực nhận xét, đánh giá kết quả dạy học – giáo dục của người học trong quá trình dạy học – giáo dục (thứ bậc 15) và Năng lực phân tích các phương pháp, công cụ được sử dụng để kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học – giáo dục (thứ bậc 16) cũng là hai năng lực được đánh giá cuối cùng.

Như vậy, kết quả này cho thấy trong thực tế, mặc dù giảng viên đã thực hiện đánh giá năng lực nghề cho sinh viên trong quá trình dạy học môn Giáo dục học nhưng số lượng thực hiện đánh giá các năng lực này còn chưa nhiều và chưa đồng bộ.

*2.2.2.4. Thực trạng thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực*

Vấn đề thực trạng thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực được tìm hiểu thông qua câu hỏi số 5 (phụ lục 1, 2). Kết quả thu được như sau:

*\* Ý kiến của giảng viên:*

**Bảng 2.8 Ý kiến của giảng viên về thực trạng thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực**

Phương pháp, hình thức	Mức độ			$\bar{X}$	Thứ bậc
	TX	KTX	KSD		
Phương pháp quan sát	9	1	0	2.9	2
Phương pháp kiểm tra vấn đáp	10	0	0	3.0	1
Phương pháp kiểm tra viết tự luận	9	1	0	2.9	2
Phương pháp trắc nghiệm khách quan	0	4	6	1.4	8
Phương pháp kiểm tra thực hành	4	3	3	2.1	6
Phương pháp tự đánh giá	3	7	0	2.3	5
Phương pháp đánh giá đồng đẳng	6	4	0	2.6	4
Phương pháp đánh giá thông qua hồ sơ học tập	0	10	0	2.0	7

Kết quả bảng 2.7 cho thấy, các phương pháp, hình thức đánh giá được sử dụng thường xuyên là kiểm tra vấn đáp, quan sát, kiểm tra viết tự luận và đánh giá đồng đẳng (điểm trung bình dao động từ 2,6 đến 3,0). Các phương pháp, hình thức không thường xuyên sử dụng là tự đánh giá, kiểm tra thực hành và đánh giá thông qua hồ sơ học tập (điểm trung bình từ 2,0 đến 2,3). Cuối cùng là phương pháp trắc nghiệm khách quan ít được sử dụng nhất với điểm trung bình là 1,4. Tuy mức độ sử dụng các phương pháp, hình thức có thể khác nhau nhưng có thể thấy giảng viên đã sử dụng đa dạng các phương pháp, hình thức đánh giá khác nhau để đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực.

\* Ý kiến của sinh viên:

**Bảng 2.9. Ý kiến của sinh viên về thực trạng thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực**

Phương pháp, hình thức	Mức độ			$\bar{X}$	ThB
	TX	KTX	KSD		
Phương pháp quan sát	62	98	16	2.26	2
Phương pháp kiểm tra vấn đáp	104	56	16	2.5	1
Phương pháp kiểm tra viết tự luận	82	58	36	2.26	2
Phương pháp trắc nghiệm khách quan	46	110	20	2.15	5
Phương pháp kiểm tra thực hành	54	96	26	2.16	4
Phương pháp tự đánh giá	32	110	34	1.99	6
Phương pháp đánh giá đồng đẳng	14	86	76	1.65	8
Phương pháp đánh giá thông qua hồ sơ học tập	8	108	60	1.70	7

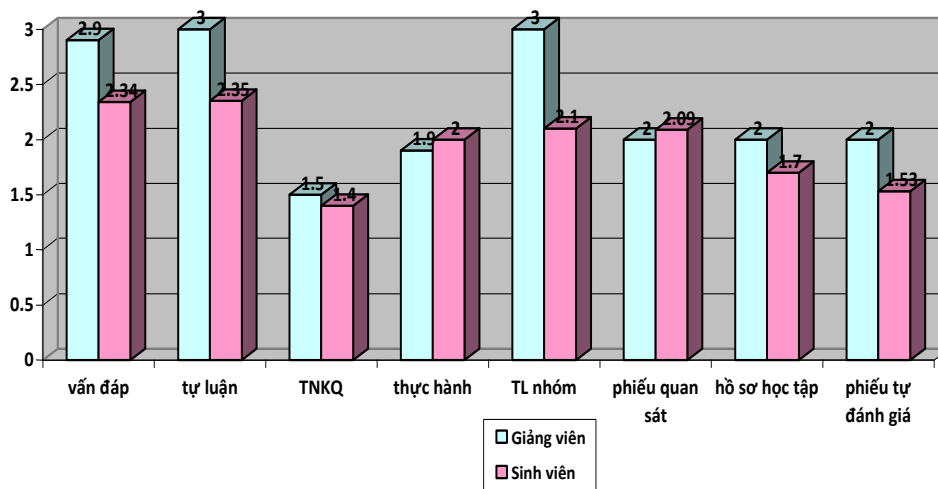
Qua kết quả thể hiện ở bảng 2.8, ý kiến của sinh viên khá tương đồng với ý kiến của giảng viên. Cụ thể, các phương pháp, hình thức được sinh viên cho là giảng viên sử dụng nhiều nhất trong đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực là kiểm tra vấn đáp, quan sát và kiểm tra viết tự luận. Các phương pháp, hình thức ít được sử dụng là đánh giá đồng đẳng, đánh giá thông qua hồ sơ học tập và tự đánh giá.

Như vậy có thể thấy, giảng viên đã sử dụng khá đa dạng các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực. Giảng viên đã chú ý thực hiện đánh giá thông qua dạy học. Nhưng trong việc sử dụng các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học, giảng viên còn khá chú trọng đến các phương pháp, hình thức mang tính truyền thống mà chưa thực sự chú ý đến các phương pháp, hình

thức hình thành năng lực đánh giá cũng như các năng lực hoạt động thực tiễn của sinh viên.

*2.2.2.5. Thực trạng sử dụng công cụ đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực*

Để thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực, giảng viên thường sử dụng những công cụ nào?



***Biểu đồ 2.3. Điểm trung bình ý kiến của giảng viên và sinh viên về việc sử dụng công cụ đánh giá kết quả học tập của giảng viên***

Nhìn biểu đồ 2.3 có thể thấy: Công cụ giảng viên sử dụng nhiều nhất khi chấm điểm kết quả học tập môn Giáo dục học cho sinh viên là bài kiểm tra viết tự luận, bài thu hoạch thảo luận nhóm và bài kiểm tra vấn đáp (với thứ bậc 1,2,3 ý kiến đánh giá của cả giảng viên và sinh viên). Kết quả này cho thấy hoạt động đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học chưa có nhiều đổi mới, chưa thực sự theo hướng tiếp cận năng lực. Công cụ đánh giá thường xuyên sử dụng tương ứng với các phương pháp đánh giá mang tính truyền thống, chưa thực sự phát huy được tính tích cực và năng lực của người học.

Để tìm hiểu rõ hơn về thực trạng này, chúng tôi trò chuyện với giảng viên và sinh viên được biết rằng: Các bài kiểm tra thường xuyên được sử dụng trong đánh giá cuối kì là bài kiểm tra viết tự luận với hệ thống ngân hàng đề có sẵn. Bài làm của sinh viên được so sánh với đáp án đã xây dựng để cho điểm phù hợp. Cách chấm điểm này tập trung vào chấm điểm nội dung chứ chưa chú ý đến các đặc trưng về năng lực cần đánh giá của người học.

Các công cụ ít được sử dụng là bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan, bài kiểm tra thực hành và phiếu tự đánh giá (xếp thứ bậc 7,8 theo ý kiến đánh giá của giảng viên và sinh viên). Qua trao đổi chúng tôi được biết, các loại công cụ đánh giá này không mới nhưng ít sử dụng bởi lẽ để xây dựng được bộ công cụ đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực đòi hỏi giảng viên cần có nhiều thời gian nghiên cứu, chuẩn bị. Do vậy, yêu cầu đặt ra là cần phải có bộ công cụ đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học cụ thể, chi tiết để giảng viên sử dụng dễ dàng và thuận lợi trong hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo hướng tiếp cận năng lực.

#### *2.2.2.6. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực*

Để tìm hiểu thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực, chúng tôi đưa ra câu hỏi số 9 (Phụ lục 1,2) với 3 mức độ 3-rất nhiều, 2-bình thường, 3-không ảnh hưởng. Khảo sát thực trạng thu được kết quả như sau:

\* Ý kiến của giảng viên:

**Bảng 2.10. Ý kiến giảng viên về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học**

STT	Yếu tố	Mức độ			$\bar{X}$	Thứ bậc
		3	2	1		
1	Nhận thức của giảng viên về đánh giá kết quả học tập đối với sự hình thành và phát triển các năng lực của sinh viên	10	0	0	3.0	1
2	Năng lực đánh giá của giảng viên	10	0	0	3.0	1
3	Nhận thức của sinh viên về vai trò của đánh giá kết quả học tập đối với việc học tập	9	1	0	2.9	5
4	Tích cực tham gia vào việc xây dựng các tiêu chí đánh giá khi giảng viên yêu cầu	7	3	0	2.7	8
5	Ý thức, trách nhiệm trong quá trình đánh giá, tự đánh giá	10	0	0	3.0	1
6	Năng lực tự đánh giá của sinh viên	10	0	0	3.0	1
7	Chuẩn năng lực đầu ra của sinh viên ngành sư phạm theo tiếp cận năng lực	8	2	0	2.8	6
8	Chương trình môn học Giáo dục học xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực	8	2	0	2.8	6
9	Quy chế, chính sách để giảng viên thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực	6	4	0	2.6	10
10	Điều kiện cơ sở vật chất	7	3	0	2.7	8

Từ kết quả ở bảng 2.10 cho thấy: Theo ý kiến của giảng viên, các yếu tố Nhận thức của giảng viên về đánh giá kết quả học tập đối với sự hình thành và phát triển các năng lực của sinh viên, Năng lực đánh giá của giảng viên, Ý thức trách nhiệm trong quá trình đánh giá, tự đánh giá và Năng lực tự đánh giá của sinh viên là những yếu tố được đánh giá có ảnh hưởng nhiều nhất đến quá trình đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học (xếp thứ bậc 1). Tiếp đến là yếu tố Nhận thức của sinh viên về vai trò của đánh giá kết quả học tập đối với việc học

tập (thứ bậc 5), Chuẩn năng lực đầu ra của sinh viên ngành sư phạm theo tiếp cận năng lực và Chương trình môn học Giáo dục học xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực (thứ bậc 6). Thứ bậc 8 là hai yếu tố Tính tích cực tham gia vào việc xây dựng các tiêu chí đánh giá khi giảng viên yêu cầu và Điều kiện cơ sở vật chất. Cuối cùng là yếu tố Quy chế, chính sách để giảng viên thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực (thứ bậc 10).

*\* Ý kiến của sinh viên:*

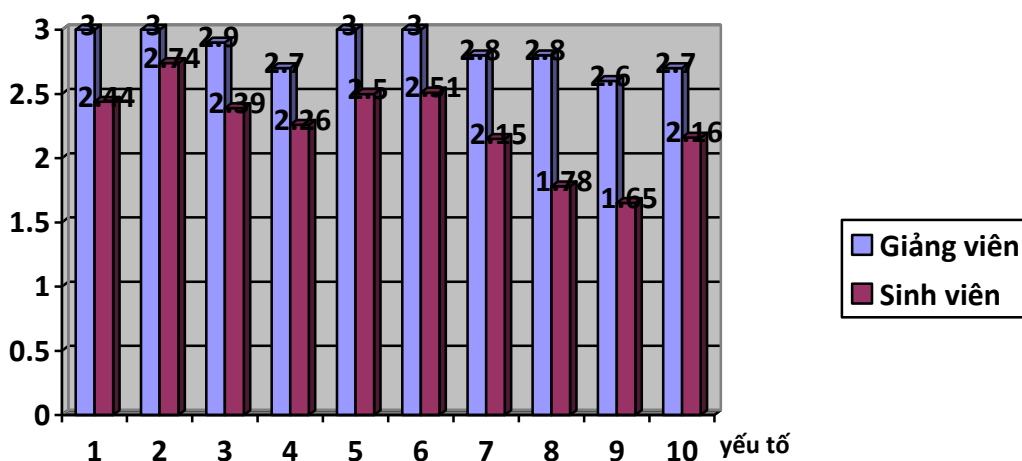
**Bảng 2.11. Ý kiến của sinh viên về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học**

STT	Yếu tố	Mức độ			$\bar{X}$	Thứ bậc
		3	2	1		
1	Nhận thức của giảng viên về đánh giá kết quả học tập đối với sự hình thành và phát triển các năng lực của sinh viên	102	50	24	2.44	4
2	Năng lực đánh giá của giảng viên	136	35	5	2.74	1
3	Nhận thức của sinh viên về vai trò của đánh giá kết quả học tập đối với việc học tập	108	28	40	2.39	5
4	Tích cực tham gia vào việc xây dựng các tiêu chí đánh giá khi giảng viên yêu cầu	72	78	26	2.26	6
5	Ý thức, trách nhiệm trong quá trình đánh giá, tự đánh giá	104	56	16	2.50	3
6	Năng lực tự đánh giá của sinh viên	110	46	20	2.51	2
7	Chuẩn năng lực đầu ra của sinh viên ngành sư phạm theo tiếp cận năng lực	62	88	16	2.15	8
8	Chương trình môn học Giáo dục học xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực	22	94	60	1.78	9
9	Quy chế, chính sách để giảng viên thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực	14	86	76	1.65	10
10	Điều kiện cơ sở vật chất	54	96	26	2.16	7



Kết quả bảng 2.11 cho thấy: Theo ý kiến của sinh viên yếu tố có ảnh hưởng nhiều nhất đến đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực là Năng lực đánh giá của giảng viên (thứ bậc 1); tiếp đến là Năng lực tự đánh giá của sinh viên (thứ bậc 2), Ý thức, trách nhiệm trong quá trình đánh giá, tự đánh giá (thứ bậc 3), Nhận thức của giảng viên về đánh giá kết quả học tập đối với sự hình thành và phát triển các năng lực của sinh viên (thứ bậc 4) và Nhận thức của sinh viên về vai trò của đánh giá kết quả học tập đối với việc học tập thứ bậc 5). Đây là những yếu tố mang tính chủ quan thuộc về Năng lực đánh giá của giảng viên và tính tích cực của sinh viên trong quá trình đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực. Xếp thứ bậc 6 là yếu tố Tích cực tham gia vào việc xây dựng các tiêu chí đánh giá khi giảng viên yêu cầu. Thứ bậc 7 là yếu tố Điều kiện cơ sở vật chất. Sau đó là yếu tố Chuẩn năng lực đầu ra của sinh viên ngành sư phạm theo tiếp cận năng lực (thứ bậc 8), Chương trình môn học Giáo dục học xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực (thứ bậc 9) và cuối cùng là yếu tố Quy chế, chính sách để giảng viên thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực (thứ bậc 10).

Ý kiến của giảng viên và sinh viên được thể hiện ở biểu đồ dưới đây:



**Biểu đồ 2.4. Điểm trung bình ý kiến của giảng viên và sinh viên về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học**

Nhìn vào biểu đồ có thể thấy, tất cả các yếu tố đưa ra đều được giảng viên đánh giá ở mức độ cao, điều đó chứng tỏ các yếu tố này đều có ảnh hưởng nhiều đến việc thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực. Các yếu tố sinh viên cho là có ảnh hưởng nhiều đến việc thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực cũng gần giống với ý kiến của giảng viên khi xếp thứ hạng cao từ 1 đến 4. Như vậy, những yếu tố được đưa ra khảo sát tuy được giảng viên và sinh viên đánh giá ở những mức độ khác nhau nhưng tựu chung lại đây đều là những yếu tố có ảnh hưởng nhiều đến việc thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực.

*2.2.2.7. Những khó khăn trong quá trình đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực*

Giảng viên giữ vai trò chủ đạo trong quá trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Vì vậy, trong khi thực hiện việc đổi mới đánh giá kết quả học tập theo hướng tiếp cận năng lực giảng viên sẽ gặp phải những khó khăn nhất định.

**Bảng 2.12. Những khó khăn của giảng viên trong quá trình đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực**

Khó khăn	Mức độ			$\bar{X}$	Thứ bậc
	3	2	1		
Biên soạn bộ công cụ đánh giá	6	3	1	2.5	1
Sinh viên cảm thấy nặng nề, áp lực	0	6	4	1.6	5
Xây dựng tiêu chí, thang đo đánh giá	6	3	1	2.5	1
Cơ sở vật chất phục vụ đánh giá thiếu	4	6	0	2.4	2
Thiếu thời gian thực hiện	5	4	1	2.4	2

Nhìn vào kết quả bảng 2.9 ta thấy: Khó khăn và giảng viên gặp phải nhiều nhất là Biên soạn bộ công cụ đánh giá và Xây dựng tiêu chí, thang đo đánh giá (thứ bậc 1). Tiếp theo là Thiếu cơ sở vật chất phục vụ đánh giá và Thiếu thời gian thực hiện (thứ bậc 2). Sinh viên cảm thấy nặng nề, áp lực xếp cuối cùng.

Qua tìm hiểu thực tế, việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực là vấn đề còn mới mẻ, chưa được thực hiện phổ biến, trong khi đó việc biên soạn bộ công cụ đánh giá cũng như xây dựng các tiêu chí, thang đo đánh giá là những công việc khó, đòi hỏi giảng viên phải có năng lực chuyên môn tốt, phải có hiểu biết rõ về loại hình đánh giá này thì mới thực hiện được. Hơn nữa việc này mất rất nhiều thời gian, giảng viên không dễ dàng thực hiện ngay được. Bên cạnh đó, hiện nay việc tổ chức cơ cấu lớp học còn quá đông sinh viên nên việc thực hiện đổi mới đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực sẽ không tránh khỏi việc thiếu các cơ sở vật chất, tạo ra những áp lực nhất định, gây khó khăn cho cả giảng viên và sinh viên.

### **2.3. Nhận xét chung về thực trạng**

Trên cơ sở những kết quả thực trạng đã thu được ở trên, chúng tôi nhận thấy đa số giảng viên và sinh viên trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên có nhận thức tương đối tốt về mục đích, ý nghĩa của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học cũng như khái niệm đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực đối với sự hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp của sinh viên sư phạm. Giảng viên cũng khá thường xuyên thực hiện việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực. Tuy nhiên, việc thực hiện còn gặp nhiều hạn chế, khó khăn nhất định.

Theo đó, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học hiện nay chỉ mang tính tương đối chính xác do nhiều nguyên nhân. Trong đó hình thức, phương pháp, kĩ thuật đánh giá chưa toàn diện và chưa có bộ công cụ đánh giá rõ ràng là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng trên.

Việc thực hiện mục tiêu đánh giá bước đầu đã theo hướng tiếp cận năng lực song vẫn nghiêng nhiều về đánh giá kiến thức. Giảng viên mới chỉ tập trung vào đánh giá các mục tiêu vận dụng ở mức độ thấp chứ chưa thực sự chú ý đến các mục tiêu vận dụng ở mức độ cao.

Nội dung đánh giá đã tập trung đến đánh giá các năng lực nghề của sinh viên tuy nhiên mức độ thực hiện đánh giá còn chưa đồng bộ.

Các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực đã được các giảng viên sử dụng khá đa dạng. Tuy nhiên giảng viên còn khá chú trọng đến các phương pháp, hình thức đánh giá mang tính truyền thống chứ chưa thực sự chú ý đến các phương pháp, hình thức đánh giá theo tiếp cận năng lực.

Công cụ đánh giá kết quả học tập giảng viên sử dụng nhiều nhất là bài kiểm tra viết tự luận, bài thu hoạch thảo luận nhóm và bài kiểm tra vấn đáp. Các công cụ này tương ứng với các phương pháp đánh giá mang tính truyền thống, chưa thực sự phát huy được tính tích cực và năng lực của người học.

Quá trình thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực chịu sự ảnh hưởng, chi phối của rất nhiều yếu tố. Để thực hiện có hiệu quả thì cần thiết phải đảm bảo được các yếu tố đó.

Giảng viên còn gặp phải những khó khăn nhất định trong quá trình đánh giá như biên soạn bộ công cụ đánh giá; xây dựng tiêu chí, thang đo đánh giá; cơ sở vật chất phục vụ đánh giá còn thiếu và thiếu thời gian thực hiện. Những khó khăn này ảnh hưởng khá lớn đến hiệu quả của việc đổi mới đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học nói riêng và việc nâng cao chất lượng dạy học nói chung.

Dựa vào kết quả khảo sát thực trạng trên đây, chúng tôi có cơ sở để xây dựng các biện pháp nhằm giúp cho hoạt động đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực đạt hiệu quả cao.

## **Kết luận chương 2**

Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết giảng viên và sinh viên trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên đã có nhận thức đúng về mục đích, ý nghĩa của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học. Đa số giảng viên đã hiểu đúng khái niệm đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực, chỉ có một giảng viên chưa hiểu đầy đủ về khái niệm này.

Giảng viên đã hướng đến đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực. Tuy nhiên việc thực hiện đánh giá còn chưa triệt để, đầy đủ do chưa có bộ công cụ, các phương pháp, hình thức đánh giá phù hợp. Trong quá trình thực hiện đánh giá, có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc đánh giá như năng lực đánh giá của giảng viên, tính tích cực của sinh viên, các cơ sở pháp lý, điều kiện cơ sở vật chất,... nên giảng viên còn gặp phải những khó khăn nhất định.

Vì vậy, để nâng cao chất lượng đào tạo, thực sự tạo ra sự chuyển biến mới trong hoạt động đánh giá kết quả học tập, khắc phục những tồn tại của thực trạng. Từ kết quả khảo sát tại trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, chúng tôi nhận thấy cần thiết phải xây dựng được hệ thống các biện pháp đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực toàn diện và khách quan.

### **Chương 3**

## **BIỆN PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC HỌC CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC VÀ KHẢO NGHIỆM**

### **3.1. Nguyên tắc để xây dựng biện pháp**

#### **3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo mục tiêu dạy học môn học**

Các biện pháp đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực phải đảm bảo mục tiêu chương trình đào tạo môn Giáo dục học. Bởi lẽ mục tiêu dạy học môn học được thực hiện xuyên suốt, liên tục trong quá trình dạy học. Nó quy định những thành tố khác trong hệ thống quá trình dạy học và quy định những thành tố tương ứng trong đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực như mục tiêu đánh giá, nội dung đánh giá, phương pháp, phương tiện, các hình thức đánh giá,...

#### **3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn**

Hệ thống các biện pháp được xây dựng phải đảm bảo thực tiễn đào tạo ở các trường sư phạm nghĩa là các biện pháp này vừa phải đáp ứng được yêu cầu của hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của sinh viên vừa phải có tính ứng dụng trong thực tiễn nhà trường. Các biện pháp phải được xây dựng dựa trên những cơ sở, điều kiện, hoàn cảnh đặc thù của nhà trường sư phạm đảm bảo tính sư phạm và mang ý nghĩa giáo dục.

#### **3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện**

Các biện pháp đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực phải đảm bảo tính toàn diện nghĩa là phải tác động đến nhiều mặt trong nhận thức, kĩ năng, thái độ của người học, đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học cho các giảng viên giảng dạy bộ môn.

Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện giúp giảng viên có sự đánh giá tổng thể hơn, nhờ đó hiệu quả đánh giá cao hơn, chính xác hơn.

#### **3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính phù hợp với chương trình đào tạo**

Khi xây dựng các biện pháp đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực phải đảm bảo phù hợp với chương trình, nội dung môn học. Giáo dục học là một trong những môn học nghiệp vụ của ngành sư phạm vừa mang tính lý luận vừa có tính thực tiễn cao. Vì vậy, việc học môn Giáo dục học không chỉ dừng lại ở việc nắm vững các quan điểm, khái niệm, quy luật,... mà còn đòi hỏi người học phải có những hiểu biết nhất định về xã hội, các quan điểm chỉ đạo và tình hình giáo dục trong nước và trên thế giới, đặc biệt người học phải biết vận dụng những tri thức ấy vào thực tiễn để đạt kết quả cao trong học tập. Do vậy, khi xây dựng các biện pháp cần dựa trên cơ sở phân tích chương trình, nội dung môn học cũng như căn cứ vào những công việc của người giáo viên phổ thông thực hiện để đảm bảo xây dựng các biện pháp thích hợp và có chất lượng.

#### **3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi và tính hiệu quả**

Các biện pháp đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực phải phù hợp với khả năng và điều kiện của nhà trường, phù hợp với năng lực sư phạm của giáo viên và trình độ nhận thức của sinh viên. Bên cạnh đó, cần phải chú ý những điều kiện này để đảm bảo tính khả thi của các biện pháp, để các biện pháp đưa ra sẽ được áp dụng thường xuyên trong quá trình đánh giá kết quả học tập.

Các biện pháp được xây dựng phải đem lại hiệu quả tích cực trong quá trình đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn học. Giúp người dạy và người học điều chỉnh các hoạt động giảng dạy – học tập của mình, đáp ứng các yêu cầu đầu ra về mặt năng lực để qua đó người học có điều kiện rèn luyện các năng lực nghề nghiệp phục vụ quá trình giảng dạy trong tương lai.

## **3.2. Một số biện pháp đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực**

### **3.2.1. Xây dựng và công khai các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học**

#### *3.2.1.1. Mục tiêu của biện pháp*

Biện pháp này nhằm giúp cán bộ giảng viên và sinh viên xác định được những mục tiêu năng lực cần đánh giá ở môn học; lấy đó làm căn cứ, cơ sở so sánh để đánh giá thông tin đã thu được về kết quả học tập của sinh viên.

Xây dựng và công khai các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học không chỉ là công cụ dành cho giảng viên mà còn là thông tin định hướng cần thiết cho sinh viên trong quá trình học tập; cung cấp cho sinh viên hệ thống những yêu cầu để sinh viên cố gắng và nỗ lực trong học tập, là căn cứ để sinh viên xác định các mục tiêu học tập và tự xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân. Qua đó, sinh viên hình thành được hệ thống những năng lực khác nhau, đáp ứng yêu cầu môn học đề ra.

#### *3.2.1.2. Nội dung và cách thức tiến hành*

Theo đánh giá truyền thống, các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá thường chỉ dừng lại ở ba điểm:

- Các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chỉ được thiết kế và sử dụng để chấm điểm sinh viên qua các bài kiểm tra, bài thi giữa kì, cuối kì và một số bài tiểu luận kết thúc môn học hơn là để định hướng việc dạy và học.

- Các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá được xác định và phổ biến tập trung chủ yếu trong nội bộ giảng viên hoặc chỉ dành cho các giám khảo chứ không phổ biến đến sinh viên một cách thích hợp và minh bạch.

- Các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá thường đo lường một cách cụ thể và riêng biệt kết quả đạt được của sinh viên qua kiến thức lĩnh hội, mức độ đạt được những kĩ năng tương ứng có liên quan đến chương trình môn học chứ không định hướng phát triển năng lực thực hiện của sinh viên trong học tập.



Chính vì vậy, việc sử dụng các tiêu chuẩn, tiêu chí trong hoạt động đánh giá theo truyền thống chưa thật sự phát huy hết tác dụng và ý nghĩa của nó. Trên cơ sở khung chuẩn đầu ra của sinh viên sư phạm và giới hạn nghiên cứu của đề tài, chúng tôi xin đưa ra các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên đại học sư phạm như sau:

### **Tiêu chuẩn 1: Phát triển các năng lực chung**

<b>Các tiêu chí của tiêu chuẩn 1</b>	<b>Minh chứng và mức độ thực hiện</b>	<b>Điểm</b>
<b>1.1. Năng lực tư duy phân tích</b>	M1: Có bằng chứng khẳng định sinh viên chưa biết phân chia các bộ phận cấu thành của một sự vật hiện tượng/khái niệm liên quan đến dạy học – giáo dục, chưa chỉ ra được mối quan hệ giữa các bộ phận của sự vật hiện tượng/khái niệm liên quan đến dạy học – giáo dục để rút ra kết luận	0 – 4
	M2: Có bằng chứng khẳng định sinh viên bước đầu đã biết phân chia các bộ phận cấu thành của một sự vật hiện tượng/khái niệm liên quan đến dạy học – giáo dục, chỉ ra được mối quan hệ giữa các bộ phận của sự vật hiện tượng/khái niệm liên quan đến dạy học – giáo dục để rút ra kết luận	5 – 6
	M3: Có bằng chứng khẳng định sinh viên đã biết phân chia các bộ phận cấu thành của một sự vật hiện tượng/khái niệm liên quan đến dạy học – giáo dục, chỉ ra được mối quan hệ giữa có bộ phận của sự vật hiện tượng/khái niệm liên quan đến dạy học – giáo dục để rút ra kết luận	7 – 8
	M4: Có bằng chứng khẳng định sinh viên biết phân chia thông tin/sự vật hiện tượng/khái niệm liên quan đến dạy học – giáo dục thành những bộ phận	9 – 10

	cấu thành, chỉ ra được mối quan hệ giữa các bộ phận với cái tổng thể và giữa các bộ phận với nhau để hiểu sâu hơn về từng bộ phận của thông tin/ sự vật hiện tượng/ khái niệm để từ đó rút ra kết luận.	
<b>1.2. Năng lực tư duy tổng hợp</b>	M1: Có bằng chứng khẳng định sinh viên chưa phát hiện ra mối quan hệ giữa các bộ phận riêng lẻ của sự vật hiện tượng/đối tượng về dạy học – giáo dục và chưa biết hợp nhất các bộ phận rời rạc của sự vật hiện tượng/đối tượng thành một chỉnh thể mới	0 – 4
	M2: Có bằng chứng khẳng định sinh viên bước đầu đã phát hiện ra mối quan hệ giữa các bộ phận riêng lẻ của sự vật hiện tượng/đối tượng về dạy học – giáo dục và đã biết hợp nhất các bộ phận rời rạc của sự vật hiện tượng/đối tượng	5 – 6
	M3: Có bằng chứng khẳng định sinh viên đã phát hiện ra mối quan hệ giữa các bộ phận riêng lẻ của sự vật hiện tượng/đối tượng về dạy học – giáo dục và biết hợp nhất các bộ phận rời rạc của sự vật hiện tượng/đối tượng thành một chỉnh thể mới	7 – 8
	M4: Có bằng chứng khẳng định sinh viên phát hiện ra mối quan hệ giữa các bộ phận riêng lẻ, tách rời về dạy học – giáo dục và hợp nhất/thống nhất các bộ phận rời rạc của sự vật hiện tượng/đối tượng lại với nhau thành một chỉnh thể (mô hình/cấu trúc) mới.	9 – 10
<b>1.3. Năng lực tư duy phê phán</b>	M1: Có bằng chứng khẳng định sinh viên chưa biết phân tích, đánh giá một vấn đề - hiện tượng dạy học – giáo dục, chưa biết cách làm rõ bản chất và chưa đưa ra được ý kiến cá nhân về vấn đề - hiện tượng dạy học – giáo dục đó	0 – 4

	M2: Có bằng chứng khẳng định sinh viên bước đầu đã biết phân tích, đánh giá một vấn đề - hiện tượng dạy học – giáo dục, biết cách làm rõ bản chất và đưa ra được ý kiến cá nhân về vấn đề - hiện tượng dạy học – giáo dục đó	5 – 6
	M3: Có bằng chứng khẳng định sinh viên biết phân tích, đánh giá một vấn đề - hiện tượng dạy học – giáo dục, biết cách làm rõ bản chất và đưa ra được ý kiến cá nhân về vấn đề - hiện tượng dạy học – giáo dục đó	7 – 8
	M4: Có bằng chứng khẳng định sinh viên biết phân tích, đánh giá một vấn đề - hiện tượng dạy học – giáo dục theo những quan điểm/ý kiến khác nhau, đưa ra những lập luận làm sáng tỏ cho các quan điểm/ý kiến đó nhằm làm rõ bản chất vấn đề, hiện tượng dạy học - giáo dục và đưa ra quan điểm riêng/ý kiến riêng của cá nhân về vấn đề đó.	9 – 10
<b>1.4. Năng lực chứng minh một cách logic</b>	M1: Có bằng chứng khẳng định sinh viên chưa biết cách sử dụng các chứng cứ hay chưa lập luận để đưa ra nhận định của mình về một quan điểm dạy học – giáo dục cụ thể	0 – 4
	M2: Có bằng chứng khẳng định sinh viên bước đầu biết sử dụng những chứng cứ hay đã biết lập luận để đưa ra nhận định của bản thân về một quan điểm dạy học – giáo dục cụ thể	5 – 6
	M3: Có bằng chứng khẳng định sinh viên đã biết sử dụng các chứng cứ, biết lập luận để đưa ra nhận định của bản thân về một quan điểm dạy học – giáo dục cụ thể	7 – 8
	M4: Có bằng chứng khẳng định sinh viên sử dụng các chứng cứ, lập luận rõ ràng, chặt chẽ để làm đưa	9 – 10

	ra những nhận định của bản thân về một quan điểm dạy học – giáo dục cụ thể	
<b>1.5. Năng lực giao tiếp bằng ngôn ngữ</b>	M1: Có bằng chứng khẳng định sinh viên chưa xác định được mục đích giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ kém, không biểu đạt được suy nghĩ và ý tưởng của mình	0 – 4
	M2: Có bằng chứng khẳng định sinh viên bước đầu đã tích cực trong giao tiếp, có kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp và dạy học	5 – 6
	M3: Có bằng chứng khẳng định sinh viên khiêm tốn, lắng nghe tích cực trong giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ tương đối rõ ràng, khúc triết, khoa học	7 – 8
	M4: Có bằng chứng khẳng định sinh viên diễn đạt ý tưởng của mình một cách tự tin, thể hiện biểu cảm phù hợp với đối tượng và bối cảnh giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ rất rõ ràng, khúc triết, khoa học	9 – 10
<b>1.6. Năng lực thu thập và xử lý thông tin</b>	M1: Có bằng chứng khẳng định sinh viên chưa biết cách thu thập và xử lý các thông tin liên quan đến các vấn đề trong quá trình học tập	0 – 4
	M2: Có bằng chứng khẳng định sinh viên bước đầu đã biết cách chọn lọc và xử lý các thông tin thu được có liên quan đến quá trình học tập	5 – 6
	M3: Có bằng chứng khẳng định sinh viên đã biết phân chia, chọn lọc và xử lý các thông tin thu được có liên quan đến quá trình học tập một cách tương đối hiệu quả, hợp lý	7 – 8
	M4: Có bằng chứng khẳng định sinh viên đã phân chia, chọn lọc và xử lý các thông tin thu được có liên quan đến quá trình học tập một cách hiệu quả, hợp lý, khoa học	9 – 10

<b>1.7. Năng lực hợp tác, làm việc nhóm</b>	M1: Có bằng chứng khẳng định sinh viên chưa biết cách hợp tác với bạn bè, thầy cô trong quá trình làm việc nhóm hay thực hiện các nhiệm vụ học tập	0 – 4
	M2: Có bằng chứng khẳng định sinh viên bước đầu đã biết hợp tác với bạn bè, thầy cô trong quá trình làm việc nhóm hay thực hiện các nhiệm vụ học tập	5 – 6
	M3: Có bằng chứng khẳng định sinh viên hợp tác tương đối hiệu quả với bạn bè, thầy cô trong quá trình làm việc nhóm hay giải quyết các nhiệm vụ học tập	7 – 8
	M4: Có bằng chứng khẳng định sinh viên có tinh thần hợp tác hiệu quả với bạn bè, thầy cô, có thái độ tích cực trong quá trình làm việc nhóm hay giải quyết các nhiệm vụ học tập	9 – 10
<b>1.8. Năng lực tự học</b>	M1: Có bằng chứng khẳng định sinh viên chưa xác định được nhiệm vụ học tập tự giác, chưa có kế hoạch tự học	0 – 4
	M2: Có bằng chứng sinh viên bước đầu đã xác định được nhiệm vụ học tập tự giác, lập kế hoạch tự học	5 – 6
	M3: Có bằng chứng khẳng định sinh viên đã lập được kế hoạch tự học, xây dựng các phương pháp tự học	7 – 8
	M4: Có bằng chứng khẳng định sinh viên đã lập kế hoạch tự học, sử dụng có hiệu quả các phương pháp tổ chức tự học và tự kiểm tra đánh giá	9 – 10

## Tiêu chuẩn 2: Phát triển các năng lực dạy học – giáo dục

Các tiêu chí của tiêu chuẩn 2	Minh chứng và mức độ thực hiện	Điểm
<b>1.1. Nhóm năng lực nghiên cứu văn bản dạy học – giáo dục và đối tượng dạy học – giáo dục.</b>	M1: Có bằng chứng khẳng định sinh viên chưa biết phân tích nội dung, kế hoạch, chương trình, tài liệu dạy học – giáo dục và chưa biết tìm hiểu đối tượng dạy học – giáo dục	0 – 4
	M2: Có bằng chứng khẳng định sinh viên bước đầu đã biết phân phân tích nội dung, kế hoạch, chương trình, tài liệu dạy học – giáo dục và chưa biết tìm hiểu đối tượng dạy học – giáo dục	5 – 6
	M3: Có bằng chứng khẳng định sinh viên đã biết phân tích nội dung, thu thập kế hoạch, chương trình, tài liệu dạy học – giáo dục do nhà nước ban hành. Biết tìm hiểu khả năng, trình độ, các đặc điểm tâm sinh lý, hoàn cảnh gia đình,... của đối tượng dạy học – giáo dục	7 – 8
	M4: Có bằng chứng khẳng định sinh viên biết thu thập đầy đủ các kế hoạch, chương trình, tài liệu dạy học – giáo dục ở nhà trường phổ thông do nhà nước ban hành; nghiên cứu và phân tích làm rõ đối tượng cần giảng dạy, phân phối chương trình và thời gian biểu của các hoạt động dạy học – giáo dục một cách hợp lí, khoa học; phân tích mục tiêu, nội dung, cấu trúc chương trình của một môn học, một hoạt động giáo dục ở một khối lớp cụ thể, phân tích được vai trò, vị	9 – 10

	trí của môn học – hoạt động giáo dục; xác định được mức độ phát triển về tâm lý, thể chất cũng như trình độ kiến thức, kỹ năng của người học ở một lứa tuổi cụ thể, đặc điểm chung của tập thể học sinh để từ đó lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học – giáo dục cho phù hợp với đặc điểm lứa tuổi.	
<b>1.2. Nhóm năng lực thực hiện hoạt động dạy học – giáo dục</b>	M1: Có bằng chứng khẳng định sinh viên chưa biết xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung dạy học – giáo dục, chưa biết thiết kế, vận dụng các phương pháp, phương tiện, hình thức dạy học – giáo dục, chưa biết xử lý tình huống trong dạy học – giáo dục.	0 – 4
	M2: Có bằng chứng khẳng định sinh viên bước đầu đã biết xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung dạy học – giáo dục; thiết kế, vận dụng các phương pháp, phương tiện, hình thức dạy học – giáo dục và biết xử lý các tình huống trong dạy học – giáo dục	5 – 6
	M3: Có bằng chứng khẳng định sinh viên đã xác định đúng các mục tiêu dạy học – giáo dục; lựa chọn nội dung dạy học – giáo dục phù hợp với mục tiêu đặt ra; thiết kế các hoạt động dạy học – giáo dục phù hợp với nội dung; lựa chọn và sử dụng các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học – giáo dục phù hợp; xử lý các tình huống khéo léo và hợp lý.	7 – 8

	M4: Có bằng chứng khẳng định sinh viên xác định đầy đủ, chính xác những kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản mà người học phải đạt được sau quá trình dạy học; lựa chọn nội dung đúng trọng tâm, khoa học, chính xác, có hệ thống, phù hợp với chương trình và lứa tuổi người học; soạn giáo án dạy học và giáo án tổ chức hoạt động giáo dục cụ thể; lựa chọn và sử dụng các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học – giáo dục phù hợp; xử lý các tình huống trong dạy học – giáo dục một cách khéo léo, hợp lý, đáp ứng các yêu cầu của dạy học – giáo dục; tổ chức, quản lý tốt lớp học, tạo không khí học tập lôi cuốn người học.	9 – 10
<b>1.3. Nhóm năng lực đánh giá kết quả học tập, kết quả giáo dục của người học</b>	M1: Có bằng chứng khẳng định sinh viên chưa biết phân tích các phương pháp, công cụ để kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học – giáo dục, chưa biết nhận xét, đánh giá kết quả dạy học – giáo dục của người học	0 – 4
	M2: Có bằng chứng khẳng định sinh viên bước đầu đã biết phân tích các phương pháp, công cụ để kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học – giáo dục, chưa biết nhận xét, đánh giá kết quả dạy học – giáo dục của người học	5 – 6
	M3: Có bằng chứng khẳng định sinh viên biết phân tích để xác định được mục tiêu đánh giá, những phương pháp, công cụ kiểm tra được sử	7 – 8



	dụng để đánh giá kết quả dạy học – giáo dục; biết đưa ra nhận xét, đánh giá kết quả học tập của người học.	
	M4: Có bằng chứng khẳng định sinh viên có năng lực phân tích để xác định được mục tiêu đánh giá của bài kiểm tra, vận dụng các phương pháp và công cụ kiểm tra để thu thập thông tin về kết quả dạy học – giáo dục và đưa ra nhận xét, phản hồi thông tin cho người học một cách nhanh chóng, kịp thời.	9 – 10

*\* Cách thức thực hiện biện pháp:*

- Căn cứ vào tiêu chuẩn, tiêu chí đầu ra của sinh viên sư phạm để xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá kết quả học tập. Giảng viên cần phân tích, nghiên cứu Khung năng lực cũng như Chuẩn nghề nghiệp và Chuẩn đầu ra để xác định được các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá cần thiết.

- Công khai các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực cho sinh viên trước khi thực hiện quá trình đánh giá.

*3.2.1.3. Điều kiện để thực hiện*

- Các cấp quản lý giáo dục cần ban hành những quy chế, chính sách cũng như hướng dẫn cụ thể về thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực, trong đó cần cụ thể về hệ thống các năng lực chung cũng như hệ thống các năng lực đặc thù để thực hiện việc dạy học – giáo dục cần hình thành cho sinh viên ở môn Giáo dục học.

- Giảng viên cần có kiến thức và trình độ chuyên môn vững, có hiểu biết sâu sắc và có năng lực phân tích, so sánh về các năng lực chung và các năng lực sư phạm để từ đó xây dựng được các tiêu chí đánh giá kết quả học tập

môn Giáo dục học. Bên cạnh đó, giảng viên cần hiểu rõ các thành phần cấu tạo của các năng lực và có hiểu biết về các nhóm thuật ngữ khác nhau dùng để miêu tả mức độ thể hiện của các tiêu chí đánh giá.

### **3.2.2. Sử dụng phối hợp các phương pháp, hình thức đánh giá năng lực vào đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học**

#### *3.2.2.1. Mục tiêu của biện pháp*

Sử dụng phối hợp các phương pháp, hình thức đánh giá năng lực vào đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học nhằm phát huy được đầy đủ ưu điểm của các phương pháp và có thể thu thập thông tin về các năng lực của người học để đảm bảo cho kết quả đánh giá được chính xác, đầy đủ và toàn diện. Đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực là đánh giá không chỉ diễn ra trong các giờ kiểm tra mà diễn ra trong suốt quá trình học của sinh viên. Thông qua các hoạt động phong phú và đa dạng khác nhau, năng lực bộc lộ ra bên ngoài.

#### *3.2.2.2. Nội dung và cách thức tiến hành*

Trong giảng dạy môn Giáo dục học, có nhiều nội dung mà giảng viên có thể sử dụng phối hợp các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập với nhau. Hoặc kết hợp các phương pháp, hình thức đánh giá với các phương pháp hình thức tổ chức dạy học khác nhau.

Phương pháp quan sát là phương pháp quan trọng trong đánh giá thái độ học tập của sinh viên. Phương pháp này được thực hiện xuyên suốt trong quá trình dạy học, cung cấp các thông tin có giá trị định tính và định lượng. Quan sát cách ứng xử của sinh viên trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập độc lập hoặc trong khi làm việc nhóm, thái độ học tập trên lớp học,... là căn cứ để đánh giá định lượng. Nếu quan sát kết hợp với đánh giá thông qua hồ sơ học tập, kết quả tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của sinh viên sẽ là căn cứ để đánh giá định tính.

Phương pháp kiểm tra vấn đáp cung cấp những thông tin ngược cho giảng viên ngay trong quá trình dạy học một cách kịp thời, qua đó giảng viên nắm bắt được tình hình học tập của sinh viên một cách cập nhật thông qua câu trả lời của họ. Theo đó, giảng viên điều chỉnh phương pháp dạy của mình cũng như giúp sinh viên điều chỉnh phương pháp học hiệu quả hơn. Vấn đáp có thể sử dụng thường xuyên trong các buổi lên lớp hằng ngày, có thể kết hợp sử dụng với các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học khác nhau.

Giảng viên có thể kết hợp các phương pháp đánh giá như bài kiểm tra tự luận ngắn, trắc nghiệm khách quan kết hợp với các bài kiểm tra thực hành hoặc bài tập thực hành trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập cho sinh viên. Việc sử dụng các bài kiểm tra viết dạng tự luận ngắn, trắc nghiệm khách quan kết hợp kiểm tra thực hành giúp sinh viên giảm bớt căng thẳng, áp lực, hạn chế tâm lý “học tủ”, học đối phó, mở rộng hơn các giới hạn nội dung đánh giá, giảm bớt tình trạng gian lận trong kiểm tra – thi cử. Các dạng bài tập thực hành rất đa dạng được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như thuyết trình, làm việc nhóm, đóng vai, thực tế,... Vì vậy, sử dụng các bài tập thực hành thông qua các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kết hợp với các phương pháp đánh giá như trắc nghiệm khách quan, bài kiểm tra viết tự luận sẽ giúp việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được toàn diện hơn. Không chỉ đánh giá được kiến thức, kỹ năng, thái độ mà quan trọng hơn là đánh giá được hệ thống các năng lực của sinh viên bởi quá trình sử dụng phối kết hợp này sẽ đưa sinh viên vào những hoạt động, việc làm cụ thể nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập nhất định. Sinh viên phải chủ động tự giác, tích cực, độc lập vận dụng các kiến thức, kỹ năng, thái độ khác nhau trong giải quyết vấn đề cá nhân hay trong quá trình làm việc nhóm. Qua đó mà năng lực của sinh viên được bộc lộ ra như các năng lực tư duy, năng lực thu thập và xử lý thông tin, năng lực trình bày ngôn ngữ nói, năng lực tự học,...

Như vậy, việc sử dụng phối hợp các phương pháp, hình thức đánh giá năng lực trong đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên vừa có tác dụng hình thành và phát triển các năng lực của họ, đồng thời cũng vừa đánh giá việc thể hiện các năng lực đó.

#### *3.2.2.3. Điều kiện để thực hiện*

Để sử dụng phối hợp có hiệu quả các phương pháp, hình thức đánh giá năng lực vào việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học cần:

- Giảng viên phải nắm vững các phương pháp, hình thức đánh giá năng lực cũng như các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học để vận dụng một cách phù hợp trong đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực.

- Việc sử dụng các phương pháp, hình thức đánh giá năng lực phải thường xuyên trong suốt quá trình dạy học, đảm bảo đánh giá đầy đủ, chính xác, kịp thời.

- Xây dựng hệ thống các câu hỏi vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm khách quan, các dạng bài tập thực hành phù hợp với từng nội dung và mang tính ứng dụng cao trong thực tiễn.

### **3.2.3. Xây dựng công cụ đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của Sinh viên Sư phạm theo tiếp cận năng lực**

#### *3.2.3.1. Mục tiêu của biện pháp*

Để thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực thì không thể thiếu bộ công cụ đánh giá. Bộ công cụ này cho phép giảng viên sử dụng để tiến hành thu thập các thông tin, tìm hiểu và đánh giá các năng lực mà người học đạt được. Những kết quả ấy là căn cứ để tác động, điều chỉnh và nâng cao chất lượng dạy học.

#### *3.2.3.2. Nội dung và cách thức tiến hành*

Có rất nhiều công cụ để đánh giá kết quả học tập của sinh viên như bài kiểm tra viết tự luận, bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan, hệ thống các câu

hỏi vấn đáp,... Tuy nhiên, những công cụ đánh giá này chưa đánh giá được toàn diện kết quả học tập của sinh viên nhất là hệ thống các năng lực. Do đó, để đánh giá một cách hiệu quả kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên cần sử dụng kết hợp nhiều công cụ đánh giá khác nhau, trong đó, điển hình là sử dụng hệ thống bài tập thực hành, hồ sơ học tập.

Trong quá trình đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực, giảng viên cần xây dựng và sử dụng hệ thống công cụ đánh giá để hình thành hệ thống năng lực cho người học như sau:

*a, Hệ thống bài tập thực hành*

Việc xây dựng các bài tập thực hành cần được chú ý đến cả nội dung, hình thức, sự đa dạng và thiết thực của bài tập. Bao gồm các dạng sau:

- Bài tập thực hành có tính chất lý thuyết: Nhằm giúp người học củng cố hệ thống tri thức lý thuyết đã học, đồng thời nó là một phương tiện bồi dưỡng cho người học các năng lực tư duy, suy luận. Giảng viên có thể sử dụng đan xen như khi tổ chức cho sinh viên lĩnh hội tri thức mới hoặc trong các giờ thảo luận. Thông qua bài tập thực hành có tính chất lý thuyết, giảng viên có thể đánh giá được các năng lực của sinh viên như năng lực tư duy, năng lực ngôn ngữ và năng lực trình bày một cách logic.

- Bài tập thực hành rút ra từ các kết luận sư phạm: Đây là loại bài tập đòi hỏi sinh viên rút ra được những lời khuyên về giáo dục, phát triển các năng lực chung cũng như các năng lực dạy học – giáo dục của sinh viên. Từ những kiến thức đã học, những hiện tượng giáo dục đề ra những điều kiện thực hiện, cách tác động sư phạm. Loại bài tập này có thể được sử dụng trong các bài học trên lớp, bài đánh giá cuối kì, các hoạt động ngoại khóa, kì thi nghiệp vụ,...

- Bài tập thực hành giải quyết các tình huống giáo dục: Đây là loại bài tập nhằm vận dụng những tri thức lý thuyết để giải quyết các tình huống diễn ra trong thực tiễn giáo dục, giúp sinh viên phát triển các năng lực như: giao

tiếp, ứng xử, khả năng phán đoán, lập luận, phân tích, giải quyết vấn đề,... Để giải quyết các bài tập này, sinh viên ngoài việc nắm vững hệ thống tri thức lý luận vừa phải chủ động quan sát các tình huống trong thực tiễn, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau đồng thời phải chủ động tìm kiếm và tham khảo các nguồn tài liệu và tự luyện tập.

Khi xây dựng các bài tập thực hành ngoài việc cần chú ý lựa chọn nội dung, hình thức bài tập cho phù hợp để đánh giá các năng lực, các bài tập thực hành còn cần có tính khả thi, phù hợp với thực tiễn và phải xác định được các mục tiêu về năng lực để đánh giá.

#### *b, Bài kiểm tra đánh giá kết thúc học phần*

Hệ thống bài thi cuối kì có ảnh hưởng rất lớn đến thành tích học tập của sinh viên vì nó chiếm đến 50% điểm số của môn học. Các bài thi cuối kì sẽ đánh giá chất lượng và thành tích học tập của sinh viên đồng thời đánh giá chất lượng dạy học của giảng viên. Bài kiểm tra đánh giá kết thúc học phần có thể sử dụng hai bài thi bao gồm: một bài thi tự luận và một bài tập thực hành.

Để xác định được mức độ năng lực đạt được của sinh viên thì các câu hỏi trong bài thi phải được xây dựng sao cho tập trung vào đánh giá sự vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên để giải quyết các nhiệm vụ đặt ra. Tuy nhiên, vì bài thi có tính chất quan trọng nên khi xây dựng cần chú ý:

- Bài thi phải tập trung vào đánh giá những năng lực cốt lõi, trọng tâm của môn học.

- Câu hỏi phải rõ ràng, chính xác, dễ hiểu, hợp lý về thời gian và độ khó.

- Phải cân đối giữa các nội dung cần đánh giá.

- Cần xác định được những mục tiêu về năng lực cần đánh giá ở sinh viên.

#### *c, Hồ sơ học tập*

Đây là minh chứng để đánh giá mức độ tiến bộ của sinh viên trong quá trình học tập môn học. Nó vừa là cơ sở để giảng viên đánh giá vừa là công cụ

cần thiết trong quá trình thực hiện tự đánh giá của sinh viên. Hồ sơ học tập bao gồm:

- Hồ sơ tiến bộ: Các bài tập, sản phẩm được sinh viên thực hiện trong quá trình học mà qua đó thể hiện sự tiến bộ mà sinh viên đạt được.

- Hồ sơ quá trình: Ghi lại chi tiết những gì mà sinh viên học được về kiến thức, kỹ năng, thái độ trong suốt quá trình học tập. Những điều cần lưu ý, điều chỉnh hay cần sự hỗ trợ từ giảng viên hay các bạn trong nhóm.

- Hồ sơ mục tiêu: Trên cơ sở các năng lực đã có của bản thân, sinh viên tự xây dựng các mục tiêu học tập cần đạt cho các giai đoạn học tập tiếp theo.

- Hồ sơ thành tích: Lưu lại toàn bộ những sản phẩm, thành tích học tập nổi trội của sinh viên trong quá trình học. Thông qua đó sinh viên tự đánh giá được những năng lực của bản thân, đồng thời khám phá ra những năng lực tiềm ẩn như năng lực ngôn ngữ, năng lực khai thác thông tin,...

Tóm lại, có rất nhiều công cụ đã và đang được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo tiếp cận năng lực. Tùy thuộc vào mục tiêu, nội dung của đánh giá mà giảng viên lựa chọn, sử dụng những công cụ đánh giá khác nhau cho phù hợp. Mỗi loại công cụ đánh giá có những ưu điểm và hạn chế nhất định nên trong quá trình đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực, giảng viên phải biết lựa chọn và sử dụng các bộ công cụ đánh giá cho phù hợp để nâng cao chất lượng đánh giá cũng như nâng cao chất lượng dạy và học.

#### *3.2.3.3. Điều kiện để thực hiện*

Để xây dựng được bộ công cụ đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực, ngoài việc giảng viên phải có năng lực chuyên môn cao và hiểu biết sâu sắc thì giảng viên còn cần phải có hiểu biết về thực tiễn hoạt động dạy học – giáo dục của giáo viên phổ thông. Thường xuyên cập nhật các thông tin, sự kiện về hoạt động dạy học – giáo dục để lấy đó làm tư liệu xây dựng bộ công cụ đánh giá cho phù hợp.

### **3.2.4. Kết hợp đánh giá của giảng viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của sinh viên**

#### *3.2.4.1. Mục tiêu của biện pháp*

Tự đánh giá giúp sinh viên nhìn lại những bằng chứng của quá trình học tập, từ đó thấy được những điểm mạnh, yếu của bản thân và ý thức, trách nhiệm hơn về việc học của chính bản thân mình.

Đánh giá đồng đẳng giúp sinh viên được tham gia nhiều hơn vào quá trình học tập, phản ánh được các năng lực của sinh viên, đồng thời tạo thêm những động lực để sinh viên cố gắng. Đánh giá đồng đẳng không chỉ phát triển khả năng đánh giá cho người học mà còn phát triển lợi ích nhóm, tinh thần tập thể ở sinh viên.

Vì vậy, kết hợp đánh giá của giảng viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của sinh viên nhằm giúp giảng viên có góc nhìn khách quan hơn trong việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực, đồng thời giúp cho sinh viên biết cách đánh giá kết quả học tập của chính mình để biết mình đạt kết quả ở mức nào so với mục tiêu đề ra.

#### *3.2.4.2. Nội dung và cách thức tiến hành*

Giảng viên tổ chức cho sinh viên xây dựng các tiêu chí tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau, hướng dẫn và tổ chức cho sinh viên thực hiện tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng. Từ những kết quả của sinh viên, giảng viên làm căn cứ để đánh giá kết quả học tập cho sinh viên. Cụ thể:

- Tổ chức cho sinh viên xây dựng các tiêu chí tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. Thông thường, giảng viên là người xây dựng các tiêu chí đánh giá, nhưng nếu sinh viên được tham gia vào quá trình xây dựng các tiêu chí đánh giá sẽ giúp họ không chỉ hiểu việc đánh giá kết quả học tập của họ mà còn giúp họ có thêm những kiến thức về đánh giá để thực hiện việc này trong tương lai.



- Hướng dẫn và tổ chức cho sinh viên thực hiện tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng. Sau khi xây dựng các tiêu chí đánh giá, giảng viên hướng dẫn và tổ chức cho sinh viên thực hiện tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. Trong quá trình tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của sinh viên, giảng viên phải theo sát để kịp thời giúp đỡ và điều chỉnh để sinh viên không bị chệch hướng.

Để thực hiện tốt việc kết hợp này, giảng viên là người giữ vai trò quan trọng và cần chú ý:

- Dành nhiều thời gian cho việc xây dựng các tiêu chí cũng như tổ chức cho sinh viên thực hiện tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.

- Xây dựng các bài kiểm tra, mẫu phiếu học tập cụ thể, rõ ràng.

- Thường xuyên trao đổi với sinh viên để sinh viên nhận ra những điểm mạnh, yếu của bản thân, những gì đã làm được và chưa làm được để rút kinh nghiệm và tìm cách khắc phục.

- Khuyến khích sự nỗ lực của sinh viên để giúp họ tích cực, tự giác và có ý thức trách nhiệm trong việc tự đánh giá bản thân và đánh giá bạn cùng lớp.

#### *3.2.4.3. Điều kiện để thực hiện*

Để thực hiện việc kết hợp giữa đánh giá với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của sinh viên thì giảng viên phải giữ vai trò chủ đạo trong quá trình đánh giá, hướng dẫn sinh viên cách đánh giá cũng như tự đánh giá. Sinh viên phải thể hiện thái độ tự giác, tích cực, chủ động, có trách nhiệm, nghiêm túc trong tự đánh giá và đánh giá bạn học.

#### **3.2.5. Mối quan hệ giữa các biện pháp**

Như vậy, để thực hiện tốt đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực, chúng tôi nghiên cứu và đề xuất các biện pháp xây dựng và công khai các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá, xây dựng bộ công cụ đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực, sử dụng phối hợp các phương pháp, hình thức đánh giá và kết hợp đánh giá của giảng

viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của sinh viên. Ngoài 4 biện pháp đã phân tích ở trên còn rất nhiều biện pháp khác để thực hiện tốt việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực. Song theo chúng tôi, trên đây là những biện pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực. Giữa các biện pháp có mối quan hệ thống nhất, biện chứng với nhau, bổ sung kết quả cho nhau. Các biện pháp được xây dựng đi theo một trình tự khoa học, chặt chẽ, đảm bảo tính hiệu quả và khả thi. Do đó cần thực hiện phối hợp các biện pháp để giúp việc thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực đạt hiệu quả cao.

### **3.3. Khảo nghiệm sư phạm**

#### **3.3.1. Khái quát quá trình khảo nghiệm**

Để có cơ sở đánh giá về sự cần thiết và mức độ khả thi của các biện pháp đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực, chúng tôi đã tiến hành thăm dò ý kiến của 12 cán bộ quản lý và 10 giảng viên giảng dạy môn Giáo dục học ở trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

##### *3.3.1.1. Mục đích khảo nghiệm*

Nhằm khẳng định tính hiệu quả, tính khả thi của các biện pháp đề xuất.

##### *3.3.1.2. Nội dung khảo nghiệm*

Khảo nghiệm tính khả thi, mức độ cần thiết của các biện pháp đã nêu.

##### *3.3.1.3. Phương pháp khảo nghiệm*

Điều tra bằng bảng hỏi (Phụ lục 3)

#### **3.3.2. Kết quả khảo nghiệm.**

Sau khi tiến hành thăm dò ý kiến, kết quả thu được như sau:

**Bảng 3.1. Ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên về sự cần thiết và mức độ khả thi của các biện pháp được đề xuất**

STT	Các biện pháp	Sự cần thiết			Tính khả thi		
		RCT	CT	KCT	RKT	KT	KKT
1	Xây dựng và công khai các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học	19/22	3/22	0	15/22	7/22	0
2	Sử dụng phối hợp các phương pháp, hình thức đánh giá năng lực vào đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học	17/22	5/22	0	17/22	5/22	0
3	Xây dựng công cụ đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực	16/22	6/22	0	16/22	6/22	0
4	Kết hợp đánh giá của giảng viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của sinh viên	18/22	4/22	0	17/22	5/22	0

*Ghi chú: RCT: Rất cần thiết*

*CT: Cần thiết*

*KCT: Không cần thiết*

*RKT: Rất khả thi*

*KT: Khả thi*

*KKT: Không khả thi*

Kết quả ở bảng 3.1 cho thấy: Nhìn chung các ý kiến của cán bộ quản lý và giảng viên giảng dạy của trường đều cho rằng các biện pháp đề xuất đều có tính cần thiết và có tính khả thi cao để thực hiện tốt đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học cho sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực. Trao đổi trực tiếp với một số cán bộ quản lý và giảng viên giảng dạy bộ môn Giáo

dục học ở trường chúng tôi được biết: Thực tế dạy học môn Giáo dục học hiện nay còn chậm đổi mới về phương pháp và hình thức cho nên chưa khẳng định được vai trò của môn học trong quá trình đào tạo giáo viên, đặc biệt là chưa thực sự đánh giá được các năng lực nghề của sinh viên do chưa có các tiêu chí, bộ công cụ đánh giá cụ thể, phù hợp. Các biện pháp được đề xuất có tính cấp thiết cao và khá phù hợp với thực tiễn. Tuy nhiên, để thực hiện được các biện pháp này thì cần có thời gian nghiên cứu, thử nghiệm và áp dụng trong thực tiễn chứ không thể làm ngay được.

Trao đổi ý kiến với sinh viên, hầu hết các bạn sinh viên còn chưa chắc chắn về mức độ khả thi của các biện pháp trên vì trong thực tế việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học đã đánh giá được một số năng lực của sinh viên tuy nhiên còn chưa thực sự cụ thể, rõ ràng. Sinh viên chưa nhận thấy rõ việc đánh giá kết quả học tập theo truyền thống hay theo tiếp cận năng lực. Nhưng các bạn sinh viên thực sự kì vọng vào các biện pháp được đề xuất để nâng cao hiệu quả việc thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực, đáp ứng các yêu cầu về chuẩn đầu ra của sinh viên sư phạm và nâng cao chất lượng dạy học môn học.

Tóm lại, đây là những ý kiến khách quan và được coi là cơ sở bước đầu để đánh giá các biện pháp đề ra. Các biện pháp này có thực sự mang lại hiệu quả hay không, đạt hiệu quả cao hay thấp còn cần được kiểm nghiệm trong thực tế.

### **Kết luận chương 3**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực được trình bày ở chương 1 và tiến hành khảo sát thực trạng, phân tích và trình bày kết quả ở chương 2, luận văn đã đề xuất 4 biện pháp đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực, đó là: Xây dựng và công khai các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học; Sử dụng phối hợp các phương pháp, hình thức đánh giá năng lực vào đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học; Xây dựng công cụ đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực; Kết hợp đánh giá của giảng viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của sinh viên. Các biện pháp này có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ cho nhau để đem lại hiệu quả.

Các biện pháp trên đã được tiến hành khảo nghiệm và cho kết quả về tính khả thi cao. Đây là một thực tiễn quan trọng để có thể áp dụng các biện pháp này vào việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực cho sinh viên đại học sư phạm đạt chất lượng và hiệu quả.

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

1.1. Đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực đang là vấn đề được nhiều nhà giáo dục quan tâm nghiên cứu để hướng đến việc phát triển năng lực thực hiện của người học, tạo điều kiện cho người học thâm nhập vào thực tiễn, gắn học đi đôi với hành. Trong nhà trường sư phạm, Giáo dục học là môn học có tác động lớn trong việc hình thành các năng lực nghề nghiệp cho sinh viên. Vì vậy, nghiên cứu đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực là hết sức cần thiết giúp họ hình thành được những năng lực chung và những năng lực chuyên biệt để thực hiện việc dạy học – giáo dục trong tương lai.

Mục đích của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực là đánh giá hệ thống năng lực dạy học – giáo dục của sinh viên. Nội dung đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực đòi hỏi sinh viên thực hiện vận dụng những kiến thức, kỹ năng, thái độ đã học để giải quyết các bài tập, nhiệm vụ đề ra để thể hiện năng lực bản thân. Các phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá được sử dụng phối hợp đa dạng trong đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực. Các công cụ có giá trị để đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực là các dạng bài tập thực hành, phiếu quan sát, hồ sơ học tập, phiếu tự đánh giá và phiếu đánh giá đồng đẳng của sinh viên.

1.2. Thực trạng đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên theo tiếp cận năng lực: Giảng viên và sinh viên trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên đã có nhận thức đúng về mục đích, ý nghĩa của đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học và hiểu đúng khái niệm đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực.

Giảng viên đã hướng đến đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực. Tuy nhiên việc thực hiện đánh giá còn chưa triệt để, đầy đủ do chưa có bộ công cụ, các phương pháp, hình thức đánh giá phù hợp. Trong quá trình thực hiện đánh giá còn chịu tác động của nhiều yếu tố ảnh hưởng nên giảng viên còn gặp phải những khó khăn nhất định.

1.3. Để khắc phục thực trạng cần có các biện pháp đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực, đó là: Xây dựng và công khai các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học; Sử dụng phối hợp các phương pháp, hình thức đánh giá năng lực vào đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học; Xây dựng công cụ đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực; Kết hợp đánh giá của giảng viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của sinh viên. Các biện pháp này có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ cho nhau để đem lại hiệu quả và đã được tiến hành khảo nghiệm và cho kết quả về tính khả thi cao.

## **2. Khuyến nghị**

2.1. Sử dụng kết quả nghiên cứu vào đào tạo sinh viên của các trường đại học sư phạm, đưa đánh giá vào đào tạo theo môn học, mở rộng nghiên cứu để thực hiện đối với các nội dung đào tạo khác.

2.2. Để thực hiện có hiệu quả các biện pháp được đề xuất, cần:

*\* Về phía nhà quản lý giáo dục và nhà trường*

- Lên kế hoạch, chỉ đạo thực hiện đổi mới đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực. Nghiên cứu đưa vào chương trình đào tạo những nội dung về đổi mới đánh giá kết quả học tập để giảng viên tiếp cận được những xu hướng đánh giá mới hiện nay; cân đối chương trình môn học bằng cách tăng cường thời lượng thực hành và giảm thời lượng lý thuyết để sinh viên có nhiều thời gian rèn luyện và phát triển các

năng lực; điều chỉnh hợp lý sĩ số lớp học để đảm bảo điều kiện cho dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học theo tiếp cận năng lực đạt hiệu quả.

- Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị, phương tiện cho dạy học để thực hiện tốt hoạt động giảng dạy và hoạt động đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực.

- Xây dựng và thống nhất hệ thống các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực nói chung và môn Giáo dục học nói riêng đảm bảo chính xác, khách quan, toàn diện, phát huy năng lực của người học.

*\* Về phía giảng viên*

- Thường xuyên trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ đặc biệt là các kiến thức về đổi mới đánh giá và đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực để vận dụng phù hợp vào hoạt động dạy học và đánh giá của mình.

- Chuẩn bị chu đáo trong công tác xây dựng hệ thống bài thi, câu hỏi kiểm tra đánh giá, các bài tập thực hành. Nghiên cứu kỹ chương trình, mục tiêu môn học để xây dựng các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá năng lực cho phù hợp.

- Áp dụng hệ thống các biện pháp đã được đề xuất trong quá trình thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên theo tiếp cận năng lực.

*\* Về phía sinh viên:*

- Có thái độ nghiêm túc, tích cực, chủ động, tự giác trong hoạt động học tập của mình.

- Xây dựng kế hoạch tự học, tự nghiên cứu. Tự đánh giá những điểm mạnh, yếu của bản thân để rèn luyện và khắc phục nhược điểm nhằm hình thành hệ thống năng lực nghề nghiệp vững chắc phục vụ công việc say này.

2.3. Có thể sử dụng kết quả nghiên cứu làm tài liệu tham khảo cho cán bộ nghiên cứu, giảng viên, sinh viên trong các trường sư phạm.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Hội nghị lần thứ 8 (2013), Nghị quyết 29-NQ/TW về *Đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu CN hóa, HĐ hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*, ngày 4/11/2013.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo – Ban liên lạc các trường ĐHSP toàn quốc (2004), *Kỷ yếu hội thảo khoa học đổi mới nội dung và phương pháp dạy học ở các trường đại học sư phạm*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
3. Bộ môn Giáo dục học trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên(2015), *Đề cương môn học Giáo dục học*.
4. Nguyễn Ngọc Bảo, Hà Thị Đức (1999), *Hoạt động dạy học ở trường trung học cơ sở*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Nguyễn Ngọc Bảo, Trần Kiêm (2005), *Lý luận dạy học ở trường Trung học cơ sở*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
6. Lê Khánh Bằng (1987), *Kiểm tra việc lĩnh hội tri thức của học sinh*, Tạp chí ĐH – THCN.
7. Nguyễn Thanh Bình (chủ biên) (2006), *Lý luận giáo dục học Việt Nam*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
8. Cao Danh Chính (2012), *Dạy học theo tiếp cận năng lực thực hiện ở các trường đại học sư phạm kỹ thuật*, Luận án tiến sĩ GDH, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
9. Nguyễn Đức Chính (2000), *Tài liệu tập huấn: Tổng quan chung về đảm bảo và kiểm định chất lượng đào tạo trong giáo dục đại học*, Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Nguyễn Đức Chính (2004), *Đo lường – đánh giá kết quả học tập của học sinh*, tài liệu giảng dạy, Khoa Sư phạm, Đại học Quốc gia Hà Nội.

11. Hà Thị Đức (1986), *Cơ sở lý luận và hệ thống biện pháp đảm bảo tính khách quan trong quá trình kiểm tra đánh giá tri thức của học sinh sư phạm*, Luận án phó tiến sĩ.
12. Nguyễn Văn Giao (chủ biên) (2001), *Từ điển giáo dục học*, NXB Từ điển Bách khoa Hà Nội.
13. Lê Thị Mỹ Hà (2010), *Đánh giá kết quả học tập của học sinh: định nghĩa và phân loại*, Tạp chí Khoa học giáo dục 61, tr 21-24.
14. Lê Thị Mỹ Hà (2010), *Quy trình xây dựng đề kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông*, Tạp chí Khoa học giáo dục 63, tr 28-32.
15. Trần Bá Hoàn (1996), *Đánh giá trong giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
16. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức (2004), *Lí luận dạy học đại học*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
17. Đặng Vũ Hoạt, *Một số vấn đề kiểm tra đánh giá tri thức của học sinh (giáo trình xemina về LLDH)*, tập 2, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
18. Lê Văn Hồng (1982), *Cải tiến việc đánh giá môn học*, Kỷ yếu hội nghị tâm lý giáo dục ĐHSP 1, Hà Nội.
19. Vũ Xuân Hùng (2011), *Rèn luyện năng lực dạy học cho sinh viên đại học sư phạm kỹ thuật trong thực tập sư phạm theo tiếp cận năng lực thực hiện*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
20. Nguyễn Công Khanh (2004), *Đánh giá và đo lường trong khoa học xã hội: Quy trình, kỹ thuật thiết kế, thích nghi, chuẩn hóa công cụ đo*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
21. Nguyễn Công Khanh (Cb) (2014), *Kiểm tra đánh giá trong giáo dục (Dành cho sinh viên tại các trường, khoa Sư phạm)*, NXB ĐHSP Hà Nội.
22. Mai Quốc Khánh (2008), *Biện pháp khách quan hóa việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn giáo dục học của sinh viên trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ khoa học giáo dục.

23. Trần Kiều (Chủ nhiệm đề tài) (1997), *Thử xác định chuẩn đánh giá, công cụ và quy trình đánh giá hai bộ môn Văn – Tiếng Việt và Toán ở trường THCS*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Viện Khoa học giáo dục, Hà Nội.
24. Trần Kiều, (Chủ nhiệm đề tài) (2003), *Nghiên cứu phương thức đánh giá hạnh kiểm học sinh THCS*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Viện Khoa học giáo dục, Hà Nội.
25. Trần Kiều (Chủ biên) (2004), *Bước đầu đổi mới kiểm tra kết quả học tập các môn học của học sinh lớp 7*, NXB Giáo dục.
26. Trần Kiều, (Chủ nhiệm đề tài trọng điểm cấp Bộ) (2005), *Nghiên cứu xây dựng phương thức và một số bộ công cụ đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục, Hà Nội.
27. Nguyễn Bá Kim (2011), *Phương pháp dạy học môn toán*, NXB Đại học sư phạm.
28. Nguyễn Thị Hà Lan (2013), *Đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học trong đào tạo theo học chế tín chỉ*, Tạp chí Giáo dục số 321, tr. 24-
29. Đặng Bá Lãm (2003), *Kiểm tra, đánh giá trong dạy – học đại học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
30. Đặng Bá Lãm (2011), *Đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học Việt Nam: những định hướng nghiên cứu lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Khoa học giáo dục, tr.29-32.
31. Nguyễn Thị Bích Liên (2014), *Tổ chức Xemina trong dạy học môn Giáo dục học ở đại học theo tiếp cận năng lực*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
32. Trần Thị Bích Liễu (Tổng hợp và biên soạn) (2007), *Đánh giá chất lượng giáo dục – nội dung – phương pháp – kỹ thuật*, NXB đại học sư phạm Hà Nội.

33. Lê Thùy Linh (2013), *Dạy học Giáo dục học ở Đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực thực hiện*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học.
34. Lê Kim Long, Phạm Minh Trí (2012), *Ứng dụng cách tiếp cận năng lực chung – một phương pháp mới xác định danh mục năng lực cần thiết đối với chuyên viên ngân hàng*, ([www.sbv.gov.vn/wps/wcm/connect/.../lekimlong.doc?MOD](http://www.sbv.gov.vn/wps/wcm/connect/.../lekimlong.doc?MOD), ngày 20/8/2012)
35. Phan Thanh Long (chủ biên) (2008), *Những vấn đề chung của giáo dục học*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
36. Nguyễn Đức Minh (2012), *Một số vấn đề về đánh giá theo kiến thức, kỹ năng và năng lực của học sinh*, Tạp chí khoa học giáo dục 84, tr.12-13.
37. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1987), *Giáo dục học tập 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
38. Nguyễn Thành Nhân (2014), *Mô hình đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong đào tạo theo tín chỉ*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
39. Hoàng Đức Nhuận, Lê Đức Phúc (2008), *Cơ sở lý luận của việc đánh giá chất lượng học tập của học sinh phổ thông*, Chương trình khoa học cấp nhà nước KX-07-08, Hà Nội.
40. Trần Thị Tuyết Oanh (2000), *Xây dựng, sử dụng câu trắc nghiệm khách quan và câu tự luận ngắn trong đánh giá kết quả học tập môn giáo dục học*, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục.
41. Trần Thị Tuyết Oanh (2004), *Đánh giá trong giáo dục*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
42. Nguyễn Lan Phương (2007), *Đánh giá hình thành, đánh giá tổng kết: thực trạng, biện pháp vận dụng ở trường trung học*, Tạp chí giáo dục số 156 năm 2007, tr 12-14.
43. Nguyễn Thị Lan Phương (Chủ biên) (2011), *Đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Giáo dục.

44. Nguyễn Nam Phương (2013), *Đổi mới phương pháp đánh giá môn Giáo dục học ở trường Đại học Sư phạm Hà Nội theo mô hình đào tạo tín chỉ*, Tạp chí Giáo dục số 317, tr 39-41.
45. Lâm Quang Thiệp (2006), *Lý thuyết và thực hành về đo lường và đánh giá trong giáo dục*, Tài liệu tập huấn, Edtech, Hà Nội.
46. Lâm Quang Thiệp (2010), *Đo lường trong giáo dục, lý thuyết và ứng dụng*, Đại học Quốc gia Hà Nội.
47. Đỗ Ngọc Thống (2011), *Xây dựng chương trình giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực*, Tạp chí Khoa học Giáo dục 68, tr 20-26.
48. Nguyễn Hồng Thuận (2012), “*Xác định khung năng lực cơ bản cần có ở học sinh phổ thông*”, Kỷ yếu hội thảo Hệ thống năng lực chung cốt lõi của học sinh cho chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
49. Dương Thiệu Tống (1995), *Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập*, Trường Đại học Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.
50. Dương Thiệu Tống (2005), *Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập (phương pháp thực hành)*, NXB Khoa học xã hội.
51. Thái Duy Tuyên (2005), *Những vấn đề chung của giáo dục học*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
52. Thái Duy Tuyên (2007), *Phương pháp dạy học – Truyền thống và Đổi mới*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
53. Nguyễn Thị Thanh Trà (2015), *Tổ chức cho sinh viên đại học sư phạm tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực*, Tạp chí Khoa học giáo dục 120, tr.46-48.
54. Nguyễn Thị Thanh Trà (2015), *Quy trình xây dựng bài tập Giáo dục học đánh giá kết quả học tập của sinh viên Đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực*, Tạp chí khoa học – Trường ĐHSP Hà Nội số 8B, tr. 223-228.

55. Nguyễn Thị Thanh Trà (2016), *Đánh giá kết quả học tập môn giáo dục học của sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục.
56. Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên) (2001), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
57. Nguyễn Thị Hồng Vân (2006), *Hệ thống đề kiểm tra nhằm đánh giá năng lực ngữ văn của học sinh trung học cơ sở theo yêu cầu tích hợp*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
58. X.Roegiers (1996), *Khoa học sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường*, NXB Giáo dục.
59. Xavier Poegiers (1996), *Khoa Sư phạm tích hợp hay Làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường*, người dịch: Đào Trọng Quang, Nguyễn Ngọc Nhị, NXB Giáo dục, Hà Nội.
60. Phan Thị Hồng Xuân (2008), *Vấn đề đánh giá năng lực tiếng Việt của học sinh lớp 6*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
61. Analytic Quality Glossary, Assessment of student learning.
62. Benjamin S. Bloom, George F.Madaus and J. Thomas Hastings (1981), *Evaluation to Improve Learning*, by Mc.Graw- Hill Book Company, New York.
63. Department of Education and Training Western Australia (2008), *Designing assessment tools for quality outcomes in VET*.
64. Department of Education and Training Western Australia (2008), *Guidelines for assessing competence in VET*, 2<sup>nd</sup> edition 2008.
65. Eurydice, 2002, Key Competencies A developing concept in general compulsory education.
66. Herbert J Walberg, Geneva D Haertel (edited) (1990), *The International Encyclopedia of Educational Evaluation*, Pergamon Press, USA.
67. Martin Johnson (2008), *Grading in competence-based qualifications – is*

- it desirable and how it affect validity?*, Journal of Further and Higher Education, 32:2, 175 – 184.
68. Polytechnics International New Zealand Ltd (2011), *Final Report on R-PATA 7275-REG: Implementing the Greater Mekong Sub-region Human Resource Development Strategic Framework and Action Plan (Output 2: Agreed Framework for Mutual Recognition of Technical Skills and Qualifications in the GMS)*.
69. Phil Race, Sally Brown and Brenda Smith, *500 Tips on Assessment*, 2<sup>nd</sup> edition, Routledge Falmer, USA 2006.
70. Quality Assurance Agency for Higher Education (QAA) (2006), *Code of practice for the assurance of academic quality and standards in higher education – Section 6: Assessment of student*.
71. Richard, J. and Rodgers, T. (2001), *Approaches and Methods in Language Teaching*, New York, NY: Cambridge University Press.
72. Shirley Fletcher, *Competence – Based Assessment Techniques*, Kogan Page Ltd, London, 1995.
73. Một số website tham khảo:
- [http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/c/document-library/get\\_file?uuid=f96d68e2-d50e-47b4-b844-b79ee700f7da&groupId=13025](http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/c/document-library/get_file?uuid=f96d68e2-d50e-47b4-b844-b79ee700f7da&groupId=13025)
  - <http://teachingcommons.stanford.edu/resources/teaching/evaluating-students/assessing-student-learning/artificial-intelligence-assessment>
  - <http://teachingcommons.stanford.edu/resources/teaching/evaluating-students/assessing-student-learning/student-self-assessment>
  - <http://www.qaa.ac.uk/academicinfrastructure/codeOfPractice/section6/COPAOS.pdf>
  - <http://www.qualityresearchinternational.com/glossary/assessmentoflearning.htm>

PHỤ LỤC 1

**PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN**

(Dành cho sinh viên)

*Câu 1. Theo bạn, đánh giá kết quả học tập có ý nghĩa như thế nào trong quá trình dạy học môn Giáo dục học?*

- Quan trọng
- Bình thường
- Không quan trọng

*Câu 2. Theo bạn, tầm quan trọng của từng mục đích đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học dưới đây như thế nào?*

Mục đích	Mức độ		
	Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng
Đánh giá xếp hạng giữa các sinh viên			
Xác định trình độ sinh viên đạt được so với mục tiêu chương trình giáo dục			
Đánh giá khả năng học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn			
Hình thành năng lực cho người học			
Vì sự tiến bộ của người học so với chính họ			
Các mục đích khác: ..... .....			



**Câu 3. Việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học như hiện nay phản ánh trình độ học tập của bạn như thế nào?**

- Chính xác
- Tương đối chính xác
- Không chính xác

Ý kiến khác: .....

.....

**Câu 4. Theo bạn, nguyên nhân của việc đánh giá kết quả học tập thiếu chính xác là gì? (Đánh giá mức độ theo thang điểm giảm dần)**

Nguyên nhân	Mức độ		
	3	2	1
Yếu tố chủ quan của sinh viên (gian lận, thiếu trung thực, học tủ, học lệch,...)			
Yếu tố chủ quan của người đánh giá (tâm trạng, cảm xúc, quan điểm cá nhân,...)			
Chưa có bộ công cụ đánh giá rõ ràng			
Hình thức, phương pháp, kĩ thuật đánh giá chưa toàn diện			
Nguyên nhân khác:			
.....			
.....			

**Câu 5. Giảng viên thường sử dụng các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học hiện nay như thế nào?**

Phương pháp, hình thức	Mức độ		
	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không sử dụng
Phương pháp quan sát			
Phương pháp kiểm tra vấn đáp			
Phương pháp kiểm tra viết tự luận			
Phương pháp trắc nghiệm khách quan			
Phương pháp kiểm tra thực hành			
Phương pháp tự đánh giá			
Phương pháp đánh giá đồng đẳng			
Phương pháp đánh giá thông qua hồ sơ học tập			

**Câu 6. Giảng viên thường sử dụng những công cụ để đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học hiện nay như thế nào?**

Công cụ	Mức độ		
	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không sử dụng
Bài kiểm tra vấn đáp			
Bài kiểm tra viết tự luận			
Bài kiểm tra viết trắc nghiệm khách quan			
Bài kiểm tra thực hành			
Bài thu hoạch thảo luận nhóm			
Phiếu quan sát			
Hồ sơ học tập/ nhật kí học tập			
Phiếu tự đánh giá			

**Câu 7. Trong quá trình đánh giá các năng lực nghề của sinh viên ở môn Giáo dục học, giảng viên thực hiện những mức độ mục tiêu đánh giá sau như thế nào?**

Mục tiêu	Mức độ		
	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không bao giờ
Nhớ kiến thức, kỹ năng môn học			
Hiểu kiến thức, kỹ năng môn học			
Vận dụng kiến thức, kỹ năng trong những tình huống quen thuộc			
Vận dụng kiến thức, kỹ năng trong những tình huống mới, ít quen thuộc			

**Câu 8. Trong thực tiễn giảng dạy môn Giáo dục học hiện nay, giảng viên thường đánh giá các năng lực sau như thế nào?**

Năng lực	Mức độ		
	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không bao giờ
Tư duy chứng minh			
Giao tiếp bằng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết			
Thu thập và xử lý thông tin			
Hợp tác, làm việc nhóm			
Tự học			
Phân tích nội dung, kế hoạch, chương trình, tài liệu dạy học – giáo dục			
Tìm hiểu đối tượng dạy học - giáo dục			
Xác định mục tiêu dạy học – giáo dục			
Lựa chọn, xây dựng nội dung dạy học – giáo dục			
Thiết kế các hoạt động dạy học – giáo dục			
Vận dụng phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học – giáo dục			
Xử lý tình huống trong dạy học – giáo dục			
Tổ chức môi trường dạy học			
Giáo dục qua dạy học các môn học			
Phân tích các phương pháp, công cụ được sử dụng để kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học – giáo dục			
Nhận xét, đánh giá kết quả dạy học – giáo dục của người học trong quá trình dạy học – giáo dục			

**Câu 9: Bạn hãy đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố sau tới hoạt động đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học?**

Yếu tố ảnh hưởng	Mức độ		
	Rất nhiều	Bình thường	Không ảnh hưởng
Nhận thức của giảng viên về đánh giá kết quả học tập đối với sự hình thành và phát triển các năng lực của sinh viên			
Năng lực đánh giá của giảng viên			
Nhận thức của sinh viên về vai trò của đánh giá kết quả học tập đối với việc học tập			
Tích cực tham gia vào việc xây dựng các tiêu chí đánh giá khi giảng viên yêu cầu			
Ý thức, trách nhiệm trong quá trình đánh giá, tự đánh giá			
Năng lực tự đánh giá của sinh viên			
Chuẩn năng lực đầu ra của sinh viên ngành sư phạm theo tiếp cận năng lực			
Chương trình môn học Giáo dục học xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực			
Quy chế, chính sách để giảng viên thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực			
Điều kiện cơ sở vật chất			

***Cảm ơn sự đóng góp ý kiến của các bạn!***

## PHỤ LỤC 2

### PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho cán bộ giảng viên)

**Câu 1. Theo thầy cô, đánh giá kết quả học tập có ý nghĩa như thế nào trong quá trình dạy học môn Giáo dục học?**

- Quan trọng
- Bình thường
- Không quan trọng

**Câu 2. Theo thầy cô, vai trò của từng mục đích trong đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên được thể hiện như thế nào?**

Mục đích	Mức độ		
	Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng
Đánh giá, xếp hạng giữa các sinh viên			
Xác định trình độ sinh viên đạt được so với mục tiêu chương trình giáo dục			
Đánh giá khả năng học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn			
Hình thành năng lực cho người học			
Vì sự tiến bộ của người học so với chính họ			
Các mục đích khác: ..... .....			

**Câu 3. Theo thầy cô, việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học như hiện nay có phản ánh chính xác kết quả học tập của sinh viên không?**

- Chính xác
- Tương đối chính xác
- Không chính xác

Ý kiến khác: .....

.....

**Câu 4. Theo thầy cô cách hiểu nào sau đây là đúng nhất về đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực?**

- Đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực là quá trình tập hợp và phân tích thông tin nhằm đưa ra những nhận định về việc vận dụng tri thức, kỹ năng, thái độ của người học để giải quyết các nhiệm vụ dạy học đề ra
- Đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực thực chất là quá trình đánh giá các năng lực học tập của người học đạt được sau quá trình dạy học
- Đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực là quá trình tập hợp và phân tích thông tin nhằm đưa ra những nhận định về việc vận dụng tích hợp tri thức, kỹ năng, thái độ của người học để giải quyết các nhiệm vụ dạy học phức hợp trong một bối cảnh thực tế hoặc giả định để đáp ứng mục tiêu năng lực đặt ra
- Đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực là đưa ra những nhận định về việc nắm vững tri thức, kỹ năng, thái độ của người học để giải quyết các nhiệm vụ dạy học đề ra

**Câu 5. Trong thực tiễn giảng dạy môn Giáo dục học, thầy cô thường sử dụng các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập với mức độ như thế nào?**

Phương pháp, hình thức	Mức độ		
	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không sử dụng
Phương pháp quan sát			
Phương pháp kiểm tra vấn đáp			
Phương pháp kiểm tra viết tự luận			
Phương pháp trắc nghiệm khách quan			
Phương pháp kiểm tra thực hành			
Phương pháp tự đánh giá			
Phương pháp đánh giá đồng đẳng			
Phương pháp đánh giá thông qua hồ sơ học tập			

**Câu 6. Thầy cô đã sử dụng những công cụ để đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên hiện nay như thế nào?**

Công cụ	Mức độ		
	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không sử dụng
Bài kiểm tra vấn đáp			
Bài kiểm tra viết tự luận			
Bài kiểm tra viết trắc nghiệm khách quan			
Bài kiểm tra thực hành			
Bài thu hoạch thảo luận nhóm			
Phiếu quan sát			
Hồ sơ học tập/ nhật kí học tập			
Phiếu tự đánh giá			

**Câu 7. Trong quá trình đánh giá các năng lực nghề của sinh viên ở môn Giáo dục học, thầy cô thực hiện những mức độ mục tiêu đánh giá sau như thế nào?**

Mục tiêu	Mức độ		
	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không bao giờ
Nhớ kiến thức, kỹ năng môn học			
Hiểu kiến thức, kỹ năng môn học			
Vận dụng kiến thức, kỹ năng trong những tình huống quen thuộc			
Vận dụng kiến thức, kỹ năng trong những tình huống mới, ít quen thuộc			

**Câu 8. Trong đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học, thầy cô đánh giá các năng lực sau của sinh viên như thế nào?**

Năng lực	Mức độ		
	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không bao giờ
Tư duy chứng minh			
Giao tiếp bằng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết			
Thu thập và xử lý thông tin			
Hợp tác, làm việc nhóm			
Tự học			
Phân tích nội dung, kế hoạch, chương trình, tài liệu dạy học – giáo dục			
Tìm hiểu đối tượng dạy học - giáo dục			
Xác định mục tiêu dạy học – giáo dục			



Lựa chọn, xây dựng nội dung dạy học – giáo dục			
Thiết kế các hoạt động dạy học – giáo dục			
Vận dụng phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học – giáo dục			
Xử lý tình huống trong dạy học – giáo dục			
Tổ chức môi trường dạy học			
Giáo dục qua dạy học các môn học			
Phân tích các phương pháp, công cụ được sử dụng để kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học – giáo dục			
Nhận xét, đánh giá kết quả dạy học – giáo dục của người học trong quá trình dạy học – giáo dục			

***Câu 9: Thầy cô hãy đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố sau tới hoạt động đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học?***

Yếu tố ảnh hưởng	Mức độ		
	Rất nhiều	Bình thường	Không ảnh hưởng
Nhận thức của giảng viên về đánh giá kết quả học tập đối với sự hình thành và phát triển các năng lực của sinh viên			
Năng lực đánh giá của giảng viên			
Nhận thức của sinh viên về vai trò của đánh giá kết quả học tập đối với việc học tập			
Tích cực tham gia vào việc xây dựng các tiêu chí đánh giá khi giảng viên yêu cầu			
Ý thức, trách nhiệm trong quá trình đánh giá, tự đánh giá			

Năng lực tự đánh giá của sinh viên			
Chuẩn năng lực đầu ra của sinh viên ngành sư phạm theo tiếp cận năng lực			
Chương trình môn học Giáo dục học xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực			
Quy chế, chính sách để giảng viên thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học theo tiếp cận năng lực			
Điều kiện cơ sở vật chất			

***Câu 10. Trong quá trình đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực thầy cô gặp phải những khó khăn gì?***

Khó khăn	Mức độ		
	3	2	1
Biên soạn bộ công cụ đánh giá			
Sinh viên cảm thấy nặng nề, áp lực			
Xây dựng tiêu chí, thang đo đánh giá			
Cơ sở vật chất phục vụ đánh giá thiếu			
Thiếu thời gian thực hiện			

***Cảm ơn sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô!***

### PHỤ LỤC 3

## KHẢO NGHIỆM VỀ SỰ CẦN THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP

Xin thầy cô đánh giá về mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực

STT	Các biện pháp	Sự cần thiết			Tính khả thi		
		RCT	CT	KCT	RKT	KT	KKT
1	Xây dựng và công khai các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học						
2	Sử dụng phối hợp các phương pháp, hình thức đánh giá năng lực vào đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học						
3	Xây dựng công cụ đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực						
4	Kết hợp đánh giá của giảng viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của sinh viên						

*Ghi chú: RCT: Rất cần thiết*

*CT: Cần thiết*

*KCT: Không cần thiết*

*RKT: Rất khả thi*

*KT: Khả thi*

*KKT: Không khả thi*